

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Dự thảo 1

**Đề tài 17/2004/HĐ-ĐTNDT
Hợp tác Việt Nam – Hoa Kỳ theo Nghị định thư**

**QUY HOẠCH VÀ LẬP KẾ HOẠCH QUẢN LÝ TỔNG HỢP VÙNG BỜ
VỊNH HẠ LONG, QUẢNG NINH**

**Cơ quan chủ trì
Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản**

**BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ
PHÂN TÍCH THỂ CHẾ VÀ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN
QUẢN LÝ TỔNG HỢP VÙNG BỜ VỊNH HẠ LONG - QUẢNG NINH**

Người thực hiện:

CN. Trần Thị Quỳnh Anh

CN. Hồ Thu Minh

KS. Nguyễn Quý Dương

Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản

**7507-3
08/9/2009**

HÀ NỘI, 2004

MỤC LỤC

BẢNG CHỮ VIẾT TẮT

DANH SÁCH KHUNG VÀ HÌNH

DANH SÁCH CÁC BẢNG BIỂU

LỜI TỰA

TÓM TẮT

I. MỞ ĐẦU

- 1.1 Bối cảnh chung**
- 1.2 Mục tiêu**
- 1.3 Đối tượng và phạm vi**
- 1.4 Các hoạt động chính**
- 1.5 Phương pháp**
- 1.6 Kết quả mong đợi**

II. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ VÙNG BỜ VỊNH HẠ LONG

- 2.1 Thể chế quản lý vùng bờ Vịnh Hạ Long**
- 2.2 Cơ chế điều phối trong quản lý vùng bờ Vịnh Hạ Long**
 - 2.2.1 Cơ chế quản lý theo ngành**
 - 2.2.2 QLVB Quảng Ninh trong quan hệ với khung thể chế quốc gia**
 - 2.2.3 Sự tham gia quản lý vùng bờ của cộng đồng địa phương**
- 2.3 Các văn bản pháp luật và chính sách liên quan đến quản lý vùng bờ Vịnh Hạ Long**
 - 2.3.1 Các chính sách quốc gia**
 - 2.3.1.1 Các Luật/Bộ luật và Nghị định liên quan**
 - 2.3.1.2 Các chính sách quốc gia ban hành sau Luật Môi trường 1993**
 - 2.3.1.3 Các chiến lược và kế hoạch hành động quốc gia**
 - 2.3.2 Các quy chế quản lý của địa phương**
 - 2.3.3 Vai trò của luật pháp quốc tế trong quản lý vùng bờ Vịnh Hạ Long**

III. NHU CẦU QUẢN LÝ TỔNG HỢP VÙNG BỜ VỊNH HẠ LONG

- 3.1 Cơ chế và chính sách điều phối liên quan đến quản lý vùng bờ Vịnh Hạ Long**
- 3.2 Sự tham gia của cộng đồng trong quá trình xây dựng quy hoạch và ra quyết định quản lý vùng bờ Vịnh Hạ Long**
- 3.3 Nhu cầu quản lý tổng hợp vùng bờ Vịnh Hạ Long**

=====

IV. ĐỀ XUẤT HỆ THỐNG THỂ CHẾ CHÍNH VÀ THỂ CHẾ QLTHVB VỊNH HẠ LONG ĐẾN NĂM 2010

4.1 Cơ sở và các nguyên tắc chung cho việc đề xuất

4.1.1 Cơ sở cho việc đề xuất

4.1.2 Các nguyên tắc của việc đề xuất

4.2 Đề xuất hệ thống chính sách cho quản lý tổng hợp vùng bờ Vịnh Hạ Long đến năm 2010

4.2.1 Các chính sách cho quản lý tổng hợp vùng bờ Vịnh Hạ Long đến năm 2010

4.2.2 Các vấn đề ưu tiên

4.3 Đề xuất khung thể chế cho QLTHVB

4.3.1 Giải pháp

4.3.2 Thành lập cơ quan quản lý tổng hợp vùng bờ của tỉnh Quảng Ninh

4.3.3 Sự tham gia của các bên liên quan trong quản lý tổng hợp vùng bờ Vịnh Hạ Long

4.3.4 Các cam kết cho việc thực hiện đề xuất

4.3.5 Sự tham gia của các bên liên quan trong tuyên truyền thông tin về môi trường

TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Bản đồ vùng nghiên cứu

Phụ lục 2: Danh sách những người tham gia

Phụ lục 3: Chính sách và văn bản pháp luật liên quan đến QLTHVB Vịnh Hạ Long

Phụ lục 4: Một số phiếu phân tích

Phụ lục 5: Phiếu phân tích thể chế – chính sách liên quan đến quản lý tổng hợp vùng bờ Vịnh Hạ Long

BẢNG CHỮ VIẾT TẮT

QLTHVB	Quản lý tổng hợp vùng bờ
QLTHĐB	Quản lý tổng hợp đới bờ
COD	Nhu cầu ô xy sinh học
GDP	Tổng thu nhập quốc nội
LHQ	Liên hợp quốc
IMO	Tổ chức biển Quốc tế
UNESCO	Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên Hợp Quốc
IUCN	Tổ chức Bảo tồn thiên nhiên quốc tế
WWF	Quỹ Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên
UNEP	Chương trình Môi trường của Liên hợp quốc
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
NGO	Tổ chức phi chính phủ
NN&PTNT	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
KHCN&MT	Khoa học – Công nghệ và Môi trường
TN&MT	Tài nguyên và Môi trường
LĐTĐ&XH	Lao động - Thương binh và Xã hội
GTĐT	Giao thông - Vận tải
VHTT	Văn hóa - Thông tin
BVNLTĐ	Bảo vệ Nguồn lợi Thủy sản
BVMT	Bảo vệ Môi trường
ĐDSH	Đa dạng Sinh học
BASEL	Công ước kiểm soát, vận chuyển các chất thải độc hại xuyên biên giới
RAMSAR	Công ước đất ngập nước
SOLAR	Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển
UNCLOS	Công ước LHQ về luật biển
SAR	Công ước quốc tế về khoa học, công nghệ hàng hải
MARPOL	Công ước ngăn ngừa ô nhiễm biển từ dầu
STCW	Công ước quốc tế về tiêu chuẩn huấn luyện, cấp chứng chỉ chuyên môn và trực ca cho thuyền viên
LL66	Công ước quốc tế về mạn khô tàu biển
BQL	Ban quản lý

DANH SÁCH BẢNG BIỂU

Bảng 1: Chức năng, nhiệm vụ liên quan đến QLVB của Bộ TN&MT, Cục BVMT và Phòng QLTHĐB

Bảng 2: Đề xuất phân bổ trách nhiệm trong cơ quan QLTHVB Vịnh Hạ Long

DANH SÁCH KHUNG VÀ HÌNH

Hình 1: Cấu trúc thể chế liên quan đến QLVB Quốc gia

Hình 2: Mối quan hệ giữa các cơ quan chức năng trong QLVB Vịnh Hạ Long

Hình 3: Mối quan hệ điều phối giữa QLVB Vịnh Hạ Long với QLVB quốc gia

LỜI TỰA

Vịnh Hạ Long thuộc tỉnh Quảng Ninh¹, một tỉnh ven biển nằm ở phía Đông Bắc Việt Nam, có thành phố Hạ Long là một thành phố công nghiệp và du lịch trẻ. Vịnh Hạ Long là một Di sản Thế giới nổi tiếng thế giới đã được UNESCO đánh giá và công nhận vào năm 1994. Về mặt địa lý, Vịnh Hạ Long là một vùng biển đảo tiếp giáp với đường bờ biển giữa huyện Hoàn Bồ và Cửa Ông, kể cả khu đô thị rộng lớn của thành phố Hạ Long và Vịnh Bái Tử Long, một phần của huyện Vân Đồn, rộng 1553km², bao gồm 1969 hòn đảo lớn nhỏ, trong đó 95% là núi đá vôi (Phụ lục 1). Ngoài những giá trị ngoại hạng về cảnh quan, địa chất địa mạo, ĐDSH, lịch sử văn hóa mang tính toàn cầu, Vịnh Hạ Long còn có những tiềm năng to lớn để phát triển kinh tế đa ngành như: giao thông, cảng biển, du lịch, khai thác và nuôi trồng thủy hải sản và là một trong những trọng điểm du lịch tâm cổ quốc gia và quốc tế trong khu vực. Với vị trí địa lý thuận lợi cho cả giao thông trong nước lẫn với ngoài nước, Hạ Long - Quảng Ninh nằm trong vùng tam giác phát triển của miền Bắc là Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh và có những nét đặc trưng duy nhất về mặt phân hóa lãnh thổ. Nơi đây tập trung rất nhiều hoạt động phát triển, kinh tế và dân sinh. Chính vì vậy, nhu cầu sử dụng tài nguyên và đảm bảo cải thiện đời sống nhân dân địa phương ngày càng gia tăng, đặc biệt trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước hiện nay.

Trong những năm qua, cùng với sự phát triển chung trên các mặt kinh tế xã hội của thành phố Hạ Long và Tỉnh Quảng Ninh, vùng bờ Vịnh cũng đã có những bước phát triển nhất định. Nhiều chương trình được đầu tư: như các chương trình phát triển du lịch, vui chơi giải trí, quản lý và bảo vệ di sản thế giới, nuôi trồng hải sản, đánh bắt cá xa bờ, chế biến thủy sản, vận tải đường bộ và đường thủy, xây dựng cơ bản, định cư các làng chài thủy cư trên Vịnh, khai thác than, xi măng, cảng, đô thị hóa... đã góp phần vào sự tăng trưởng kinh tế chung của Tỉnh. Tuy nhiên, ô nhiễm môi trường, suy giảm tài nguyên, hạn chế về kiến thức và nhận thức của các bên liên quan và cộng đồng trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ tài nguyên là những thách thức lớn. Trong khi đó, năng lực quản lý lại chưa đáp ứng được các nhu cầu phát triển. Để giải quyết các vấn đề trên, ngoài các giải pháp kỹ thuật, cần thiết phải sử dụng các công cụ chính sách nhằm tác động và điều chỉnh nhận thức về phát triển hệ thống và QLTHVB nhằm mục tiêu sử dụng khôn khéo các tài nguyên ven bờ cho phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững và phòng ngừa từ sớm các tác động môi trường tiềm ẩn.

Trong thời kỳ công nghiệp hoá - hiện đại hoá quốc gia hiện nay, tinh thần Hội nghị thượng đỉnh Trái đất về Môi trường tại Rio De Janeiro (Brazil) 1992 đã được quán triệt trong công tác bảo vệ môi trường và sử dụng khôn khéo tài nguyên cho mục tiêu phát triển bền vững, trở thành nội dung của các chính sách, chiến lược phát triển cấp quốc gia². QLTHVB đã được quan tâm và chú ý đặc biệt, không chỉ gói trọn trong lĩnh vực bảo vệ môi trường nữa mà còn bao gồm cả các lĩnh vực liên quan.

Riêng đối với Quảng Ninh, về mặt chính sách, Chính phủ đã tạo điều kiện ưu tiên cho nhu cầu nâng cao hiệu quả quản lý và phát triển bền vững vùng bờ và bảo tồn tài nguyên biển đáp ứng các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt chú trọng đến:

¹ Tỉnh Quảng Ninh nằm ở tọa độ 20°40' - 21°44'N; 106°25' - 108°25'E; Diện tích: 5899,6km²; Dân số: 1058752 người, trong đó 536467 người là nam giới; 46,22% dân số sống ở thành thị; Mật độ dân số trung bình: 173 người/km² (Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Quảng Ninh năm 2003)

² Nội dung Chương trình Nghị sự 21 (Chương 17)

- Sự phối hợp/kết hợp giữa các ngành/lĩnh vực trong quá trình quy hoạch/lập kế hoạch phát triển của Quảng Ninh.
- Tập huấn nhằm nâng cao hiệu quả của quản lý.
- Tăng cường giáo dục và truyền thông cộng đồng.
- Thực hiện hợp tác quốc tế.
- Mở rộng nghiên cứu.

Nhằm cụ thể hóa các tư tưởng trên trong việc phát triển kinh tế – xã hội của Tỉnh Quảng Ninh, các văn bản do Chính phủ ban hành đã chỉ rõ:

- Các quy hoạch/kế hoạch phát triển vùng hoặc mang tính đa ngành phải cân nhắc kỹ tới các tác động (lâu dài và tiềm tàng) tới Vịnh Hạ Long và phải phù hợp với việc bảo tồn và duy trì giá trị của Vịnh Hạ Long.
- Khẩn trương thực hiện các quy hoạch và phát triển kinh tế, khai thác và nuôi trồng thủy sản, các vùng neo đậu tàu thuyền trong Vịnh nhằm loại bỏ những sai phạm và tình trạng phát triển tự phát.
- Nâng cao hiệu quả và chất lượng quản lý khu Di sản Tự nhiên Thế giới, tăng cường kiểm tra và giám sát.
- Đẩy mạnh giáo dục cộng đồng; Giới thiệu và tăng cường truyền thông cộng đồng qua các chỉ dẫn/hướng dẫn về du lịch, biển hiệu, sách, tờ rơi, bản đồ, sách xanh.
- Thực hiện nhiều hơn các đầu tư cơ bản và chương trình nghiên cứu khoa học.
- Mở rộng quan hệ quốc tế nhằm tăng cường năng lực cho các cán bộ làm công tác quản lý di sản.

Để đạt được mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội, Tỉnh Quảng Ninh đã huy động nhiều nguồn lực cũng như nỗ lực quản lý. Các nỗ lực quản lý này mang tính đơn ngành thể hiện ở nhiều hạn chế của các quyết định đã được ban hành, như: tính chia cắt của tài nguyên thiên nhiên, cũng như tính chồng chéo và hiệu lực thấp của các văn bản. Điều này cho thấy nhu cầu phải đẩy mạnh hơn nữa công tác hệ thống hoá pháp luật, đi kèm với việc đánh giá thể chế chính sách hiện thời phục vụ cho việc tăng cường thể chế chính sách ở cả cấp trung ương và địa phương, đặc biệt là thể chế và chính sách cho QLVB. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy rằng khi tiến hành xây dựng và triển khai phương án về thể chế chính sách cho QLVB cho một vùng cụ thể nói chung và cho vùng bờ Vịnh Hạ Long nói riêng, chúng ta luôn trong tình trạng thiếu thông tin. Có hai nguyên nhân của vấn đề, là:

- Có nhiều nguồn tư liệu liên quan nhưng giá trị sử dụng rất hạn chế do không có sự cập nhật, thiếu độ tin cậy và mục đích sử dụng không phù hợp.
- Tính chất xã hội hóa của các thông tin này rất thấp do không có sự quản lý tập trung cũng như sự chia sẻ thông tin cho mục đích sử dụng chung.

Ngoài ra, các thông tin về thể chế chính sách liên quan đến QLVB Vịnh Hạ Long cũng không được cập nhật, và cần phải kiểm tra lại độ tin cậy cũng như mục đích sử dụng của các thông tin này. Do vậy, cần phải có một đánh giá về thể chế - chính sách liên quan đến QLVB Vịnh Hạ Long nhằm giúp địa phương có định hướng phù hợp cho việc phát triển kinh tế tổng hợp, bảo tồn và phát triển khu di sản thế giới, du lịch, xóa đói giảm nghèo, ổn định cuộc sống cho cộng đồng địa phương, bảo vệ môi trường.

I. MỞ ĐẦU

1.1 Lý do:

Với đặc thù là một tỉnh ven biển, Quảng Ninh là nơi tập trung nhiều hoạt động phát triển kinh tế - xã hội. Các hoạt động phát triển này đều nằm trong mối tương tác biển và đất liền. Nó được thể hiện ở việc mọi hoạt động sản xuất diễn ra đều hướng đến và phụ thuộc vào mối tương tác này. Các tiềm năng sử dụng mang tính đa ngành và đa mục tiêu của tài nguyên vùng bờ Vịnh Hạ Long đã quyết định tính chất đa chiều của các hoạt động phát triển đang diễn ra ở đây. Điều này đã làm tăng áp lực lên tài nguyên và môi trường vùng bờ cũng như mâu thuẫn giữa các mục tiêu sử dụng nguồn tài nguyên vùng bờ Vịnh Hạ Long của các bên tham gia. Giải quyết các vấn đề này đòi hỏi một công cụ quản lý vĩ mô trong một khuôn khổ tiếp cận liên ngành.

Xuất phát từ đó, nhiều nghiên cứu về thể chế chính sách đã được triển khai, và “Báo cáo Phân tích Thể chế Chính sách liên quan đến QLTHVB Vịnh Hạ Long” là một trong các sản phẩm đó. Trong phạm vi nghiên cứu, báo cáo này chỉ đi vào phân tích khung thể chế chính sách tổng hợp liên quan đến quy hoạch, phát triển và quản lý vùng bờ Vịnh Hạ Long. Tuy nhiên, toàn bộ dữ liệu kết quả là rất phong phú và tổng thể, do vậy trong khuôn khổ báo cáo này sẽ không có khả năng giới thiệu hết.

1.2 Mục tiêu:

Các mục tiêu sau đây được đề ra cho hoạt động:

- Có được các thông tin liên quan đến chính sách và thể chế quản lý vùng bờ Vịnh Hạ Long.
- Hiểu được các yếu tố hình thành và tác động đến thể chế và chính sách quản lý vùng bờ Vịnh Hạ Long, bao gồm cả các yếu tố luật pháp quốc tế.
- Đưa ra một khung thể chế và chính sách cho QLTHVB Vịnh Hạ Long đến năm 2010
- Tạo cơ hội cho các học viên đã tham gia Hội thảo tập huấn Phân tích thể chế chính sách QLTHVB Vịnh Hạ Long được thực hành các phương pháp và kỹ năng mà họ được trang bị trong Hội thảo.

1.3 Đối tượng và phạm vi:

Mọi hoạt động kinh tế và dân sinh của Hạ Long đều liên quan chặt chẽ với biển trong mối quan hệ hai chiều: dựa vào biển và tác động lên nó. Do vậy, đối tượng của đánh giá thể chế chính sách này bao gồm:

- Các yếu tố hình thành và tác động đến thể chế và chính sách quản lý vùng bờ Vịnh Hạ Long.
- Quá trình ra quyết định quản lý vùng bờ, đặc biệt là

Phạm vi không gian của đánh giá được xác định trên các yếu tố chính là:

- Ranh giới hành chính (để thuận tiện cho việc triển khai).

- Tâm quan trọng và mức độ ảnh hưởng của các hoạt động kinh tế và dân sinh trong mối tương tác biển - đất liền tại khu vực đó.
- Khả năng quản lý của các bên liên quan trong phạm vi ranh giới hành chính.

Riêng về ranh giới hành chính, mốc được tính là: về phía đất liền, được chọn bao gồm toàn bộ thành phố Hạ Long (theo quy hoạch mới) với chiều dài bờ biển khoảng 13km, với tâm điểm là Cửa Lục, và một phần tiếp giáp cửa Vịnh Bái Tử Long ở phía Bắc và Cát Bà ở phía Nam. Về phía biển: toàn bộ vùng Di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long và vịnh Cửa Lục phía trong (Xem Phụ lục 2 - Bản đồ vùng nghiên cứu).

1.4 Các hoạt động chính:

- Thu thập thông tin và cập nhật tài liệu về thể chế chính sách liên quan đến QLVB Vịnh Hạ Long.
- Khảo sát và phân tích cơ chế điều phối liên ngành của khung thể chế và chính sách (kể cả luật pháp quốc tế) trong quy trình ra quyết định quản lý vùng bờ hiện thời.
- Khảo sát và đánh giá vai trò của cộng đồng dân cư địa phương trong quản lý vùng bờ Vịnh Hạ Long.
- Đề xuất và kiến nghị về khung thể chế và chính sách cho QLTHVB Vịnh Hạ Long đến năm 2010.

1.5 Phương pháp:

Trong quá trình viết báo cáo, các phương pháp sau đã được sử dụng:

- Thu thập thông tin sơ cấp và thứ cấp về thể chế chính sách hiện hành liên quan đến QLVB Vịnh Hạ Long.
- Kế thừa các quan điểm và nguyên tắc của các công trình đã nghiên cứu trước (phát triển và cụ thể hóa các nguyên tắc còn khả thi, tham kiến địa phương và các ban ngành liên quan về các quan điểm phát triển và các vấn đề đặt ra cho QLTHVB, chia sẻ các bài học kinh nghiệm của các dự án, chương trình QLTHVB khác tại Việt Nam).
- Điều tra phỏng vấn qua phiếu điều tra, điều tra có sự tham gia của cộng đồng, lập ma trận tác động.
- Phân tích kinh tế - xã hội, đánh giá nhanh, cây vấn đề, SOCMON, SWOT, lập ma trận đánh giá tổng hợp, phân tích thể chế chính sách.

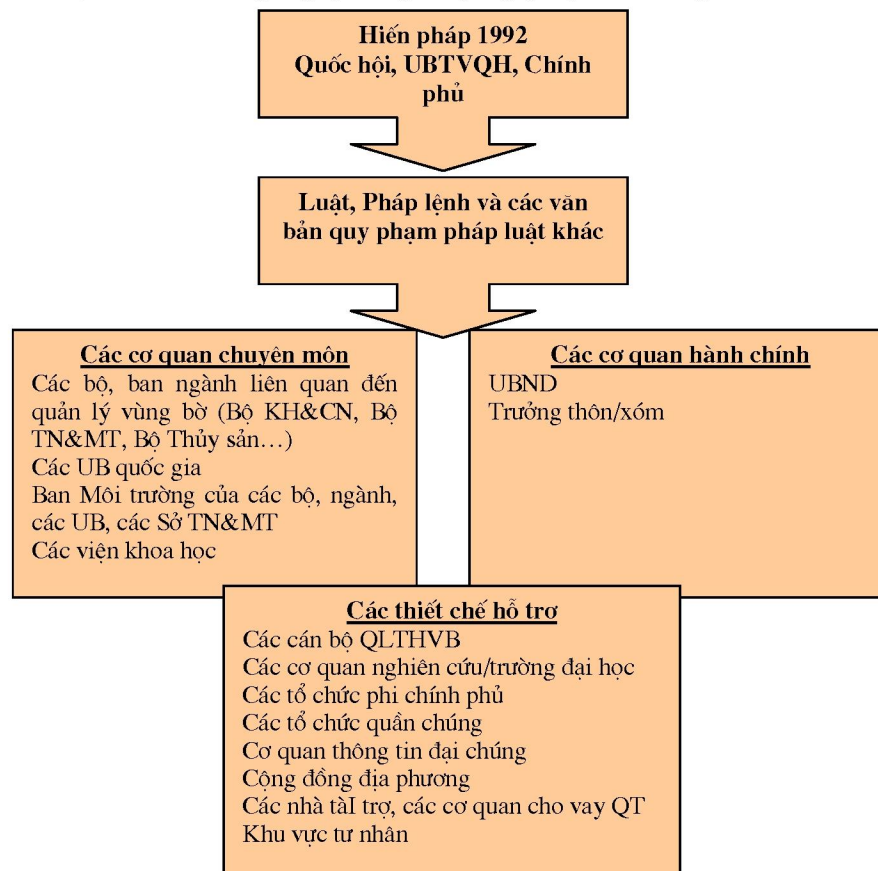
1.6 Kết quả mong đợi:

- Báo cáo về đánh giá, phân tích thể chế chính sách hiện hành liên quan đến quản lý vùng bờ Vịnh Hạ Long và đề xuất một mô hình thể chế chính sách cho QLTHVB Vịnh Hạ Long
- Các học viên tham gia Hội thảo tập huấn về Phân tích thể chế chính sách QLTHVB Vịnh Hạ Long thực hành tốt các kỹ năng và phương pháp mà họ được trang bị.

II. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ VÙNG BỜ VỊNH HẠ LONG:

2.1 Thể chế Quản lý vùng bờ Vịnh Hạ Long:

Có thể khẳng định rằng khung thể chế quốc gia là một khung thể chế phân cấp, đứng đầu là Quốc hội và Chính phủ. Tính phân cấp này được thể hiện một cách rõ rệt trong tổ chức và hoạt động của khung thể chế. Theo Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam, Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất, có quyền phê duyệt và ban hành các chính sách, thể chế và quy phạm pháp luật. Chính phủ có trách nhiệm hoạch định chính sách và xây dựng chiến lược cũng như việc thực hiện chiến lược trong tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, để trình Quốc hội phê duyệt, ban hành và thực hiện trong cả nước. Chính phủ cũng có quyền hoạch định và xây dựng các chính sách lớn dưới sự chỉ đạo của Quốc hội. Các chính sách quốc gia do Chính phủ hoạch định và xây dựng và được Quốc hội phê duyệt, thông qua và ban hành để thực hiện trong toàn quốc. Các địa phương, cơ quan ban ngành thuộc Chính phủ ban hành các chính sách, quy định riêng của ngành để cụ thể hoá và thực thi các chính sách quốc gia. Công cuộc cải cách hành chính hiện nay của Chính phủ và Quốc hội đã giúp cho khung luật pháp/thể chế ngày càng hoàn chỉnh, chặt chẽ và đồng bộ hơn, quyền hạn và trách nhiệm của các cấp ngày càng được quy định rõ ràng hơn.



Hình 1: Cơ cấu thể chế liên quan đến QLVB quốc gia

Hiến pháp 1992:

Hiến pháp do Quốc hội ban hành. Đây là văn kiện pháp lý có giá trị cao nhất, quy định tất cả các vấn đề cơ bản của một quốc gia, bộ máy lập pháp, hành pháp và tư pháp, các quyền và nghĩa vụ cơ bản về dân sự, chính trị, kinh tế và xã hội của công dân và các vấn đề cơ bản khác trong đối nội, đối ngoại của quốc gia. Tất cả các văn bản luật và dưới luật đều phải tuân thủ các quy định của Hiến pháp. Nội dung Hiến pháp khẳng định: Nhà nước có chủ quyền đối với đất, nguồn lợi, là người có vai trò xây dựng khung thể chế, chính sách và điều tiết cơ bản hoạt động của các thành phần liên quan.

Các luật, pháp lệnh và các văn bản quy phạm pháp luật khác:

Đây là các văn bản cụ thể hóa Hiến pháp. Theo đó, chúng được phân chia từ thấp đến cao theo thứ tự hiệu lực và theo thẩm quyền của các cơ quan ban hành là: luật/bộ luật, pháp lệnh, nghị định, quyết định, thông tư, chỉ thị... và các văn bản dưới luật. Các luật đóng vai trò xương sống trong khung luật pháp của Quốc gia, thể hiện các đường lối chủ trương và chính sách của Đảng và Nhà nước. Các Luật/Bộ luật của nước CHXHCN Việt Nam đều do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành. Nội dung của các Luật sẽ được cụ thể hóa thông qua các thông tư, nghị định hướng dẫn. Các nghị định, quyết định, thông tư, chỉ thị là các văn bản giải thích luật/bộ luật, pháp lệnh. Các văn bản dưới luật là các văn bản giải thích và hướng dẫn thi hành các nghị định, nghị quyết, quyết định, thông tư, chỉ thị. Tùy theo mục đích, các nhà hoạch định chính sách sẽ xây dựng các văn bản pháp luật và dưới luật để làm các công cụ quản lý trong các lĩnh vực của mình.

Các cơ quan chuyên môn:

Các cơ quan chuyên môn mà nghiên cứu này đề cập bao gồm: các Sở, ban hành liên quan, các ủy ban quốc gia, ban Môi trường của các bộ/ngành... Đây là các cơ quan có chức năng tư vấn cho chính phủ trong các vấn đề xây dựng chính sách và luật pháp, xây dựng kế hoạch, trong đó có chính sách và kế hoạch về quản lý vùng bờ. Các cơ quan này có nghĩa vụ làm các công tác quản lý nhà nước, thay mặt chính phủ tham gia quản lý các vấn đề thuộc thẩm quyền được giao. Ngoài ra, các cơ quan chuyên môn còn tham gia vào việc triển khai kế hoạch, chính sách của quốc gia

Các cơ quan hành chính:

Các cơ quan hành chính nêu trong báo cáo này chỉ bao gồm những cơ quan có vai trò quan trọng nhất đối với người dân khi tiếp cận với các vấn đề QLVB, đó là UBND và trưởng thôn/xóm.

UBND là cơ quan hành chính nhà nước ở cấp tỉnh, huyện và xã. Về nguyên tắc, mọi cá nhân đều có thể làm đơn yêu cầu Chủ tịch UBND cấp xã/phường giải quyết các vấn đề

liên quan đến các vấn đề về QLVB. Chủ tịch UBND đưa ra những quyết định thuộc thẩm quyền của mình và các bên có trách nhiệm thi hành.

Trưởng thôn/xóm do nhân dân thôn bầu ra và được Chủ tịch UBND xã công nhận. Trưởng thôn/xóm có trách nhiệm đơn đốc việc thi hành pháp luật tại thôn và bảo đảm các quyết định của UBND xã, trong đó bao gồm các quyết định về QLVB, được thi hành và giúp cho người dân có thể tiếp cận với các vấn đề của cá nhân họ cũng như của địa phương.

Các thiết chế hỗ trợ:

Các thiết chế hỗ trợ nêu trong báo cáo này chỉ tập trung vào các thiết chế quan trọng nhất có thể giúp người dân tiếp cận với các vấn đề QLVB, bao gồm các cán bộ QLVB, các cơ quan nghiên cứu/trường đại học, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức quần chúng và các cơ quan thông tin đại chúng.

Các cán bộ QLVB cung cấp các dịch vụ về QLVB trong quá trình triển khai thực thi các vấn đề quy hoạch, phát triển và quản lý vùng bờ. Đây là đội ngũ các cá nhân có kiến thức, kinh nghiệm trong lĩnh vực QLVB. Hiện nay, vẫn chưa có con số thống kê chính thức về đội ngũ cán bộ QLVB, tuy nhiên có thể thấy rằng còn có nhiều tồn tại về vấn đề này như sẽ được trình bày ở phần sau của báo cáo.

Các cơ quan nghiên cứu, các trường đại học cung cấp các dịch vụ tư vấn và kỹ thuật trong quá trình nghiên cứu, đào tạo (chính quy và phi chính quy) và ứng dụng quy hoạch, phát triển và quản lý vùng bờ. Hiện tại, các cơ quan nghiên cứu, các trường đại học cung cấp các dịch vụ tư vấn và kỹ thuật liên quan đến QLVB chưa nhiều, nhưng đây là một nguồn lực quan trọng cần phải được đầu tư phát triển cũng như cần phải được huy động.

Các tổ chức quần chúng: bao gồm đoàn thanh niên, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh, hội nông dân, v.v... có ở các địa phương từ cấp xã/phường. Các tổ chức này do nhà nước thành lập và hoạt động dưới sự quản lý của Mặt trận Tổ quốc. Các tổ chức quần chúng có chung nhiệm vụ là bảo vệ quyền lợi của các thành viên. Nhiệm vụ này bao gồm việc giúp đỡ các thành viên giải quyết các vấn đề khó khăn liên quan tới quá trình quy hoạch, phát triển và quản lý vùng bờ.

Cộng đồng địa phương sống dựa vào nguồn tài nguyên thiên nhiên, và đồng thời cũng bị ảnh hưởng trực tiếp bởi các quyết định đầu tư và phân bổ nguồn lợi;

Cơ quan cho vay quốc tế và nhà tài trợ: cung cấp nguồn đầu tư tài chính và hỗ trợ kỹ thuật cần thiết ban đầu cho các hoạt động, trong đó có các hoạt động liên quan đến quy hoạch và quản lý vùng bờ.

Khu vực tư nhân: là nguồn cung cấp vốn, các hoạt động, lao động có trình độ chuyên môn cho hoạt động phát triển vùng ven biển;

Các tổ chức phi chính phủ: bao gồm các tổ chức phi chính phủ quốc tế và các tổ chức phi chính phủ trong nước, hoạt động dưới sự giám sát của Chính phủ thông qua một ủy ban điều hành. Hiện có khoảng 500 tổ chức phi chính phủ quốc tế và khoảng 300 tổ chức phi chính phủ trong nước đang hoạt động ở Việt Nam. Các tổ chức phi chính phủ góp phần với các cá nhân, tổ chức khác trong cộng đồng trong việc hỗ trợ tư vấn và kỹ thuật trong quá trình thực hiện nghiên cứu, đào tạo và ứng dụng quy hoạch, phát triển và quản lý vùng

bờ, chuyển tải thông tin và kiến thức đến quần chúng, tư vấn kỹ thuật, xây dựng và duy trì mạng lưới giữa các cơ quan thực hiện và giám sát, theo dõi.

Các cơ quan thông tin đại chúng: có vai trò quan trọng không thể phủ nhận trong việc thúc đẩy tiếp cận QLVB. Ngoài việc cung cấp thông tin về đường lối chủ trương của Đảng và nhà nước và các hoạt động trên mọi khía cạnh của xã hội, các phương tiện thông tin đại chúng còn có nhiệm vụ góp phần nâng cao nhận thức về QLVB thông qua việc phổ biến kiến thức, thông tin và tuyên truyền về QLVB.

Ngoài ra, môi trường thể chế của quốc gia còn chịu ảnh hưởng sâu sắc của các công ước quốc tế mà Chính phủ Việt Nam ký kết và tham gia. Điều này sẽ được đề cập sâu hơn ở phần Vai trò của luật pháp quốc tế trong QLVB Vịnh Hạ Long.

2.2 Cơ chế điều phối trong quản lý vùng bờ Vịnh Hạ Long

2.2.1 Cơ chế quản lý theo ngành:

QLVB Vịnh Hạ Long có sự tham gia của rất nhiều ban, ngành và các bên liên quan khác nhau với một cơ cấu tổ chức, chức năng, quyền hạn và bộ máy nhân sự riêng tương ứng nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ, công việc được phân công. Xét về khía cạnh quản lý theo ngành, các ban, ngành và bên liên quan có thể được phân ra thành nhóm các bên liên quan chủ chốt như sau:

UBND/HĐND tỉnh Quảng Ninh: là cơ quan hành chính và quyền lực nhà nước cao nhất của Tỉnh Quảng Ninh, có quyền quyết định tất cả các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch quan trọng của Tỉnh, trong đó có các vấn đề về QLVB Vịnh Hạ Long. Dưới UBND/HĐND Tỉnh, có các cơ quan chức năng giúp việc và thực hiện các công việc quản lý nhà nước trong các lĩnh vực khác nhau, nhằm đảm bảo cho các hoạt động phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh.

UBND/HĐND thành phố Hạ Long: là cơ quan hành chính và quyền lực nhà nước cao nhất của thành phố Hạ Long, nằm dưới sự điều hành của UBND/HĐND Tỉnh, chịu trách nhiệm về các vấn đề phát triển và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hạ Long. UBND/HĐND thành phố Hạ Long có cơ quan chuyên môn, nằm trong cơ cấu của Phòng TN&MT của thành phố, giúp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về môi trường, trong đó bao gồm cả các vấn đề về QLVB. Cơ quan này chịu sự quản lý toàn diện, trực tiếp của UBND thành phố Hạ Long, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở TN&MT Tỉnh. Phòng TN&MT thành phố Hạ Long được tổ chức theo mô hình quản lý đa ngành, đa lĩnh vực trên địa bàn, gồm có một số cán bộ chuyên môn nghiệp vụ theo dõi kiêm nhiệm.

Sở TN&MT và các Sở, ban, ngành liên quan khác: trong đó Sở TN&MT Quảng Ninh³ đóng vai trò là cơ quan chịu trách nhiệm chính về các vấn đề QLVB. Các Sở, ban, ngành liên quan khác gồm có Sở KH&CN, Sở KHĐT, Sở Du lịch, Sở Công nghiệp, Sở Giao thông Vận tải, Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, Sở Tư pháp, Sở Xây dựng, Sở Văn hóa - Thông tin, Sở Tài chính... Đây là các cơ quan giúp việc và chịu sự

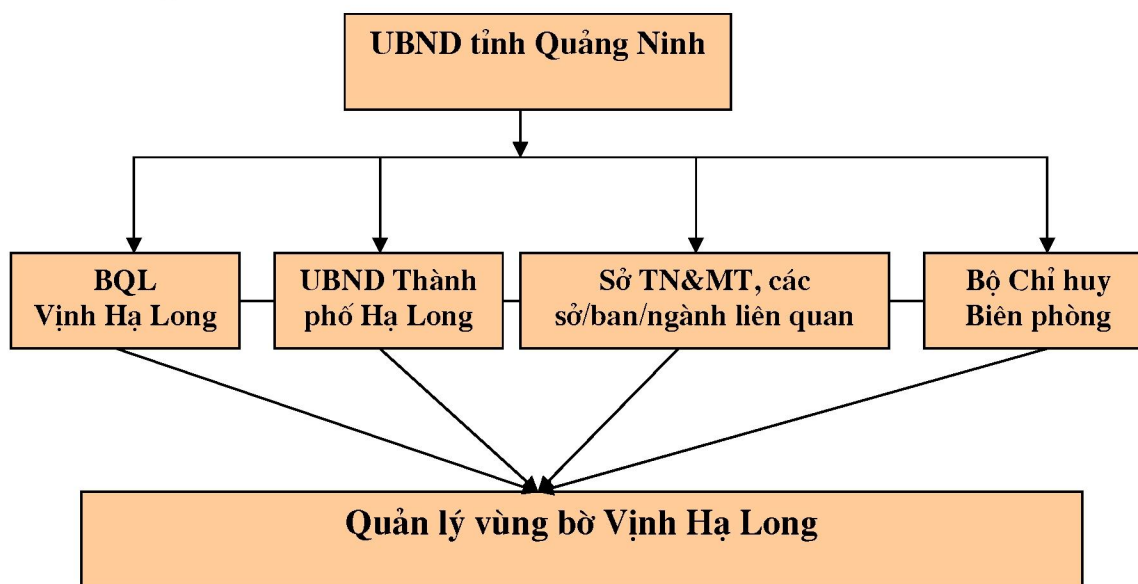
³ Sở TN&MT được hình thành khi tách Sở KH&CN&MT thành 2 sở: TN&MT và KH&CN vào năm 2003

điều hành trực tiếp của UBND Tỉnh Quảng Ninh, đồng thời cũng chịu sự kiểm tra, chỉ đạo và giám sát chuyên môn của các Bộ, ngành chủ quản. Trách nhiệm và nhiệm vụ chính của các Sở, ban, ngành là quản lý nhà nước về công tác chuyên môn trong phạm vi địa phương, giúp UBND tỉnh lập kế hoạch, quy hoạch ngắn và dài hạn, xây dựng chủ trương, chính sách trong lĩnh vực chuyên môn, nhằm hướng tới phát triển kinh tế xã hội ổn định và bền vững. Các Sở, ban, ngành cũng đồng thời đóng vai trò là cơ quan đầu mối, liên kết các sở, ban, ngành khác nhau trên địa bàn để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

Ban Quản lý Vịnh Hạ Long: được thành lập theo Quyết định 2796–QĐ/UB ngày 9/12/1995 của UBND tỉnh Quảng Ninh. Đây là cơ quan trực thuộc UBND tỉnh Quảng Ninh, và chịu sự quản lý, chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ VHTT và Ủy ban Quốc gia UNESCO của Việt Nam. BQL Vịnh Hạ Long có nhiệm vụ quản lý, bảo vệ, bảo tồn di sản văn hóa thiên nhiên thế giới và tuyên truyền, giáo dục về giá trị của di sản trong cộng đồng. Để thực hiện nhiệm vụ, BQL Vịnh Hạ Long đã có sự liên kết và phối hợp với các cơ quan hữu quan khác trong tỉnh như: UBND thành phố Hạ Long, UBND thị xã Cẩm Phả và UBND huyện Vân Đồn; Cảnh sát biển; Sở Du lịch, Sở VHTT; Sở TN&MT, Sở Thủy sản...

Bộ chỉ huy Biên Phòng Quảng Ninh là lực lượng vũ trang của Đảng và Nhà nước có nhiệm vụ quản lý và bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới vùng Đông Bắc của Tổ quốc, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn biên phòng, tham mưu cho cấp ủy chính quyền địa phương xây dựng và củng cố hệ thống chính trị và phát triển kinh tế vùng biên giới, hải đảo, góp phần xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị hợp tác và phát triển với nước láng giềng. Bộ chỉ huy Biên phòng Quảng Ninh cũng phối hợp với các ban ngành liên quan của địa phương để giải quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, các hoạt động của Bộ chỉ huy biên phòng Quảng Ninh chưa được lồng ghép với các yếu tố về QLVB.

Mối quan hệ và tương tác giữa các cơ quan ban ngành trên trong vấn đề QLVB có thể được diễn tả qua sơ đồ sau:

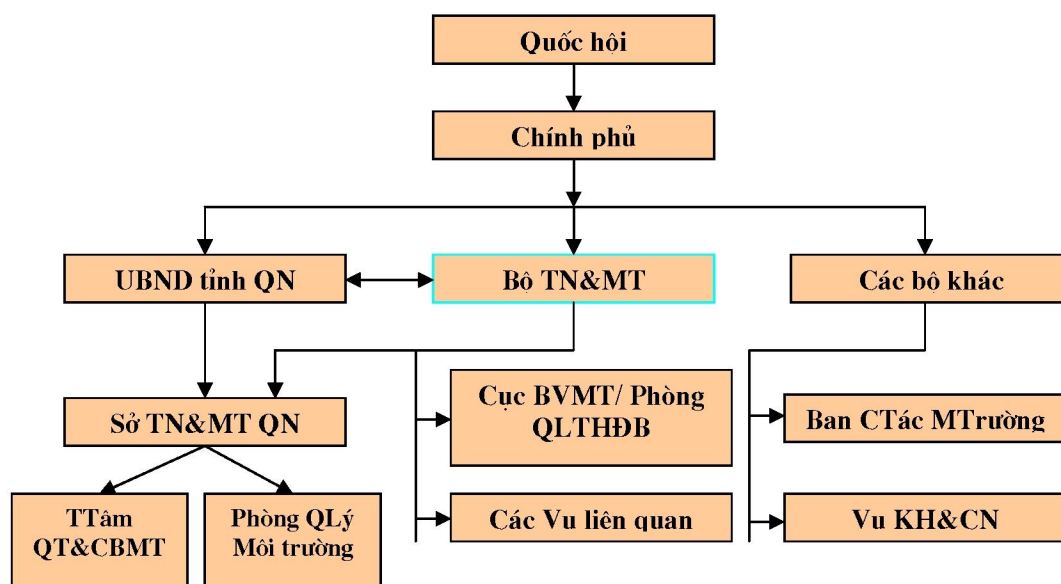


Hình 2: Mối quan hệ giữa các cơ quan chức năng trong QLVB Vịnh Hạ Long

2.2.2 QLVB Quảng Ninh trong quan hệ với khung thể chế quốc gia

Nằm trong giới hạn chung của khung thể chế quốc gia, cơ cấu thể chế và cơ chế điều phối quản lý của Quảng Ninh phải là một bộ phận cấu thành nên khung thể chế quốc gia và cơ chế điều hành QLVB quốc gia. Nó phải thể hiện được ý chí và nguyện vọng của cơ quan quyền lực cao nhất của quốc gia, chịu sự chỉ đạo và điều hành của các cơ quan chủ quản cấp trên. Điều đó có nghĩa là, ngoài các mối tương tác giữa các bộ phận khác nhau của cơ cấu thể chế quản lý của Tỉnh Quảng Ninh, thì còn tồn tại mối quan hệ giữa các bộ phận đó với các cơ quan chủ quản cấp trung ương, cũng như các mối quan hệ với các thể chế QLVB của các địa phương khác.

Do giữa quản lý môi trường biển và QLVB có một số nét tương đồng, nên trong giai đoạn này cơ cấu thể chế quản lý môi trường được sử dụng để giải quyết lồng ghép các vấn đề QLVB. Mối quan hệ giữa thể chế QLVB Quảng Ninh với thể chế QLVB hiện hành ở cấp quốc gia có thể được miêu tả như sau:



Hình 3: Mối quan hệ điều phối giữa QLVB Vịnh Hạ Long với QLVB quốc gia

Ở cấp quốc gia, cho đến nay, chúng ta mới chỉ có 1 cơ quan ở cấp trung ương là Phòng QLTHĐB, cơ quan đặc trách duy nhất của Cục Bảo vệ Môi trường (BVMT⁴) thuộc Bộ TN&MT⁵ chịu trách nhiệm về các vấn đề QLTHVB. Chức năng và nhiệm vụ của Bộ TN&MT, Cục BVMT và Phòng QLTHĐB liên quan đến QLTHVB được trình bày trong Bảng 2 dưới đây:

⁴ Trước là Cục Môi trường, được cơ cấu lại khi sát nhập và thành lập Bộ TN&MT

⁵ Bộ TN&MT mới được Quốc hội phê chuẩn thành lập vào tháng 7/2001 trên cơ sở sát nhập Cục Môi trường (thuộc Bộ KHCN&MT), Tổng cục Địa chính và Tổng cục Khí tượng Thủy văn. Trước đây, Bộ KHCN&MT được hình thành từ UBKH&KT Nhà nước, trong cơ cấu của nó có Vụ Tài nguyên Thiên nhiên và Môi trường. Khi Luật Bảo vệ Môi trường được phê chuẩn vào tháng 12/1993, Vụ tài Nguyên Thiên nhiên và Môi trường được đổi thành Cục Môi trường.

Bảng 1: Chức năng và nhiệm vụ liên quan đến QLVB của Bộ TN&MT, Cục BVMT và Phòng QLTHĐB

Cơ quan	Chức năng, nhiệm vụ liên quan đến QLVB
Bộ TN&MT	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thành chính sách, các văn bản pháp quy, các quy định, quy chế bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. - Xây dựng chiến lược và chương trình dài hạn để bảo vệ môi trường - Lập kế hoạch tài chính và quản lý thông tin đối với công tác bảo vệ môi trường - Thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường để đảm bảo môi trường. - Tiến hành điều tra với các dự án chọn lọc và tổ chức hệ thống quan trắc môi trường trên quy mô toàn quốc - Tổ chức và hướng dẫn các hoạt động quần chúng bảo vệ môi trường và tham gia giáo dục, đào tạo cũng như nâng cao nhận thức môi trường cho cộng đồng
Cục BVMT	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng và trình Bộ TN&MT các chính sách quốc gia, các dự thảo luật và văn bản pháp quy khác liên quan về QLVB. Đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường tổng thể để đảm bảo một môi trường trong sạch và góp phần phát triển bền vững đất nước - Thực hiện việc thanh tra các tổ chức và các cá nhân trong việc chấp hành luật bảo vệ môi trường và các văn bản pháp quy về bảo vệ môi trường - Tổ chức thực hiện kế hoạch quốc gia về môi trường và phát triển bền vững, cũng như các kế hoạch hành động bảo vệ môi trường của các Bộ (ngành) liên quan và các tỉnh, cũng như thông báo với các Bộ/ngành để đưa hoạt động bảo vệ môi trường vào kế hoạch kinh tế quốc dân. - Thẩm định các báo cáo ĐTM của các quy hoạch, dự án phát triển và sản xuất trên toàn quốc, ở các Bộ/ngành liên quan và các địa phương/tỉnh
Phòng QLTHĐB	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia xây dựng chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược và chương trình QG về bảo vệ môi trường và sử dụng bền vững biển và đới bờ. - Xây dựng kế hoạch hành động để thực hiện chiến lược quốc gia về bảo vệ môi trường và sử dụng bền vững bờ biển và đới bờ, và tổ chức thực hiện kế hoạch; - Tổ chức quản lý và điều hành hoạt động quan trắc và phân tích môi trường tại các trạm quan trắc và phân tích môi trường biển và đới bờ. - Tổ chức và phối hợp việc xây dựng, quản lý và thực hiện các dự án về QLTHĐB và bảo vệ môi trường biển tại một số vùng và địa phương điển hình, có tính chất thí điểm và trình diễn. - Tổ chức và phối hợp nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học, đào tạo và phổ biến kinh nghiệm trong bảo vệ môi trường biển và QLTHĐB. - Thực hiện và tham gia điều phối các hoạt động hợp tác QTẾ, các dự án hợp tác đa phương và song phương trong lĩnh vực QLTHĐB và bảo vệ môi trường biển.

Qua Bảng 1 có thể thấy tất cả các vấn đề QLVB chủ yếu sẽ được Bộ TN&MT giải quyết thông qua Phòng QLTHĐB, và Phòng sẽ là cơ quan duy nhất chịu trách nhiệm về QLTHVB ở cấp Trung ương. Tuy nhiên, theo nguyên tắc, Phòng QLTHĐB phải chịu sự kiểm tra giám sát về chuyên môn và nghiệp vụ của Cục BVMT/Bộ TN&MT. Dưới Phòng QLTHĐB là một mạng lưới các Phòng Quản lý Môi trường và các Trung tâm/Trạm Quan trắc và Cảnh báo Môi trường với các cán bộ kiêm nhiệm hoặc chuyên trách ở các Sở TN&MT địa phương, trong đó có Phòng Quản lý Môi trường và Trạm Quan trắc và Cảnh báo Môi trường của Sở TN&MT Quảng Ninh. Phòng QLTHĐB có nhiệm vụ khâu nối các ban/ngành môi trường của các Bộ/ngành khác để thực hiện nhiệm vụ của mình.

Các Bộ, ban, ngành khác liên quan đến quản lý môi trường biển và QLTHVB gồm có: Ban Biên giới Chính phủ (Bộ Ngoại giao), Bộ Thủy sản (Cục Khai thác và Bảo vệ Nguồn lợi

Thủy sản), Bộ NN&PTNT (Cục Kiểm lâm), Bộ Công nghiệp (Cục Địa chất - Khoáng sản), Tổng cục Dầu khí, Tổng cục Khí tượng Thủy văn, Tổng cục Du lịch và Trung tâm Khoa học Tự nhiên & Công nghệ Quốc gia (các viện khoa học biển), Bộ Tư lệnh Hải quân, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên Phòng, Cảnh sát biển, Ban chỉ đạo về biển ở cấp quốc gia và tỉnh ở một số địa phương... Tất cả các cơ quan và ban ngành liên quan trên đều có chức năng và nhiệm vụ giải quyết các vấn đề QLVB của cả nước trong phạm vi thẩm quyền của mình. Tuy nhiên, trong thực tế, các cơ quan, ban ngành này mới chỉ tập trung vào phát triển kinh tế và bảo vệ an ninh chủ quyền quốc gia; các vấn đề liên quan đến QLVB còn bị xem nhẹ hoặc chưa đủ tương xứng để thực hiện.

Các vấn đề QLVB Vịnh Hạ Long có cơ chế giải quyết thông qua Sở TN&MT với tư cách là cơ quan chủ quản đầu mối về QLVB Vịnh Hạ Long. Quan hệ giữa Sở TN&MT đã được phân tích ở phần trước. Mối liên hệ giữa QLVB Vịnh Hạ Long với khung thể chế quốc gia được thể hiện ở chỗ: Bộ TN&MT sẽ chỉ đạo Sở TN&MT Quảng Ninh giải quyết các vấn đề QLVB thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước về chuyên môn được giao. Còn UBND tỉnh, với sự tư vấn của các Sở, ban ngành liên quan tại địa phương, sẽ chỉ đạo Sở TN&MT Quảng Ninh giải quyết các vấn đề QLVB liên quan phát sinh trong quá trình quy hoạch, phát triển và quản lý các đơn ngành của địa phương. Tức là, để giải quyết các vấn đề về QLVB, Sở TN&MT Quảng Ninh sẽ nằm dưới sự chỉ đạo từ hai phía là Bộ TN&MT và UBND Tỉnh Quảng Ninh. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết các vấn đề QLVB, Sở TN&MT phải liên hệ và cộng tác với các cơ quan, ban ngành khác của địa phương.

2.2.3 Sự tham gia quản lý vùng bờ của cộng đồng địa phương:

Cộng đồng ven biển, bao gồm các tổ chức quần chúng, các tổ chức trên cơ sở cộng đồng và các tổ chức phi Chính phủ, là một yếu tố quan trọng. Đây là một lực lượng lao động xã hội (trực tiếp hoặc không trực tiếp) quan trọng đối với phát triển kinh tế – xã hội của vùng bờ. Đồng thời họ cũng có ảnh hưởng lớn đến cơ cấu thể chế và các quyết định quản lý vùng bờ. Nhiều công trình nghiên cứu về QLVB đã chỉ ra rằng sự tham gia tích cực của cộng đồng ven biển quyết định sự thành công của các nỗ lực quản lý vùng bờ. Do đó, cần phải lôi kéo cộng đồng ven biển tham gia vào các quá trình của quản lý vùng bờ, từ quá trình xây dựng kế hoạch, ra quyết định, thực hiện kế hoạch đến giám sát và đánh giá.

Đối với cộng đồng ven biển Việt Nam, hiện nay khoảng 20% dân cư vùng ven biển là dân nghèo và có thu nhập thấp. Hàng năm, dân số phát triển với tốc độ nhanh chóng làm tăng cao nhu cầu lao động và việc làm, hậu quả là kéo theo việc thiếu việc làm và thất nghiệp cũng tăng nhanh chóng. Tình trạng di dân tự do ra vùng ven biển và các đảo dẫn đến tăng nhu cầu tài nguyên biển/ven biển. Lao động ngư nghiệp đang đứng trước thách thức tài nguyên cạn dần, thiếu vốn và phương tiện vươn khơi. Do nghèo, dân trí thấp nên ngư dân chủ yếu sử dụng phương tiện đánh bắt lạc hậu, đánh bắt hủy diệt và tăng cường khai thác các vùng đất ngập nước ven biển. Tính tự phát khai thác tài nguyên biển còn phổ biến trong cộng đồng, ít chú ý đến bảo vệ môi trường và tài nguyên. Trong mối quan hệ với tài nguyên biển/ven biển, cộng đồng ven biển và các cá nhân trong cộng đồng là các khách thể, không phải là chủ thể, vì thế họ chưa tự nguyện tham gia vào việc bảo vệ tài nguyên và môi trường. Xét về cơ cấu tổ chức cộng đồng, các cá nhân trong cộng đồng liên kết với nhau bằng các mối quan hệ khác nhau, trong đó có hình thức thông qua các tổ chức quần chúng. Các tổ chức quần chúng được đề cập trong phân phân tích về thể chế chính sách cho quản lý vùng bờ Vịnh Hạ Long ở đây bao gồm Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu

chiến binh, Hội Nghề cá, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và một số hiệp hội nghề nghiệp khác của địa phương. Là các bộ phận cấu thành của hệ thống chính thể Việt Nam, các tổ chức quần chúng là những bên tham gia quan trọng với từng vai trò, chức năng và nhiệm vụ cụ thể khác nhau. Ở đây không đi sâu vào phân tích vai trò và chức năng của từng tổ chức nhưng có thể nói rằng về căn bản, các tổ chức quần chúng là tiếng nói đại diện cho các thành viên và bảo vệ quyền lợi của các thành viên. Phần lớn các tổ chức quần chúng là những tổ chức đa năng, có tổ chức chặt chẽ từ cấp trung ương đến cấp thấp nhất và lấy mục tiêu hàng đầu là phát triển kinh tế xã hội. Đóng góp to lớn của các tổ chức quần chúng vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia được ghi nhận thông qua kết quả của một loạt các hoạt động tạo việc làm, cung cấp tín dụng, xây dựng thí điểm và trình diễn các mô hình sinh kế, tạo điều kiện cung cấp thông tin và chuyển giao công nghệ, phát triển kỹ năng điều hành và quản lý, kế hoạch hóa gia đình, phòng chống HIV/AIDS... và nhiều chương trình, dự án phát triển khác. Kết quả đạt này đã giúp cho vị thế của các tổ chức quần chúng được nâng cao và có được sự tôn trọng từ các cấp chính quyền.

Các tổ chức quần chúng cũng đóng một vai trò to lớn trong sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng bờ Vịnh Hạ Long. Họ là các tổ chức có thể đại diện cũng như tiếp xúc với hầu hết thành viên của xã hội, tạo thuận lợi cho các luồng thông tin và lấy ý kiến 2 chiều cũng như truyền đạt lợi ích của các hội viên của mình lên các cấp cao nhất. Trong quá trình triển khai hoạt động, các tổ chức quần chúng ở Việt Nam nói chung và ở Quảng Ninh nói riêng đã thiết lập các mối giao tiếp và quan hệ với các ngân hàng, các cơ quan chuyên ngành, các tổ chức phi chính phủ và các hiệp hội, Sở NN&PTNT, Sở TN&MT, Sở KH&CN, Ngân hàng Phát triển Nông nghiệp & Nông thôn, Ngân hàng Người nghèo... và các hệ thống NGO.. Họ thực sự có sức mạnh trong các hoạt động đầu tư ở các cơ sở và huy động cộng đồng. Quá trình quy hoạch, phát triển và quản lý tổng hợp vùng bờ Vịnh Hạ Long rất cần phải có những tổ chức quần chúng và các tổ chức dựa trên cơ sở cộng đồng nhằm huy động tối đa sự tham gia của cộng đồng trong các hoạt động và phát huy tinh thần hợp tác vốn đã rất cao trong nhiều cộng đồng thoát khỏi xu hướng dựa dẫm vào viện trợ của Chính phủ. Đây là một lực lượng đầy tiềm năng cho việc phát triển sinh kế lồng ghép yếu tố quản lý dựa trên cộng đồng gần bờ.

Các hoạt động của các tổ chức phi chính phủ (NGO) quốc tế: Các NGO quốc tế ở Việt Nam được hoạt động dưới sự giám sát của Chính phủ thông qua một uỷ ban điều hành về NGO với sự thường trực của Hội các tổ chức hữu nghị của Việt Nam (VUFO). Hiện nay có gần 500 NGO đang hoạt động tại Việt Nam. Trong vùng dự án các tổ chức NGO đang hoạt động tích cực, trong đó có FFI. Các tổ chức này tập trung vào việc tạo thu nhập, việc làm và quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Các NGO trong nước của Việt Nam chưa tạo được vị thế pháp lý và vì vậy mà rất ít tổ chức phi chính phủ được thành lập như ở các nước khác vì chức năng thông thường của họ có lẽ đã được các tổ chức quần chúng Việt Nam đảm nhận. Chỉ có một số ít tổ chức phi chính phủ thực sự có ảnh hưởng tới việc hỗ trợ cộng đồng như các tổ chức chuyên môn xã hội (các hội nghề thuật, hội luật sư, hội y học cổ truyền v.v...); các tổ chức nhân văn như nhà thương từ thiện, hội chữ thập đỏ, hội người cao tuổi. Thủ tục thành lập các tổ chức phi chính phủ ở Việt Nam có lẽ cũng còn đang phức tạp và chưa tạo được thói quen trong các cộng đồng dân cư.

2.3 Các văn bản pháp luật và chính sách liên quan đến QLVB Vịnh Hạ Long:

Trước những yêu cầu đặt ra cũng như nhận thức được tầm quan trọng của việc giữ gìn, bảo tồn và phát huy một Di sản mang tầm cỡ quốc tế như Vịnh Hạ Long, nhiều văn bản pháp quy từ Trung ương đến địa phương liên quan trực tiếp đến việc bảo vệ Di sản Vịnh Hạ Long đã kịp thời được ban hành. Đồng thời, ngoài các văn bản pháp luật do Trung ương và địa phương ban hành, QLVB Vịnh Hạ Long còn chịu sự chi phối và tác động của các công ước, hiệp ước quốc tế mà Chính phủ Việt Nam ký kết và tham gia. Do vậy, có thể chia các văn bản liên quan đến công tác QLVB Vịnh Hạ Long ra làm các loại:

- Các văn bản do Trung ương ban hành (ở cấp quốc gia);
- Các văn bản do địa phương (Tỉnh Quảng Ninh) ban hành (cấp địa phương);
- Các Công ước, điều ước quốc tế mà chính phủ Việt Nam ký kết hoặc tham gia;

Dưới đây sẽ lần lượt đề cập đến các yếu tố này.

2.3.1 Các văn bản pháp luật và chính sách quốc gia

2.3.1.1 Các Luật/Bộ luật và Nghị định liên quan:

Có rất nhiều văn bản luật chuyên ngành có thể áp dụng trong QLVB. Đối với QLVB Vịnh Hạ Long, các Luật/Bộ luật liên quan được liệt kê tại Phụ lục 3. Phần này chỉ đề cập đến nội dung cụ thể của một số Luật/Bộ luật quốc gia chủ yếu liên quan.

Luật Bảo vệ Môi trường 1993

Luật Bảo vệ Môi trường(1993) tạo ra một khung cơ bản cho công tác bảo vệ và quản lý môi trường ở Việt Nam, luật hoá chủ trương, chính sách của Đảng về môi trường và phát triển bền vững. Luật giao toàn bộ trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cho chính phủ, quy định rõ phạm vi điều chỉnh của bản thân nó trong mối quan hệ với các luật về tài nguyên khác đã có và các luật dự kiến sẽ xây dựng trong thời gian tới. Luật đã kết hợp hài hòa các phương pháp điều chỉnh truyền thống và đặc thù của lĩnh vực môi trường, trong đó đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục và vận động, thuyết phục; tăng cường các biện pháp cưỡng chế; và chú trọng áp dụng các công cụ kinh tế trên nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền”. Luật thể hiện rõ quan điểm chỉ đạo là coi phòng ngừa và ngăn chặn ô nhiễm là chính, kết hợp giữ gìn vệ sinh, cảnh quan môi trường và bảo đảm cân bằng sinh thái. Các nội dung cụ thể của Luật gồm:

- Phân công, phân nhiệm, phân cấp quản lý Nhà nước về môi trường; nội dung và tổ chức quản lý môi trường cấp huyện, xã;
- Đầu tư bảo vệ môi trường, tài chính cho hoạt động bảo vệ môi trường;
- Tiêu chuẩn môi trường, chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường;

- Áp dụng các công cụ kinh tế (thuế, phí, quỹ, quota ô nhiễm, nhân sinh thái, v.v.);
- Quy hoạch môi trường, ĐTM chiến lược; giám sát, kiểm tra sau ĐTM;
- Phế liệu, nhập khẩu phế liệu, tái sử dụng chất thải, tái chế chất thải; chôn lấp và tiêu huỷ chất thải; quản lý chất thải nguy hại;
- Giữ gìn cảnh quan môi trường, bảo đảm cân bằng sinh thái; quản lý các sản phẩm biến đổi gen; bảo tồn thiên nhiên và bảo vệ ĐDSH; quản lý các vùng đất ngập nước; v.v.
- Một số quy định đặc thù khác.

Các nội dung của Luật có thể áp dụng cho QLVB Vịnh Hạ Long là:

- Báo cáo ĐTM là một trong những căn cứ để cấp có thẩm quyền xét duyệt và cho phép thực hiện dự án.
- Buộc phải có các biện pháp bảo vệ môi trường, bảo đảm tiêu chuẩn môi trường đối với các tổ chức, cá nhân tìm kiếm, thăm dò, khai thác, vận chuyển, chế biến khoáng sản.
- Buộc phải thực hiện các phương án phòng, tránh rò rỉ, sự cố tràn dầu, cháy nổ dầu và phương tiện để xử lý kịp thời sự cố đối với các tổ chức, cá nhân tìm kiếm, thăm dò, khai thác, vận chuyển và chế biến dầu khí.
- Nguyên tắc đóng góp tài chính đối với những người gây ra tổn thất cho môi trường.

Luật Thủy sản

Luật gồm 10 chương, 62 điều, được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua và ban hành ngày 26/11/2003 và có hiệu lực từ 1/7/2004, chủ yếu quy định về hoạt động thủy sản (khai thác, nuôi trồng, vận chuyển thủy sản khai thác, bảo quản, chế biến, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu thủy sản...). Đây là khung pháp lý cao nhất cho việc quản lý hoạt động thủy sản bằng pháp luật, thể hiện mối quan hệ giữa việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản với việc khai thác hợp lý và tái tạo, phát triển bền vững nguồn lợi thủy sản, bảo đảm việc bảo vệ môi trường, ĐDSH và cảnh quan thiên nhiên... Nhiều điều khoản của Luật có thể áp dụng cho việc giải quyết tình trạng khai thác, nuôi trồng thủy sản trong khu vực Vịnh hiện nay.

Luật Di sản Văn hóa

Luật được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua và ban hành năm 2002, quy định về các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản Văn hoá; xác định quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với các di sản văn hoá của Việt Nam. Vịnh Hạ Long là một di sản được quốc tế công nhận nên đương nhiên nó là một trong các đối tượng điều chỉnh của Luật, do đó nhiều điều khoản của Luật có thể áp dụng cho công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị của di sản Vịnh Hạ Long.

Bộ luật Hàng hải Việt Nam

Bộ Luật được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua và ban hành ngày 30/6/1990. Nội dung của Luật quy định đảm bảo an toàn giao thông trên biển và ngăn ngừa ô nhiễm biển đối với các tàu thuyền hoạt động trên phạm vi vùng biển Việt Nam.

Mục B, chương II về An toàn hàng hải và ô nhiễm môi trường quy định tương đối cụ thể về trách nhiệm bảo vệ môi trường biển, các biện pháp bảo vệ môi trường, chống ô nhiễm và sự cố môi trường biển trong hoạt động của các tổ chức, cá nhân. Đây là các điều khoản có thể áp dụng nhằm bảo đảm an toàn giao thông và giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường nước hiện nay trong khu vực Vịnh.

Nghị định 30-CP ngày 29/1/1980:

Nghị định đưa ra các quy định chung về ngăn ngừa ô nhiễm từ tàu. Đặc biệt, Điều 16,17 của Nghị định quy định một số vấn đề cụ thể đối với tàu thuyền nước ngoài hoạt động trong phạm vi vùng lãnh hải của Việt Nam, như:

- Không được vứt rác, các chất thải và các chất độc hại gây ô nhiễm môi trường sống ở vùng biển và đất liền của Việt Nam.
- Phải áp dụng đầy đủ các biện pháp để chống và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường sống, gây hại trước mắt cho người và sinh vật.
- Nếu gây ô nhiễm sẽ chịu trách nhiệm và phải đền bù mọi thiệt hại trước mắt và lâu dài do việc gây ô nhiễm gây ra theo pháp luật của nước CHXHCN Việt Nam.
- Các tàu xitéc, các tàu có động cơ chạy bằng năng lượng hạt nhân và các tàu chở các chất hoặc các nguyên liệu phóng xạ hay các chất khác vốn nguy hiểm và độc hại đi qua lãnh hải và vùng tiếp giáp lãnh hải phải sẵn sàng cung cấp cho nhà chức trách Việt Nam các tài liệu kỹ thuật cần thiết và phải áp dụng các biện pháp chuyên môn phòng ngừa nguy hiểm độc hại theo đúng các quy định về phòng ngừa độc hại và bảo vệ môi trường và theo đúng các hiệp định Quốc tế.

Nghị định 26-CP (26/4/1996) của Chính phủ ban hành kèm theo quy định Xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm Luật Bảo vệ Môi trường.

Đây là Nghị định quy định việc xử phạt vi phạm hành chính đối với các hạn vi vi phạm Luật Bảo vệ Môi trường. Đối tượng áp dụng Nghị định là các tổ chức, cá nhân (kể cả các tổ chức, cá nhân nước ngoài) có hành vi vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường trong phạm vi vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam (trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác). Các hành vi vi phạm sẽ được xử lý theo nội dung Nghị định là các hành vi:

- Vi phạm quy định bảo vệ môi trường, phòng chống ô nhiễm, bảo vệ ĐDSH và các nguồn tài nguyên.
- Vi phạm quy định cấm khai thác, mua bán các loài động thực vật quý hiếm, sử dụng các biện pháp và công cụ bắt, giết hàng loạt.

- Vi phạm quy định bảo vệ môi trường tài nguyên đất.
- Vi phạm quy định xuất nhập các chất thải, độc hại, phóng xạ và các chủng loại gen.
- Vi phạm quy định về đổ thải các chất thải, phóng xạ, chất thải bị nhiễm virus và sinh khuẩn gây bệnh.
- Vi phạm quy định về việc gây ra tiếng ồn, chấn động có hại đến sức khỏe và ảnh hưởng tới đời sống hàng ngày của con người.
- Vi phạm quy định đốt phá rừng và khai thác khoáng sản.

Việc giải quyết các vi phạm này được giao cho thanh tra môi trường và Chánh Thanh tra Sở KHCN&MT, Giám đốc, Phó giám đốc, Chánh Thanh tra Cục Môi trường và Chủ tịch UBND tỉnh.

2.3.1.2 Các chính sách quốc gia ban hành sau Luật Môi trường 1993:

Bộ Tiêu chuẩn Môi trường tạm thời (1995):

Bộ tiêu chuẩn này do Bộ KHCN&MT cũ (nay là Bộ TN&MT) xây dựng năm 1995. Nội dung của nó bao gồm các tiêu chuẩn, quy tắc chung áp dụng trên toàn lãnh thổ Việt Nam trong các hoạt động quan trắc, thanh tra và các hoạt động kiểm soát môi trường. Phần môi trường được đề cập nhưng chưa đầy đủ, cần phải được bổ sung. Hiện nay chúng ta đang từng bước thiết lập tiêu chuẩn quốc gia theo ISO 9000 và ISO 14000.

Kế hoạch quốc gia phòng ngừa và ứng phó sự cố tràn dầu, đặc biệt ở những khu vực nhạy cảm và trọng điểm kinh tế, kèm theo Thông tư 2262/TT-MTg ngày 29/12/1995 hướng dẫn về việc xử lý sự cố tràn dầu:

Do Bộ KHCN&MT ban hành năm 1995, Kế hoạch được xây dựng nhằm đưa ra các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tràn dầu, áp dụng trên toàn quốc gia. Nội dung kế hoạch chú trọng đến các khu vực nhạy cảm và trọng điểm kinh tế của quốc gia. Thông tư đi kèm giải thích và quy định những nguyên tắc và những định hướng cho các ngành và các địa phương trong nhận thức, tổ chức và phối hợp ứng phó và xử lý hậu quả của các sự cố tràn dầu trong vùng biển Việt Nam.

Hướng dẫn quản lý nước thải công nghiệp (1993).

Được Bộ KHCN&MT ban hành năm 1993, bao gồm các quy định, các quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng trong hoạt động quản lý nước thải công nghiệp. Hiện tại các quy định trong bản hướng dẫn này đã được các địa phương (trong đó có Quảng Ninh) áp dụng. Tuy nhiên, một số nội dung trong hướng dẫn còn chưa phù hợp, cần phải được sửa đổi.

=====

2.3.1.3 Các chiến lược và kế hoạch hành động quốc gia

Các chiến lược môi trường và phát triển bền vững

Các chiến lược đóng vai trò hướng dẫn việc xây dựng các luật, chính sách và các thể chế - tổ chức liên quan tới việc thực hiện các luật và chính sách. Chúng cũng đóng góp trực tiếp cho các hoạt động của các tổ chức tài trợ quốc tế. Các chiến lược quốc gia quan trọng nhất bao gồm:

Chiến lược bảo tồn quốc gia (1985):

Chiến lược được xây dựng năm 1985. Nội dung gồm các chủ đề khác nhau liên quan đến việc bảo tồn và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên. Đây là cơ sở để xây dựng một số chính sách quan trọng liên quan đến công tác bảo tồn và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên. Một sản phẩm của Chương trình này là Chiến lược bảo tồn quốc gia - một trong những chiến lược đầu tiên được hoàn chỉnh ở một nước đang phát triển như Việt Nam trên thế giới.

Kế hoạch Quốc gia về Môi trường và Phát triển Bền vững (1991 - 2000):

Có vai trò như khung kế hoạch hành động quốc gia sơ thảo trong lĩnh vực môi trường và phát triển bền vững, Kế hoạch đã cung cấp một khung tổng thể cho các giai đoạn phát triển của công tác quản lý và quy hoạch môi trường ở cấp quốc gia và cấp tỉnh của quốc gia. Khung tổng hợp này cho phép định hướng các chính sách và thể chế cũng như các chương trình hoạt động bảo vệ môi trường trong vòng 10 năm. Đồng thời Kế hoạch cũng chỉ dẫn các hành động cụ thể, cấp bách, ngắn hạn nhằm nhấn mạnh các vấn đề ưu tiên trong giai đoạn 1991 - 2000. Nhiều nội dung khác nhau như cấu trúc tổ chức, các chính sách môi trường ở cấp ngành khá tổng hợp, pháp luật môi trường, các dự án và chương trình ưu tiên, các phương pháp thu thập và quản lý tư liệu tiên tiến, quy trình điều tra và hệ thống giám sát, các ưu tiên kèm theo một chương trình nghị sự cho các giai đoạn 1990 - 1995 và 1996 - 2000 đã được đề cập trong Kế hoạch. Các nội dung cụ thể bao gồm:

- Bảo toàn các quá trình sinh thái và hệ thống tài nguyên.
- Bảo toàn đa dạng nguồn gen và các loài thú hoang dã có giá trị
- Bảo đảm sử dụng lâu bền tài nguyên thiên nhiên qua các mô hình sử dụng hợp lý.
- Bảo toàn chất lượng môi trường cần thiết cho cuộc sống con người
- Đạt được mức cân bằng dân số

Đặc biệt, kế hoạch đề cập tập trung đến QLVB, trong đó nhấn mạnh đến các vấn đề cụ thể: Bảo vệ vùng cửa sông và các rạn san hô, Bảo vệ và trồng lại rừng ngập mặn, Bảo vệ bờ biển khỏi xói lở và xúc tiến các giải pháp kỹ thuật bảo vệ bờ biển.

Các kế hoạch hành động và chương trình lớn có liên quan:

- Chương trình QLTHĐB biển.
- Chương trình bảo vệ và quản lý các vùng đất ngập nước ven biển
- Kế hoạch bảo vệ môi trường và các ưu tiên chính sách quản lý môi trường biển và vùng ven bờ trong thời kỳ kinh tế chuyển đổi
- Chương trình ngăn ngừa suy thoái môi trường vùng bờ và biển.
- Kế hoạch hành động ĐDSH quốc gia 1995
- Chương trình phục hồi và sử dụng hợp lý các hệ sinh thái ven biển/biển (rừng ngập mặn, hệ cỏ biển, rạn san hô, đầm phá...).
- Kế hoạch bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2005
- Các ưu tiên chính sách quản lý môi trường Việt Nam đến năm 2020.
- Quản lý ô nhiễm biển và kế hoạch ứng cứu sự cố tràn dầu
- Chiến lược và các chương trình khai thác hải sản xa bờ
- Chương trình quy hoạch phát triển du lịch biển đến năm 2020
- Chương trình quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2010
- Chính sách giảm tốc độ tăng dân số xuống tới 1,7%.

Các dự án quan trọng có liên quan

Các kế hoạch 5 năm về khoa học, công nghệ và môi trường được hoạch định dựa trên yêu cầu phát triển kinh tế quốc dân và kế hoạch quốc gia về môi trường và phát triển bền vững. Trong giai đoạn 1996 - 2000 có một vài chương trình và dự án quốc gia hướng dẫn vào việc bảo vệ môi trường biển và ven biển, có tác động lớn đến QLVB Vịnh Hạ Long. Các dự án đó bao gồm:

Chương trình điều tra - nghiên cứu biển giai đoạn 1996 - 2000: gồm các dự án:

- Thiết lập cơ sở dữ liệu biển Việt Nam
- Cơ sở Khoa học xác định ranh giới ngoài thềm lục địa
- Xác định ranh giới biển Việt Nam theo công ước Luật biển 1982
- Nghiên cứu để xác định mực nước biển “0 m” ở Việt Nam
- Tiếp cận QLTHĐB Việt Nam
- Nghiên cứu xói lở và bồi tụ ở vùng bờ biển Việt Nam

Trong đó, dự án Tiếp cận QLTHĐB Việt Nam là một trong các dự án có ảnh hưởng lớn đến QLVB Vịnh Hạ Long.

=====

Chương trình sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường:

Các nghiên cứu có tác động đến QLVB Vịnh Hạ Long bao gồm:

- Nghiên cứu những thay đổi môi trường gây ra do việc thực hiện quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và những giải pháp ứng xử ở đồng bằng sông Hồng và sông Mêkông.
- Nghiên cứu tác động môi trường gây ra bởi các hoạt động kinh tế đô thị hóa để đề xuất các giải pháp kiểm soát và làm sạch ở vùng Vịnh Hạ Long - Hải Phòng.

Các dự án khác:

- Khảo sát các đảo ven bờ Việt Nam
- Quy hoạch hệ thống Khu bảo tồn biển Việt Nam.
- Nghiên cứu tương tác ở đới bờ và vùng cửa sông.
- Điều tra hệ sinh thái cỏ biển và san hô.
- Chương trình giám sát môi trường biển quốc gia
- Xây dựng dự thảo kế hoạch quốc gia về bảo vệ môi trường giai đoạn 2001 - 2010.

Các chương trình và dự án trên sau khi kết thúc sẽ góp phần cung cấp các tư liệu cho việc hoạch định chiến lược và chính sách bảo vệ môi trường biển và vùng ven biển nước ta. Nhưng sự phối hợp giữa các chương trình quốc gia này với các chương trình quản lý môi trường khác, cũng như các cơ quan quản lý môi trường còn lỏng lẻo. Cho nên thông tin hai chiều về nhu cầu của các bên không được trao đổi kịp thời. Điều này đòi hỏi phải có một cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý môi trường và tăng cường trao đổi thông tin giữa các bộ phận/cơ quan trong cơ cấu thể chế.

2.3.2 Các quy chế quản lý của địa phương

Quy chế quản lý Vịnh Hạ Long tạm thời:

Quy chế này được ban hành theo Quyết định số 2522/QĐ/UB ngày 4/11/1995 của UBND tỉnh Quảng Ninh. Nội dung của Quy chế bao gồm:

- Nhu cầu thành lập 1 cơ quan quản lý Vịnh có chức năng, nhiệm vụ cụ thể để tổ chức triển khai hoạt động quản lý Nhà nước đối với Vịnh Hạ Long.
- Quy định phạm vi bảo vệ Di sản Vịnh Hạ Long và các hành động bị nghiêm cấm
- Quy định về cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong việc bảo tồn, tuyên truyền và khai thác, sử dụng Di sản Vịnh Hạ Long

Quy chế quản lý khu vực bãi tắm tại Bãi Cháy - Thành phố Hạ Long:

Nội dung Quy chế này được ban hành theo Quyết định 2532/QĐ/UB ngày 1/10/1996 của UBND Tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Quy chế tạm thời về quản lý, khai thác, sử dụng bãi tắm du lịch trên địa bàn tỉnh. Quyết định này thay thế cho Quyết định 2829/QĐ/UB ngày 13/12/1995 của UBND tỉnh.

Tiêu chuẩn tàu chở khách thăm quan Vịnh Hạ Long

Các tiêu chuẩn này được quy định trong Quyết định số 1340/QĐ/UB ngày 15/6/1999 của UBND tỉnh Quảng Ninh V/v "Ban hành quy định tạm thời tiêu chuẩn tàu chở khách tham quan Vịnh Hạ Long" với mục đích nhằm đảm bảo an toàn, thẩm mỹ, văn minh du lịch, bảo vệ môi trường, giữ gìn cảnh quan di sản Thế giới. Nội dung Quyết định nêu rõ: các đối tượng chịu sự điều chỉnh là các hoạt động đóng mới, hoán cải, phát triển và sử dụng tàu chở khách tham quan Vịnh Hạ Long.

Trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải trên Vịnh Hạ Long:

Trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải được quy định trong Quyết định số 2055/QĐ/UB ngày 6/8/1998 của UBND Tỉnh Quảng Ninh. Theo đó, các trách nhiệm của các cơ quan, ban ngành, cá nhân trong phạm vi Vịnh Hạ Long đã được quy định rõ cho các cơ quan, ban ngành liên quan. Tuy nhiên, sự phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành trong vấn đề thu gom, xử lý chất thải chưa được cao.

Quy chế phối hợp giữa đội Thanh tra giao thông lưu động và đội Kiểm tra của BQL Vịnh Hạ Long

Quy chế do BQL Vịnh Hạ Long ban hành năm 2001 với các quy định về việc phối hợp giữa Đội Thanh tra Giao thông Lưu động và Đội Kiểm tra của BQL Vịnh Hạ Long trong việc kiểm tra, ngăn ngừa và xử lý các phương tiện hoạt động chở khách vi phạm về trật tự an toàn giao thông và những dấu hiệu vi phạm gây mất trật tự an toàn giao thông, hành vi xâm phạm đến giá trị di sản.

Quy chế số 01/QC/PH ngày 17/10/2002:

Đây là quy chế phối hợp liên ngành giữa BQL Vịnh Hạ Long, Công an Tỉnh, Sở Giao thông vận tải, Sở Du lịch, Sở Thủy sản, Sở KH&CN&MT và Chi cục Kiểm lâm về bảo vệ Di sản thế giới Vịnh Hạ Long. Việc phối hợp giữa các ban ngành trong công tác quản lý Vịnh dựa theo các nội dung quy định trong quy chế. Tùy theo đặc điểm tính chất, mục đích yêu cầu chức năng nhiệm vụ của từng ngành để có biện pháp, hình thức và nội dung thích hợp để phối hợp thực hiện quy chế.

Chương trình phối hợp số 01/CTPH giữa BQL Vịnh Hạ Long - UBND t. phố Hạ Long

Chương trình được xây dựng năm 2002, đề cập đến sự phối hợp giữa BQL Vịnh Hạ Long và UBND thành phố Hạ Long trong việc giữ gìn, bảo tồn và phát huy giá trị của Di sản Vịnh Hạ Long. Nội dung cụ thể bao gồm sự phối hợp trong các hoạt động: tuyên truyền

giáo dục cộng đồng; kiểm tra, xử lý những hành vi xâm hại Di sản; quản lý môi trường và phối hợp để phòng chống thiên tai, tai nạn; và giải quyết hậu quả sự cố do thiên tai, tai nạn bất ngờ xảy ra trên Vịnh.

Kế hoạch Bảo vệ Môi trường tỉnh Quảng Ninh đến năm 2010:

Kế hoạch được UBND tỉnh ban hành ngày 01/12/2003, gồm các nội dung:

- Kiểm soát nguồn gây ô nhiễm
- Tập trung xử lý ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, hoàn nguyên môi trường
- Phòng chống và ứng cứu sự cố môi trường
- Bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên (đất, nước, khoáng sản, rừng, rừng ngập mặn) và ĐDSH.
- Nâng cao năng lực quản lý môi trường, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng, lồng ghép vấn đề môi trường vào quy hoạch phát triển, huy động nguồn tài chính cho hoạt động bảo vệ môi trường.

Quy định phối hợp các lực lượng giải quyết sự cố tràn xăng dầu và PCCC tại Cảng dầu B12

Quyết định số 2287/QĐ/UB ngày 31/8/1998 do UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành về việc "Ban hành quy định phối hợp các lực lượng giải quyết sự cố tràn xăng dầu và PCCC tại Cảng dầu B12". Nội dung Quyết định đề cập đến sự phối hợp, điều hành và chỉ đạo giữa các cá nhân, tổ chức tham gia các hoạt động liên quan, gồm UBND tỉnh, UBND thành phố Hạ Long, Giám đốc Cảng B12, Cảnh sát PCCC và một số các Sở, ban, ngành liên quan khác.

Quyết định số 631/1999/QĐ-UB ngày 23/3/1999 của UBND tỉnh Quảng Ninh:

Ban hành Quy định về đăng ký tàu cá và thuyền viên trên các loại phương tiện: tàu, thuyền, canô, xà lan, các phương tiện nổi khác có động cơ hoặc không có động cơ dùng vào mục đích khai thác, chế biến, nuôi trồng, vận chuyển, điều tra thăm dò nguồn lợi thủy sản,... hoạt động trong các vùng biển, sông, hồ của địa phương.

Chương trình Phát triển du lịch biển đảo Quảng Ninh giai đoạn 1998 – 2010 đề cập đến các nội dung:

- Đánh giá hoạt động du lịch biển đảo thời gian qua.
- Tiềm năng và tài nguyên phát triển du lịch biển đảo.
- Chương trình phát triển du lịch biển đảo Quảng Ninh.
- Những giải pháp và chính sách cần thực hiện.

Quyết định số 1892/QĐ - UB ngày 18/12/2002 của UBND tỉnh Về việc bảo vệ rừng ngập mặn, hạn chế chuyển mục đích sử dụng sang nuôi trồng thủy sản

Chỉ đạo tại văn bản số 1435/UB ngày 3/11/1999 của UBND tỉnh V/v “Thực hiện quyết định ban hành Quy chế BVMT ngành xây dựng”.

Chỉ đạo tại văn bản số 241/UB ngày 6/2/2003 của UBND tỉnh V/v “Lắp đặt và ứng dụng thiết bị tách lọc dầu cho tàu thuyền”

2.3.3 Vai trò của luật pháp quốc tế trong quản lý vùng bờ vịnh Hạ Long

Luật pháp Quốc tế đóng một vai trò quan trọng đối với các chính sách phát triển của quốc gia. Đặc biệt trong xu thế hội nhập toàn cầu hiện nay thì luật pháp quốc tế càng đóng vai trò quan trọng. Luật pháp quốc tế (Tư pháp Quốc tế) xuất hiện dưới các hình thức: công ước, hiệp định, nghị định thư với các chủ thể là các quốc gia trên thế giới tham gia và ký kết vào các văn bản luật pháp quốc tế này nhằm hướng tới các khách thể là các mối quan hệ mà các văn bản này điều chỉnh. Khi các văn bản luật pháp quốc tế đã được các quốc gia ký kết hoặc tham gia thì nó nghiêm nhiên có giá trị bắt buộc thi hành, thể hiện ở:

- Các cấp tham gia ký kết là Chính phủ hoặc Bộ/ngành được Chính phủ cho phép thay mặt đàm phán, ký kết các văn bản pháp luật quốc tế.
- Đường lối và chính sách ưu tiên của các quốc gia và địa phương trong việc thực hiện các văn bản luật pháp quốc tế.
- Giá trị của các văn bản luật pháp quốc tế: bãi bỏ các quy định/luật pháp và chính sách của các quốc gia tham gia hoặc ký kết khi có mâu thuẫn với các văn bản luật pháp quốc tế.

Vịnh Hạ Long là một khu vực phát triển nhạy cảm, có tiềm năng phát triển đa ngành. Đây là nơi tập trung rất nhiều hoạt động phát triển của các ngành nghề khác nhau, do đó khung thể chế quản lý và các chính sách quản lý cho Vịnh Hạ Long cũng mang tính phức tạp đa ngành. Ngoài hệ thống luật pháp của quốc gia và địa phương, Vịnh Hạ Long cũng chịu tác động của các văn bản luật pháp quốc tế mà Việt Nam tham gia và ký kết. Trong các Công ước quốc tế Việt Nam đã ký kết và phê chuẩn, các công ước sau có liên quan đến QLVB Vịnh Hạ Long.⁶

Công ước Quốc tế về Di sản Văn hoá và Thiên nhiên Thế giới 1972

Công ước được ký kết và thông qua vào tháng 11.1972 tại Paris trong hội nghị của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của LHQ (UNESCO). Công ước gồm có 8 phần, 38 điều. Nội dung của nó đề cập đến tầm quan trọng của việc bảo tồn, bảo vệ, duy trì và phát

⁶ Chính phủ Việt Nam cũng đã ký và phê chuẩn một số công ước của IMO liên quan tới bảo vệ môi trường biển, chống ô nhiễm như: công ước quốc tế về an toàn sinh mạng cho con người trên biển (SOLAR 74), công ước quốc tế về mạn khô tàu biển (LL66), công ước quy tắc quốc tế về phòng ngừa và va chạm tàu thuyền trên biển (COLREG 72)... Ngoài ra, Việt Nam đang chuẩn bị ký kết một số công ước khác như: Công ước Luân Đôn về đổ thải (1972)... Các công ước này đều có tác động đến phát triển kinh tế – xã hội vùng bờ Vịnh Hạ Long. Tuy nhiên, do giới hạn của phạm vi nghiên cứu, báo cáo này chỉ đề cập đến nội dung một số công ước chính liên quan trực tiếp đến QLVB Vịnh Hạ Long.

=====

huy các di sản, các định nghĩa về di sản và văn hoá, sự bảo vệ các di sản văn hoá và thiên nhiên của các quốc gia và quốc tế, nghĩa vụ của các quốc gia và quốc tế trong việc bảo vệ, bảo tồn và phát huy các di sản thế giới, sự hợp tác của các quốc gia trên thế giới trong lĩnh vực này, điều kiện và các sắp xếp để các quốc gia được hưởng các hỗ trợ trong việc bảo vệ các di sản thế giới của nhân loại, các nguồn quỹ cho việc bảo tồn, bảo vệ và phát triển di sản thế giới, các chương trình giáo dục, chế độ báo cáo và một số điều khoản thi hành.

Công ước đã nêu được sự suy giảm và biến mất của các di sản thế giới là một trong các hậu quả của việc phát triển xã hội và kinh tế của thế giới. Để bảo vệ các di sản thế giới, các quốc gia có nghĩa vụ ban hành các chính sách để bảo vệ, bảo tồn các di sản thế giới trong lãnh thổ của mình, lồng ghép việc bảo vệ này vào các chương trình quy hoạch tổng thể, áp dụng các biện pháp pháp lý, khoa học, kỹ thuật, hành chính và tài chính cần thiết cho việc phát hiện, bảo vệ, bảo tồn và giới thiệu các di sản thế giới.... Bảo vệ các di sản thế giới đã được nâng lên tầm thế giới trong sự cộng tác giữa các quốc gia trên thế giới mà không phải của riêng quốc gia nào. Tham gia Công ước này là quyền và nghĩa vụ của các quốc gia trên thế giới và trong khu vực.

Vịnh Hạ Long là một di sản tự nhiên được UNESCO công nhận. Hiện nay, Công ước Quốc tế về Di sản Văn hoá và Tự nhiên Thế giới được thực hiện và tuân thủ một cách nghiêm chỉnh đối với việc bảo tồn, bảo vệ và phát triển Vịnh Hạ Long. Như đã phân tích, BQL Vịnh Hạ Long là cơ quan có trách nhiệm quản lý các hoạt động liên quan đến phát triển vùng bờ Di sản Thế giới. BQL Vịnh, nằm dưới sự chỉ đạo trực tiếp của UBND tỉnh Quảng Ninh và chịu sự điều phối, kiểm tra, giám sát của UNESCO. Các quy định của Công ước Di sản Thế giới đã được triển khai và thi hành ở đây.

Hiệp định Phân định Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định Nghề cá Việt Nam - Trung Quốc

Ngày 25/12/2000 Hiệp định phân định vịnh Bắc bộ và Hiệp định hợp tác nghề cá Việt Nam - Trung Quốc được ký kết có ý nghĩa hết sức quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, bảo vệ chủ quyền cũng như khai thác tiềm năng của biển. Đây là cơ sở pháp lý để Việt Nam và Trung Quốc giải quyết những tranh chấp trên Biển Đông, tạo ra được một khuôn khổ pháp lý quốc tế rõ ràng, thuận lợi cho việc mỗi nước tiến hành bảo vệ, quản lý, sử dụng, khai thác, phát triển kinh tế ở các vùng bờ và thềm lục địa của mình, duy trì ổn định trong Vịnh, tăng cường sự tin cậy trong quan hệ hợp tác giữa hai nước. Tuy vậy việc thực hiện Hiệp định Phân định Vịnh Bắc bộ và Hiệp định Hợp tác Nghề cá Việt Nam - Trung Quốc hiện đang ở trong giai đoạn đầu tiên và tất yếu sẽ nảy sinh những vấn đề mới đặc biệt nhạy cảm và đáng quan tâm.

Công ước UNCLOS 1982:

Công ước này được các quốc gia ký kết từ ngày 7 – 11/12/1982 tại Montego Bay – Jamaica. Công ước được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam phê chuẩn ngày 23/6/1994, có hiệu lực từ ngày 16/11/1994.

=====
Nội dung Công ước gồm 17 phần, 320 điều và 9 phụ lục, 4 nghị quyết⁷. Về cơ bản, Công ước dành quyền bảo đảm thi hành pháp luật về chống ô nhiễm, bảo vệ môi trường biển cho quốc gia ven biển, quốc gia có cảng và quốc gia mà tàu mang cờ. Công ước công nhận các quốc gia ven biển có một loạt quyền bảo vệ vùng đặc quyền kinh tế, trong đó có một số quyền liên quan đến bảo vệ môi trường và QLVB như:

- Chống lại ô nhiễm (như ô nhiễm do nhận chìm, ô nhiễm từ tàu); Thi hành các biện pháp cần thiết để can thiệp vào các vụ vi phạm xảy ra trong các vùng đặc quyền kinh tế của mình nhằm ngăn ngừa hoặc hạn chế ô nhiễm từ tàu.
- Sử dụng các phương tiện cần thiết để bảo vệ tài nguyên của vùng và áp dụng các biện pháp bảo tồn chúng cho tương lai.
- Khai thác tài nguyên thiên nhiên thuộc chủ quyền của mình theo chính sách về môi trường của quốc gia và theo đúng nghĩa vụ bảo vệ và gìn giữ môi trường biển dựa trên các cam kết trong các Công ước quốc tế.

Các điều khoản của Phần XII mang trách nhiệm chính trị, thể hiện nỗ lực của các quốc gia nhằm tạo ra một khuôn khổ pháp lý tổng thể, có hiệu lực trên phạm vi toàn cầu trong việc bảo vệ và giữ gìn môi trường biển trên tinh thần hợp tác quốc tế. Đây là một trong các tiền đề cho QLVB ở từng vùng, từng quốc gia, từng khu vực và trên toàn cầu.

Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm từ tàu 1983 (MARPOL)

Công ước có hiệu lực năm 1983 và được bổ sung bằng Nghị định thư 1978 cấm và hạn chế chất thải gây ô nhiễm từ việc thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên, mà chủ yếu là ô nhiễm từ các chất phóng xạ. Công ước MARPOL thay thế công ước 1954 và đưa ra thêm những biện pháp bổ sung để ngăn ngừa ô nhiễm biển do dầu so với Công ước 1954.

Nội dung Công ước bao gồm các điều khoản quy định về nghĩa vụ của các quốc gia thành viên và các quy định pháp lý liên quan khác trong việc kiểm soát và ngăn ngừa ô nhiễm từ tàu. Công ước dành cho các quốc gia thành viên các quyền lớn hơn đối với việc kiểm soát các tàu nước ngoài. Cụ thể, nó cho phép các quốc gia thành viên có cảng được quyền kiểm tra tàu nước ngoài mang cờ của các quốc gia thành viên khác trong trường hợp có cơ sở để nghi ngờ rằng tàu đó đã thải bất hợp pháp ngoài các vùng biển thuộc tài phán của các quốc gia khác. Nghị định thư I quy định thủ tục chuyển thông tin liên lạc liên quan đến việc thải các chất độc hại xuống biển. Nghị định thư II quy định thủ tục giải quyết các tranh chấp giữa các quốc gia, giải thích và thực hiện Công ước. Các Phụ lục của Công ước bao gồm chủ yếu các quy định kỹ thuật.

Công ước DDSH:

⁷ Những điều nêu trên của Công ước với các định nghĩa cụ thể và Phần XII chính là cơ sở quan trọng cho Chương trình Nghị sự 21 (Chương 17) thông qua năm 1992 tại Brazil. Những văn bản này tạo thành một khung pháp lý được bổ sung và cụ thể hoá hơn bằng các thoả thuận riêng biệt của các khu vực (Chương trình hành động khu vực về quản lý môi trường biển và vùng ven bờ Châu Á - Thái Bình Dương) và của mỗi quốc gia trong khu vực, trong đó có Việt Nam. Luật BVMT Việt Nam được xây dựng trên cơ sở nội dung của Công ước này.

=====
Công ước được Hội nghị LHQ về Môi trường và Phát triển thông qua năm 1992, và 152 quốc gia ký kết sau 3 năm thương lượng. Đây là một công ước toàn diện và quan trọng nhất cho việc bảo vệ ĐDSH, đồng thời cũng là một đóng góp to lớn cho việc phát triển Luật Bảo vệ Môi trường Việt Nam.

Công ước đưa ra định nghĩa tương đối hoàn chỉnh và một số nguyên tắc lớn về bảo vệ ĐDSH: Các quốc gia, theo Hiến chương LHQ và luật pháp quốc tế, có toàn quyền khai thác tài nguyên của họ theo các chính sách của mình và có trách nhiệm bảo đảm rằng các hoạt động trong phạm vi thẩm quyền hay kiểm soát của họ không làm phương hại đến môi trường của các quốc gia khác hoặc các khu vực không thuộc thẩm quyền quốc gia. Công ước còn quy định một số nghĩa vụ của các thành viên Công ước như:

- ĐTM khi tiến hành các dự án có thể có tác động có hại đáng kể cho ĐDSH nhằm xem xét một cách thận trọng các hậu quả về môi trường của các dự án trên.
- Ban hành các quy định và các biện pháp pháp lý (trong đó có các kỹ thuật đăng ký độc quyền sáng chế và các quyền sở hữu công nghiệp) nhằm tạo điều kiện cho các quốc gia thành viên có nguồn gien, đặc biệt là các nước đang phát triển, sử dụng nguồn gien này.

Công ước RAMSAR

Được ký kết ngày 2/2/1971 và sửa đổi theo Nghị định thư Paris ngày 3/12/1982. Nội dung của nó đề cập đến các vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế đặc biệt có vai trò là nơi cư trú của các loài chim nước. Nội dung của công ước quy định các vấn đề:

- Khái niệm đất ngập nước: là những vùng đầm lầy, sinh lầy, than bùn hoặc những vùng nước dù là thiên nhiên hay nhân tạo, thường xuyên hay tạm thời, với nước đọng hay nước chảy, nước ngọt, nước lợ, hay nước mặn, bao gồm cả các vùng nước biển có độ sâu không quá 6m khi thủy triều thấp nhất (Điều 1).
- Mỗi bên tham gia công ước sẽ chỉ định ra những vùng đất ngập nước trong phạm vi lãnh thổ của mình để đưa vào danh mục các vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế (Điều 2, Khoản 1).
- Các vùng đất ngập nước được lựa chọn đưa vào danh mục phải có tầm quan trọng quốc tế về phương diện sinh thái học, thực vật học, hồ học và thủy văn học. Trước hết là những vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế đối với loài chim nước ở bất cứ mùa nào (Điều 2, Khoản 2). Các bên tham gia sẽ xây dựng và thực hiện quy hoạch của mình nhằm đẩy mạnh việc bảo vệ các vùng đất ngập nước trong phạm vi lãnh thổ của mình.
- Chức năng sinh thái cơ bản của các vùng đất ngập nước như là nơi để điều hòa các chế độ nước và là nơi cư trú cho mọi hệ động và thực vật đặc trưng, đặc biệt là loài chim nước.
- Các vùng đất ngập nước tạo ra một nguồn tài nguyên có giá trị lớn về kinh tế, văn hóa, khoa học và giải trí, mà sự tổn thất của chúng sẽ không thể cứu chữa nổi.

III. NHU CẦU QUẢN LÝ TỔNG HỢP VÙNG BỜ VỊNH HẠ LONG:

1. Cơ chế và chính sách điều phối liên quan đến QLVB Vịnh Hạ Long:

Như đã phân tích ở các phần trên, Sở TN&MT Quảng Ninh là cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường và có trách nhiệm chính trong các vấn đề QLVB Vịnh Hạ Long. Phòng Quản lý Môi trường và Trung tâm Quan Trắc và Cảnh báo Môi trường là hai bộ phận của Sở được phân công trách nhiệm giải quyết các vấn đề QLVB cụ thể. Sở TN&MT Quảng Ninh chịu sự quản lý toàn diện và trực tiếp của UBND tỉnh và chịu chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ TN&MT. Để thực hiện chức năng và nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường vùng bờ Vịnh Hạ Long, Sở phối kết hợp trực tiếp với các ban ngành khác trong tỉnh (như kế hoạch và đầu tư, giao thông, vận tải, du lịch, thủy sản, nông nghiệp, công nghiệp, BQL Vịnh Hạ Long, bộ chỉ huy biên phòng tỉnh...). Đồng thời, các Sở, ban, ngành liên quan cũng có nhiệm vụ QLVB cụ thể trong phạm vi quyền hạn và chức năng của mình và có nhiệm vụ phải phối hợp với Sở TN&MT để hoàn thành nhiệm vụ QLVB được giao.

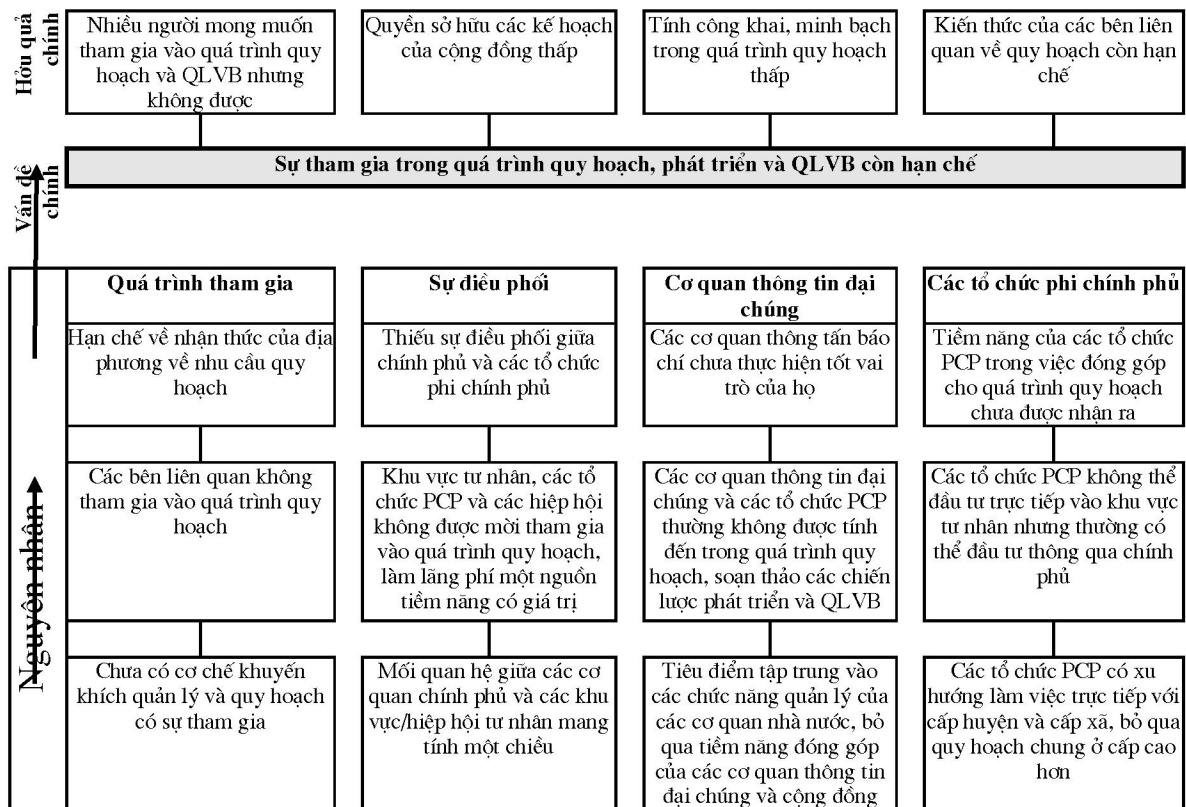
Từ trước đến nay, một khung thể chế đã hình thành sẵn nằm ở các bộ, ngành từ trung ương đến địa phương trên toàn quốc cho các hoạt động quản lý nhà nước, trong đó có các hoạt động QLVB Vịnh Hạ Long mà cụ thể ở đây là: Bộ TN&MT, Cục BVMT, Sở TN&MT Quảng Ninh, chính quyền địa phương các cấp của tỉnh Quảng Ninh và các ban ngành liên quan khác. Cùng với khung thể chế này là kinh nghiệm quản lý các vấn đề đơn ngành với nhiều thành công và thất bại, là cơ sở để chọn lọc các kinh nghiệm phù hợp và áp dụng cho các vấn đề QLVB. Trong cơ cấu thể chế hiện hành, các chức năng QLVB của các cơ quan chức năng chủ yếu (như Bộ TN&MT, Cục BVMT) đã được xác định qua các văn bản pháp luật, giúp xác định được mối quan hệ giữa các ban ngành liên quan ở cùng một cấp, hoặc giữa các cấp với nhau và cơ chế điều phối của nó. Ngoài sự tham gia của chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng liên quan thì cơ cấu thể chế cùng với các chính sách quản lý hiện hành cũng khuyến khích được sự tham gia của nhiều lĩnh vực, ngành nghề và cá nhân xã hội trong các vấn đề quy hoạch, phát triển và QLVB. Điều này đã củng cố và gia tăng nhận thức cũng như sự tham gia của người dân và các bên liên quan trong quá trình QLVB. Chính quyền địa phương cấp tỉnh, huyện và xã có khả năng trong việc hỗ trợ đầu tư và tham gia vào các hoạt động QLVB, do vậy đã nâng cao đáng kể vị trí và vai trò của họ trong hệ thống cơ cấu tổ chức và thể chế hiện hành. Một nhân tố tích cực khác tác động đáng kể đến quá trình QLVB là kết quả của cải cách nền kinh tế theo hướng thị trường (thông qua công cuộc “đổi mới”) với việc chú trọng đến khâu quản lý nguồn lợi, do đó tạo ra được tiềm năng và cơ hội cho vấn đề tự quản lý vùng bờ và các quy định liên quan đến vấn đề này. Đây là các điều kiện tốt, giúp cho các hoạt động quy hoạch, phát triển và quản lý vùng bờ theo hướng tổng hợp.

Gắn liền với thể chế là các chính sách và các văn bản pháp luật liên quan. Các chính sách liên quan đến QLVB Vịnh Hạ Long đã kế thừa được khung luật pháp sẵn có. Các điều khoản liên quan đến bảo vệ môi trường và QLVB được quy định ở một số văn bản liên quan ở cả cấp trung ương và cấp tỉnh, trong đó đáng chú ý là các tiêu chuẩn môi trường thống nhất áp dụng trên toàn quốc do Bộ KH&MT cũ (nay là Bộ TN&MT) ban hành. Nhiều văn bản pháp luật và chính sách đã thực sự đi vào đời sống của người dân, tạo điều kiện cho người dân phát triển cá nhân, phát huy sáng tạo và nâng cao ý thức, tinh thần làm

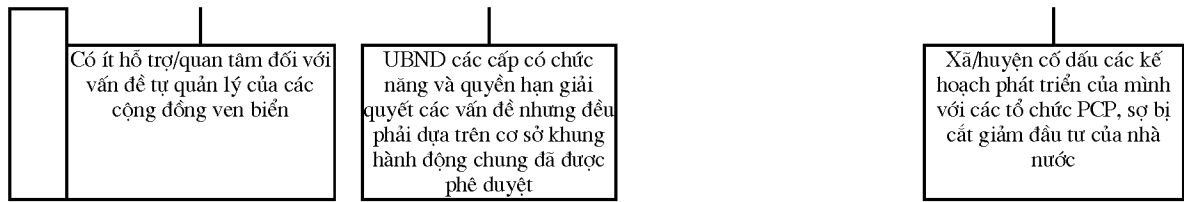
chủ bản thân, hỗ trợ đáng kể cho phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Quảng Ninh cũng như trên toàn quốc. Thêm vào đó, việc thực hiện các văn bản pháp luật và chính sách kể cả các công ước quốc tế ở Việt Nam trong một số lĩnh vực đã được quốc tế công nhận về mặt hiệu quả và chất lượng.

2. Sự tham gia của cộng đồng trong quá trình xây dựng quy hoạch và ra quyết định quản lý vùng bờ Vịnh Hạ Long.

QLVB Vịnh Hạ Long đã có sự góp mặt của các thành phần cơ bản trong cộng đồng. Những năm gần đây, Chính phủ đã có những bước tiến quan trọng cải thiện trao đổi thông tin, tăng cường dân chủ cơ sở, hình thành khung pháp lý cho người dân tham gia vào các quá trình ra quyết định ở các địa phương và theo dõi chỉ tiêu của các cấp chính quyền. Tuy nhiên, sự tham gia của của các thành phần trong cộng đồng, đặc biệt là sự tham gia của các cá nhân cụ thể trong các hoạt động cộng đồng còn thấp vì nguyên nhân năng lực của các cộng đồng vẫn còn hạn chế và nhận thức về quyền hạn của họ còn chưa cao. Tiếp cận từ dưới lên và có sự tham gia trong quá trình quy hoạch và quản lý nguồn lợi tuy đang được thực hiện nhưng vẫn chưa giúp cho việc tham gia ở cấp cơ sở có hiệu quả. Kế hoạch phát triển của xã và huyện có ít sự tham gia của người dân và các tổ chức đặc biệt là các tổ chức phi chính phủ, không phải là văn bản được công khai, và tiếp cận của người dân với các văn bản này rất khó khăn. Đồng thời, chúng ta vẫn chưa có một quy trình chính thức cho việc góp ý của người dân về các kế hoạch phát triển ở cả cấp xã, huyện, tỉnh và quốc gia. Cây vấn đề dưới đây sẽ trình bày các nguyên nhân chính khi phân tích sự tham gia của cộng đồng trong quá trình quy hoạch, phát triển và QLVB:



**BÁO CÁO PHÂN TÍCH THỂ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN
QLTHVB VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM**



Các vấn đề được trình bày theo hướng từ dưới lên. Theo đó, vấn đề phía dưới là nguyên nhân phát sinh vấn đề ngay trên nó, rồi vấn đề trên lại dẫn đến vấn đề ở cấp trên nữa, cuối cùng dẫn đến vấn đề chính của cấu trúc thể chế và các hậu quả chính.

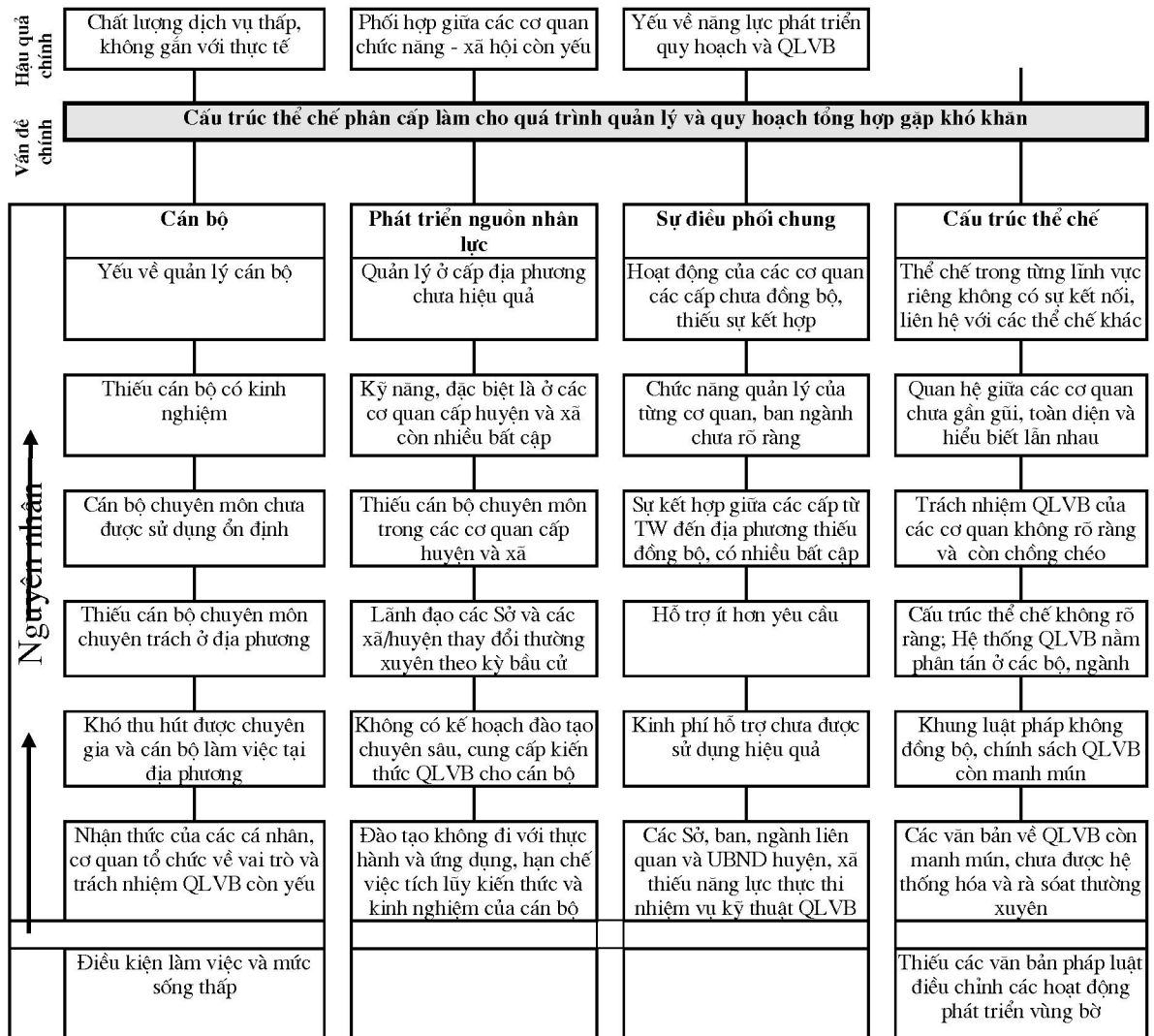
3. Nhu cầu quản lý tổng hợp vùng bờ (QLTHVB) Vịnh Hạ Long:

Cùng với các điểm mạnh trên, cơ chế điều phối QLVB Vịnh Hạ Long vẫn bộc lộ những mặt hạn chế nhất định. QLVB Vịnh Hạ Long có sự tham gia của rất nhiều ban ngành liên quan nhưng đặc điểm nổi bật nhất của nó là cơ chế điều phối của nó vẫn mang nặng tính đơn ngành và phụ thuộc nhiều vào mục tiêu phát triển ngành, mới chú trọng đến khai thác tài nguyên; đặc biệt là tình trạng khi có một vấn đề cụ thể của QLVB Vịnh Hạ Long nảy sinh thì lại chưa có cơ chế giải quyết riêng mà chủ yếu được giải quyết thông qua cơ chế quản lý môi trường. Đồng thời, chức năng và nhiệm vụ QLVB của Sở TN&MT Quảng Ninh cũng như các Sở, ban, ngành liên quan khác còn khá mờ nhạt và chồng chéo. Sở TN&MT Quảng Ninh vẫn chưa có cơ quan và các cán bộ chuyên trách về QLVB để giải quyết các vấn đề phát sinh. Tương tự, trong cơ cấu của các Sở, ban, ngành khác của Quảng Ninh cũng chỉ có bộ phận với các cán bộ kiêm nhiệm phụ trách về các vấn đề môi trường chứ chưa có cán bộ chuyên trách về QLVB. Số lượng cán bộ được đào tạo bài bản và chuyên sâu về QLVB rất ít. Kèm theo đó là các vấn đề năng lực quản lý và phát triển quy hoạch vùng bờ cũng như các năng lực thực thi kỹ thuật liên quan đến QLVB của các Sở, ban, ngành và các cơ quan, tổ chức còn nhiều bất cập. Cơ sở vật chất và năng lực chuyên môn của các Sở còn chưa đủ mạnh, lực lượng cán bộ còn mỏng, do đó chưa đáp ứng được các yêu cầu và nhiệm vụ đặt ra.

Quá trình thực tiễn triển khai pháp luật và chính sách cho thấy cũng vẫn còn nhiều quy định còn bất cập, thiếu quy định chi tiết, cụ thể về trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, và các thức phối hợp cụ thể giữa các cơ quan đó trong việc quản lý và khai thác Vịnh. Các quy định về QLVB còn nằm rải rác và manh mún ở các văn bản cụ thể của các bộ/ngành mà chưa được hệ thống hóa. Đặc biệt là Tỉnh Quảng Ninh chưa có các tiêu chuẩn riêng về môi trường, làm ảnh hưởng đáng kể đến công tác quản lý nhà nước về môi trường. Việc xây dựng và thực hiện các văn bản, quy định của địa phương cũng còn nhiều hạn chế như: sự tham gia và phối hợp giữa các ngành, các cấp địa phương còn chưa thường xuyên; hiệu quả còn thấp; tổ chức thực hiện còn chậm, thụ động; đánh giá, lập báo cáo chưa đáp ứng được yêu cầu; và còn bị ảnh hưởng rất lớn của công cuộc cải cách nền hành chính quốc gia. Trên thực tế, các văn bản pháp luật và chính sách được áp dụng ở từng ngành riêng biệt (như: hàng hải, thủy sản, môi trường, du lịch...) nên ảnh hưởng đáng kể đến tính thống nhất trong điều hành và tổ chức thực hiện, đặc biệt là việc thực hiện ở cấp quốc gia. Thêm vào đó, các yếu tố khác tác động làm giảm hiệu quả và tác động của QLVB Vịnh Hạ Long gồm có: thiếu về trang thiết bị cho công tác quản lý môi trường, nhận thức về yêu cầu quản lý tài nguyên và môi trường chưa được quán triệt tới các cấp hành chính và

ngành chức năng. Nhận thức của các cấp, các ngành và cộng đồng về luật pháp nói chung cũng như luật pháp về QLVB nói riêng còn yếu và chưa hoàn chỉnh. Tuy nhiên, khả năng khuyến khích sự tham gia của chính quyền và các cơ quan chức năng của địa phương đối với cộng đồng và các bên liên quan còn chưa cao. Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức pháp luật cho cơ quan quản lý, cộng đồng... còn hạn chế, chưa tạo ra những chuyển biến sâu sắc và toàn diện từ nhận thức đến hành động của nhân dân.

Các phân tích môi trường thể chế chính sách đã cho thấy chính cấu trúc phân cấp của thể chế đã làm cho quá trình quản lý và quy hoạch vùng bờ gặp khó khăn, dẫn đến hiệu lực quản lý và thi hành các vấn đề liên quan đến quy hoạch, phát triển và QLVB không cao, chất lượng các dịch vụ của cấu trúc thể chế thấp và không gắn với thực tiễn, sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong tổ chức thể chế với xã hội không cao, năng lực quản lý và phát triển quy hoạch vùng bờ còn yếu, và kinh phí từ các nguồn của Chính phủ hỗ trợ cho QLVB ít hơn yêu cầu và không được sử dụng hiệu quả. Các vấn đề như đã đề cập ở trên được trình bày vắn tắt như trong cây vấn đề dưới đây.



Rõ ràng, ở đây xuất hiện nhu cầu về một sự điều phối tích cực, linh động nhưng cũng phải rất chặt chẽ giữa các cơ quan, ban ngành liên quan ở địa phương và ở trung ương nhằm khắc phục các vấn đề trên và đảm bảo cho hoạt động QLVB Vịnh Hạ Long được triển khai tốt. Điều này chỉ có thể đạt được khi các chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức và các bên liên quan khác trong vấn đề QLVB Vịnh Hạ Long được phân định rõ ràng thông qua các giải pháp về thể chế, cải cách hành chính... theo hướng QLTHVB.

Trong quá trình xây dựng cơ cấu thể chế và chính sách QLTHVB Vịnh Hạ Long, cần phải nhận thức được rằng QLVB Vịnh Hạ Long mang tính đặc thù riêng do những điều kiện về địa hình, vị trí địa lý, đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội, cơ cấu thể chế hiện hành quy định, tác động và ảnh hưởng. Chính các đặc thù riêng này đã làm cho việc tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật và chính sách liên quan đến QLTHVB Vịnh Hạ Long phải có sự chọn lọc nhất định cho phù hợp với thực tiễn. Có bản chất là một tiếp cận liên ngành nên QLTHVB Vịnh Hạ Long nói riêng và của toàn quốc nói chung không thể đạt kết quả tối ưu nhất khi chỉ thông qua hoạt động đơn ngành của các cơ quan chuyên ngành ở trung ương (như Bộ TN&MT, Cục BVMT) và địa phương (như Sở TN&MT Quảng Ninh) vì đây chỉ là các cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về môi trường, trong đó có môi trường biển và QLVB. Bản chất và các nội dung của QLVB cần phải được xuyên suốt trong các Bộ/ngành, các Sở và là yếu tố định hướng và chỉ đạo các hoạt động quản lý và phát triển vùng bờ ở Việt Nam nói chung cũng như ở Quảng Ninh nói riêng. Tất cả các Bộ, các ngành, các cơ quan Chính phủ có nghĩa vụ phải phối hợp với Bộ TN&MT trong việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường và QLVB ở chính đơn vị, tổ chức... thuộc quyền quản lý của mình.

Các biện pháp đề xuất ở đây cho việc xây dựng cơ cấu thể chế và chính sách QLTHVB Vịnh Hạ Long bao gồm việc cần thiết phải nâng cao và củng cố sự điều phối trong cơ chế quản lý hiện hành, phân định rõ chức năng và nhiệm vụ của chính quyền địa phương các cấp, các cơ quan chức năng, cộng đồng và các bên tham gia khác. Sớm tổ chức thực hiện công tác hệ thống hoá và rà soát các văn bản pháp luật và chính sách hiện hành liên quan đến QLVB Vịnh Hạ Long. Song song cạnh đó là việc xây dựng các chính sách ưu tiên cũng như việc huy động và tận dụng các hỗ trợ từ các nguồn khác nhau (như của Nhà nước, các tổ chức phi chính phủ, cộng đồng...), đặc biệt là các hỗ trợ của Đảng và Nhà nước về thể chế và chính sách. Đối với công tác xây dựng và ban hành các chính sách, văn bản pháp luật mới, phải tuân theo quan điểm chỉ đạo, đường lối, chủ trương, định hướng phát triển của Đảng và Nhà nước. Là một bộ phận cấu thành nên cơ cấu thể chế và các chính sách quản lý của quốc gia nên các chính sách do tỉnh Quảng Ninh ban hành phải thể hiện được và phản ánh được các chính sách, luật lệ và quy định của quốc gia. Có nghĩa là các chính sách về QLTHVB của tỉnh Quảng Ninh phải cụ thể hóa được các quy định, chính sách và luật lệ về QLTHVB của quốc gia; và giải quyết được các vấn đề QLVB của Quảng Ninh. Các văn bản quản lý cần phải tập trung vào các giải pháp thiết thực, cụ thể để quản lý vùng bờ Vịnh Hạ Long như:

- Tuyên truyền, giáo dục trách nhiệm bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ cảnh quan và di sản thiên nhiên Vịnh Hạ Long cho cộng đồng.
- Xây dựng các chính sách chuyển đổi cơ cấu cho ngư dân địa phương sang hướng khai thác xa bờ hoặc nghề nuôi trồng thủy sản, đặc biệt nghề nuôi động vật nhuyễn thể nhằm làm sạch môi trường nước.
- Giảm bớt số lượng phương tiện và lao động từ các tỉnh khác đến khai thác hải sản trong Vịnh nhằm hạn chế sự suy kiệt nguồn lợi và ô nhiễm tại khu vực Vịnh.

- Xây dựng kế hoạch đầu tư để tạo lập một hệ thống du lịch đồng bộ, đa dạng nhằm phát huy các giá trị di sản thông qua các hoạt động thu hút khách du lịch, nghiên cứu khoa học, khảo sát, học tập. Đồng thời phải có những chính sách hợp lý trong việc khai thác, sử dụng các tài nguyên du lịch nhằm đảm bảo sự cân bằng sinh thái và tốc độ tái tạo tự nhiên của tài nguyên.
- Giảm thiểu tác động xấu từ các hoạt động của con người bao gồm các yếu tố đô thị hóa công nghiệp, du lịch và giao thông vận tải...
- Quy hoạch hợp lý mang tính bền vững lâu dài trong việc khai thác tiềm năng hải sản; Tuân thủ nguyên tắc khai thác đi đôi với việc bảo vệ, giữ gìn và tôn vinh giá trị cảnh quan, đảm bảo sự ổn định cho môi trường Di sản và dịch vụ.
- Nghiên cứu biện pháp khôi phục những giống loài bị tuyệt chủng và các loài đặc sản bị suy kiệt; Tái tạo lại các nơi cư trú, các cảnh quan dưới nước bị tàn phá, như các rạn san hô, các thảm cỏ biển và rừng ngập mặn.

Xây dựng và thực thi thể chế chính sách QLTHVB Vịnh Hạ Long là một nhu cầu tất yếu, đặc biệt là trong hoàn cảnh và xu thế hiện nay vì các biện pháp quản lý vùng bờ đòi hỏi phải được tính toán, xây dựng và triển khai ở quy mô tổng hợp vĩ mô, cũng như đòi hỏi sự kết hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp, và sự tham gia tích cực của cộng đồng. Kinh nghiệm thực tế của nhiều quốc gia trong khu vực và trên thế giới trong công tác thể chế chính sách cho QLTHVB cũng có thể là những bài học để chúng ta tham khảo, chọn lọc và áp dụng cho công tác QLTHVB Vịnh Hạ Long.

IV. ĐỀ XUẤT HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH VÀ THỂ CHẾ QLTHVB VỊNH HẠ LONG ĐẾN NĂM 2010:

1. Cơ sở và các nguyên tắc chung cho việc đề xuất hệ thống chính sách và thể chế QLTHVB Vịnh Hạ Long đến năm 2010:

1.1 Cơ sở cho việc đề xuất:

Kết quả của mối quan hệ giữa thể chế và chính sách được thể hiện ở chỗ một cơ cấu thể chế tốt hỗ trợ cho việc thực hiện chính sách, và các chính sách tốt sẽ góp phần củng cố sức mạnh của thể chế, đồng thời đem lại lợi ích tối đa cho cộng đồng ven biển và dân cư của tỉnh Tỉnh Quảng Ninh. Trên thực tế, hệ thống chính sách cho QLTHVB Vịnh Hạ Long nên được phát triển dựa trên các cơ sở sau đây:

- Các chiến lược và kế hoạch hành động quốc gia.
- Các nghị quyết và chỉ thị của Chính phủ về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội cho Vịnh Hạ Long.
- Các nguyên tắc của Chương 17 Chương trình Nghị sự 21 và các Công ước Quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm biển mà Việt Nam tham gia hoặc ký kết.
- Yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Hạ Long nói riêng và Tỉnh Quảng Ninh nói chung đến năm 2010.
- Đặc thù địa lý của môi trường biển của vùng ven bờ Vịnh Hạ Long.

1.2 Các nguyên tắc cho việc đề xuất

Hệ thống chính sách và thể chế về QLTHVB chính là một công cụ quan trọng, phản ánh đặc thù của QLTHVB. Các chính sách QLTHVB bao gồm các giải pháp phòng ngừa và giảm thiểu các tác hại môi trường trong các dự án phát triển tại địa phương, giải quyết các vấn đề QLTHVB ưu tiên cho việc phát triển kinh tế – xã hội của Vịnh Hạ Long. Về bản chất, xây dựng cấu trúc thể chế chính là việc khắc phục những trở ngại về mặt năng lực và phạm vi hoạt động của các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương ở cấp xã/thôn, nguồn lực tài chính và tận dụng lợi thế so sánh của địa phương. Khi đề xuất và xây dựng các chính sách, phải thoả mãn các yêu cầu:

- Các chính sách đề xuất phải phù hợp với truyền thống, phong tục, tập quán của địa phương, và phải gắn được các yếu tố này với các nhu cầu bắt buộc của QLTHVB.
- Thông qua các chính sách, cộng đồng dân cư vùng Vịnh Hạ Long có thể tham gia trực tiếp hơn vào quản lý tài nguyên vùng bờ và trong thực hiện các chương trình hành động QLTHVB.
- Chính sách QLTHVB Vịnh Hạ Long được đề xuất ở đây trước tiên phải nằm trong và là một bộ phận cấu thành nên hệ thống chính sách QLTHVB của quốc gia. Tức

là chúng phải phản ánh và có thể gắn kết các hoạt động QLTHVB của vùng Vịnh Hạ Long với các hoạt động QLTHVB của quốc gia, khu vực và quốc tế, đồng thời phải được đặt trong bối cảnh của các công ước/thỏa ước quốc tế liên quan.

- Nguyên tắc đối tác và đồng quản lý: Điều này có nghĩa là tất cả các thành phần này đều phải được tham gia và cùng có những vai trò nhất định trong QLTHVB. Trong đó, chính quyền địa phương, mà cụ thể là UBND tỉnh Quảng Ninh, sẽ tiếp tục chịu trách nhiệm chung đối với công tác quản lý nhà nước về QLTHVB Vịnh Hạ Long. Tất cả thành phần chủ chốt liên quan đều đóng vai trò quan trọng trong việc lập quy hoạch và triển khai QLTHVB. Do vậy phải tạo ra động cơ thúc đẩy và tạo điều kiện để mỗi bên đều tham gia tích cực và đem hết năng lực hoàn thành nhiệm vụ của mình, đồng thời phải tăng cường hợp tác giữa các thành phần chủ chốt.
- Nguyên tắc Cấp huyện là cấp thực hiện phù hợp nhất: Điều này có nghĩa là các huyện sẽ đóng vai trò là đơn vị cơ sở, là đối tác thực hiện các chính sách và chiến lược QLTHVB của tỉnh Quảng Ninh, vì các lý do: Việc lập quy hoạch, xếp thứ tự ưu tiên và theo dõi ở cấp huyện/thành phố đảm bảo cho các chính sách, chiến lược đề ra luôn được thực hiện phù hợp với các mục tiêu phát triển của địa phương. Việc lập quy hoạch, khoanh vùng chức năng biển và vùng bờ, cân bằng phát triển ở cấp huyện/thành phố là tiền đề để tiếp tục đầu tư và trợ giúp kỹ thuật cho việc triển khai quy hoạch đó. Sau khi lập quy hoạch và khoanh vùng chức năng, có thể xây dựng một chương trình đầu tư và hỗ trợ kỹ thuật trọn gói đa lĩnh vực gồm các hoạt động phù hợp, đáp ứng tốt nhất yêu cầu của huyện. Đồng thời, các huyện ven biển gần hơn với quá trình thực hiện và có thể xem xét nhu cầu thật sự, các lợi thế so sánh của địa phương cũng như các giải pháp. Ngoài ra, vùng quy hoạch ở cấp huyện là đủ lớn, đáp ứng được yêu cầu hạn chế nhiều nhất sự chi phối từ các yếu tố bên ngoài (như ô nhiễm vùng thượng nguồn, quản lý các vùng khai thác hải sản, khu bảo tồn...) đối với các quyết định đã được đưa ra.

2. Đề xuất hệ thống chính sách cho QLTHVB vịnh Hạ Long đến năm 2010

2.1 Các chính sách cho QLTHVB Vịnh Hạ Long đến năm 2010:

Nhằm đáp ứng các nhu cầu phát triển kinh tế xã hội cũng như nhu cầu quy hoạch và QLTHVB Vịnh Hạ Long đến năm 2010, các chính sách đề xuất cho QLTHVB Vịnh Hạ Long đến 2010 nên được phân ra làm hai loại như sau:

(a) Hệ thống chính sách QLTHVB: bao gồm:

- Hướng dẫn các quy hoạch lập kế hoạch vùng ven biển Vịnh Hạ Long
- ĐTM của các dự án quy hoạch và phát triển vùng ven biển Vịnh Hạ Long
- Chính sách chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp cho ngư dân theo hướng vươn khơi, giao đất ven biển cho ngư dân
- Hướng dẫn quy hoạch và quản lý du lịch biển
- Thuế và tài nguyên biển.
- Hướng dẫn xây dựng và quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên biển.

- Hướng dẫn xây dựng và quản lý Di sản Thế giới Vịnh Hạ Long.

(b) Chính sách bảo vệ/quản lý môi trường và tài nguyên biển:

- Chính sách quản lý đổ thải ra biển.
- Kế hoạch ứng cứu sự cố tràn dầu trên biển.
- Hướng dẫn thực hiện công ước MARPOL về ô nhiễm dầu từ tàu.
- Chính sách khuyến ngư vươn khơi.
- Chính sách thực thi Luật Thủy sản.
- Chính sách bảo vệ môi trường các đảo.
- Chính sách xuất nhập khẩu hải sản.
- Hướng dẫn về đền bù thiệt hại môi trường biển.
- Tiêu chuẩn môi trường cho vùng ven biển/biển.

2.2 Các vấn đề ưu tiên:

Từ nay đến 2010, công tác QLVB Vịnh Hạ Long cần tập trung vào các vấn đề ưu tiên sau:

- Tăng cường năng lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực xây dựng các chính sách QLTHVB; Đưa QLTHVB vào quy hoạch tổng thể thành phố Hạ Long đến năm 2010.
- Tăng cường hiệu lực của Luật Thủy sản, Luật Môi trường, Công ước về Di sản Thế giới cũng như các luật, chính sách quốc gia và công ước quốc tế khác mà Việt Nam tham gia và ký kết.
- Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình QLTHVB gắn với quản lý các lưu vực sông ven biển và các bãi triều.
- Xây dựng chính sách và chương trình thu phí ô nhiễm của Tỉnh.
- Ngăn ngừa và kiểm soát nguồn ô nhiễm lục địa.
- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng cứu sự cố tràn dầu.
- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch ngăn chặn và ứng cứu sự cố xói lở bờ biển.
- Xây dựng và triển khai kế hoạch bảo vệ ĐDSH biển.
- Lập bản đồ suy thoái, nhạy cảm đới bờ để xác định kế hoạch phục hồi môi trường và tài nguyên các hệ sinh thái đã bị suy thoái.
- Chuyển đổi cơ cấu kinh tế cho các cộng đồng ven biển (theo hướng khuyến khích vươn khơi).
- Nâng cao ý thức môi trường trong các cộng đồng dân cư và tổ chức quần chúng.

3. Đề xuất khung thể chế cho QLTHVB Vịnh Hạ Long:

3.1 Giải pháp:

Cơ cấu tổ chức đề xuất để thực thi QLTHVB Vịnh Hạ Long chú trọng bản chất đa ngành của công tác quản lý môi trường và sự tham gia của các cơ quan liên quan nhằm đảm bảo công tác bảo tồn và bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên, quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch môi trường, kiểm soát ô nhiễm, chất thải và các chức năng quản lý nhà nước về môi trường khác.

Cho tới năm 2010, giải pháp thích hợp nhất là vẫn giữ nguyên khuôn khổ quản lý hiện hành. Phần lớn các cơ quan trong cơ cấu tổ chức thể chế hiện nay sẽ tiếp tục đảm đương các trách nhiệm hiện nay của mình. Trong trường hợp cần thiết, có thể thành lập một số cơ quan/đơn vị mới để hỗ trợ các cơ quan cũ. Điều này có ưu điểm là dễ thực hiện và không cần phải thay đổi nhiều khuôn khổ thể chế hiện nay. Sự linh hoạt trong cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của các cơ quan sẽ tạo điều kiện trong việc xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan với nhau khi cần thiết. Tuy nhiên, sẽ khó có thể đạt được mức hợp tác và phối hợp cao cần có giữa các cơ quan trong cơ cấu thể chế đề xuất, do đó sẽ có thể dẫn đến tình trạng vẫn tồn tại cơ cấu ra quyết định manh mún, làm phân tán trách nhiệm QLVB giữa các cơ quan. Đồng thời, sẽ không có một cơ quan quản lý nào có quan điểm toàn diện về QLTHVB, cũng như sẽ không có cơ quan nào có đủ thẩm quyền đưa ra những quyết định giải quyết mâu thuẫn giữa các mục tiêu ưu tiên phát triển và mục tiêu bảo vệ, quản lý vùng bờ. Do vậy, để đảm bảo việc thực thi QLTHVB có hiệu quả sau năm 2010, cần phải thành lập một cơ quan có thẩm quyền QLTHVB duy nhất cho Tỉnh Quảng Ninh, trực thuộc Sở TN&MT theo đề xuất cụ thể ở phần dưới đây.

3.2 Thành lập cơ quan QLTHVB của Tỉnh Quảng Ninh

UBND tỉnh Quảng Ninh cần ra các quyết định hoặc hướng dẫn về việc thành lập cơ quan QLTHVB của tỉnh để làm cơ sở pháp lý. Cơ quan này sẽ do Giám đốc Sở TN&MT đứng đầu, chịu sự chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh. Chủ tịch UBND tỉnh sẽ bổ nhiệm các chức vụ phó của cơ quan này.

Cơ quan QLTHVB sẽ có chức năng và nhiệm vụ sau:

- Tham gia xây dựng chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược và chương trình QG về bảo vệ môi trường và sử dụng bền vững biển và đới bờ.
- Xây dựng kế hoạch hành động để thực hiện chính sách của tỉnh về bảo vệ môi trường và sử dụng bền vững bờ biển và đới bờ, và tổ chức thực hiện kế hoạch;
- Tổ chức quản lý và điều hành hoạt động quan trắc và phân tích môi trường tại các trạm quan trắc và phân tích môi trường biển và đới bờ.
- Tổ chức và phối hợp việc xây dựng, quản lý và thực hiện các dự án về QLTHĐB và bảo vệ môi trường biển trong địa phương.
- Tổ chức và phối hợp nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học, đào tạo và phổ biến kinh nghiệm trong bảo vệ môi trường biển và QLTHĐB của tỉnh.

**BÁO CÁO PHÂN TÍCH THỂ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN
QLTHVB VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM**

- Thực hiện và tham gia điều phối các hoạt động hợp tác quốc tế, các dự án hợp tác đa phương và song phương trong lĩnh vực QLTHĐB và bảo vệ môi trường biển của địa phương.

Trong cơ cấu của Sở TN&MT, cần phải chính thức thành lập và củng cố ba đơn vị mới là: Trạm Quan trắc môi trường, Trạm Kiểm soát ô nhiễm công nghiệp và Trạm Bảo vệ các bãi triều nhằm đáp ứng các nhiệm vụ mới liên quan đến QLTHVB. Nhân lực của các bộ phận mới này có thể được cắt cử từ những bộ phận cũ trong cơ cấu của Sở TN&MT. Trách nhiệm QLTHVB của các cơ quan này được tóm tắt trong Bảng 2.

Bảng 2: Đề xuất phân bổ trách nhiệm trong cơ quan QLTHVB Vịnh Hạ Long

Chức năng quản lý môi trường	Cơ quan hiện đang chịu TN chính	CQuan chịu TN trong cơ quan QLTHVB
Chính sách, chiến lược, lập kế hoạch và chỉ đạo	<ul style="list-style-type: none"> • Cục BVMT • UBND tỉnh Quảng Ninh 	Không thay đổi
Các tiêu chuẩn môi trường và tiêu chí bảo tồn	<ul style="list-style-type: none"> • Cục BVMT 	<i>UBND tỉnh Quảng Ninh, Sở TN&MT và B QL Vịnh Hạ Long</i>
Quan trắc môi trường và phân tích trong phòng thí nghiệm	<ul style="list-style-type: none"> • Cục BVMT • Trung tâm Quan trắc và Cảnh báo Môi trường • Phòng Quản lý Môi trường (Sở TN&MT) 	<i>Trạm Quan trắc Môi trường</i>
Tình hình báo cáo môi trường	<ul style="list-style-type: none"> • Phòng Quản lý Môi trường (Sở TN&MT) • Trung tâm Quan trắc và Cảnh báo Môi trường 	<i>Trạm Quan trắc Môi trường</i>
Nghiên cứu, phát triển QLTHVB	<ul style="list-style-type: none"> • Các Viện nghiên cứu quốc gia • Cục BVMT 	<i>Trạm Quan trắc Môi trường</i> Cục BVMT Các Viện nghiên cứu quốc gia
ĐTM	<ul style="list-style-type: none"> • Cục BVMT • Phòng Quản lý Môi trường (Sở TN&MT) • Trung tâm Quan trắc và Cảnh báo Môi trường 	Không thay đổi
Giải quyết khiếu nại, tranh chấp	<ul style="list-style-type: none"> • Phòng Thanh tra (Sở TN&MT) 	Không thay đổi
Thanh tra	<ul style="list-style-type: none"> • Phòng Thanh tra (Sở TN&MT) • Phòng thanh tra của các sở trực thuộc • Các cơ quan cấp quốc gia 	Không thay đổi
Giáo dục, đào tạo và ý thức môi trường và QLTHVB	<ul style="list-style-type: none"> • Phòng Quản lý Môi trường (Sở TN&MT) • Phòng Thông tin (Sở TN&MT) 	<ul style="list-style-type: none"> • Phòng QLý MTTrườn (Sở TN&MT) • Phòng Thông tin thuộc Sở TN&MT • Cục BVMT • <i>Trạm Quan trắc Môi trường</i>
Cấp phép	<ul style="list-style-type: none"> • Phòng cấp phép công nghiệp (Sở TN&MT) 	Không thay đổi
Kiểm soát ô nhiễm	<ul style="list-style-type: none"> • Các cơ sở công nghiệp • Cục BVMT • Các bộ ngành khác • Sở TN&MT 	<ul style="list-style-type: none"> • Các cơ sở công nghiệp • VINACOAL • <i>Trạm Kiểm soát ô nhiễm công nghiệp</i>
Giám sát và thu phí ô nhiễm	<ul style="list-style-type: none"> • Cục BVMT • Bộ tài chính 	<ul style="list-style-type: none"> • <i>Sở TN&MT</i> • <i>Sở Tài chính</i>
Quản lý chất thải rắn và độc hại	<ul style="list-style-type: none"> • Các công ty vệ sinh TP Hạ long và Cẩm Phả (chất thải rắn) • Cục BVMT (chất thải độc hại) • Sở TN&MT (chất thải độc hại) 	Không thay đổi
Quản lý khu vực cấm	<ul style="list-style-type: none"> • BQL Vịnh Hạ Long: Khu Di sản thế giới • Chi cục BVNLTS: các khu vực cấm đánh bắt và nuôi trồng thủy sản • Chi cục kiểm lâm (Sở NN&PTNT): khu vực vườn quốc gia 	Không thay đổi
Bảo vệ bãi triều, rừng ngập mặn	<ul style="list-style-type: none"> • Chi cục kiểm lâm (Sở NN&PTNT) 	Trạm Bảo vệ các bãi triều

Ghi chú: những trách nhiệm mới hoặc có thay đổi được đánh dấu bằng chữ in nghiêng đậm

Ngoài ra, Phòng Thanh tra của Sở TN&MT và các đơn vị thanh tra của các Sở trực thuộc ngành dọc cũng cần phải được tăng cường về năng lực chuyên môn cũng như vật chất,

đảm bảo thực hiện tốt công tác thanh tra môi trường và các hoạt động thanh tra liên quan đến QLTHVB.

3.3 Sự tham gia của các bên liên quan trong QLTHVB Vịnh Hạ Long:

QLTHVB Vịnh Hạ Long đòi hỏi sự tham gia của nhiều cơ quan, ban ngành khác nhau và để thực hiện thành công QLTHVB, cần có sự hợp tác các tổ chức, cá nhân có liên quan bao gồm chính quyền các cấp, các ngành, các cơ quan chính phủ và phi chính phủ, các tổ chức, chính quyền và nhân dân Tỉnh Quảng Ninh, đặc biệt là vùng ven bờ Vịnh Hạ Long. Các bên liên quan chủ yếu cụ thể là:

- Ngành khai thác than: có trách nhiệm phối hợp với các ngành liên quan của địa phương trong công tác quản lý hoạt động khai thác, vận chuyển than của địa phương.
- Các cơ sở công nghiệp hiện có và dự kiến: có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan chức năng của địa phương trong việc quản lý các hoạt động của cơ sở, bảo đảm thực hiện đúng các quy định của pháp luật, đặc biệt là các quy định về đổ thải và bảo vệ môi trường.
- Các khu công nghiệp dự kiến: có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan chức năng của địa phương trong việc quản lý các hoạt động của Khu công nghiệp, bảo đảm tuân thủ tốt pháp luật, đặc biệt là các quy định về bảo vệ môi trường và đổ thải.
- Cảng và công nghiệp đóng tàu: có trách nhiệm phối hợp với các ban ngành liên quan của địa phương trong quản lý nhà nước về các hoạt động cảng và đóng tàu của địa phương, đặc biệt là các hoạt động cảng trong khu vực Di sản Thế giới.
- Du lịch: có trách nhiệm phối hợp với các ban ngành khác của địa phương trong quản lý nhà nước về các hoạt động du lịch của địa phương, đặc biệt là các hoạt động du lịch trong khu vực Di sản Thế giới.
- Thủy sản: có trách nhiệm phối hợp với các ban ngành khác của địa phương trong quản lý nhà nước về các hoạt động thủy sản (bao gồm khai thác, nuôi trồng, chế biến, thương mại) của địa phương, đặc biệt là các hoạt động khai thác và nuôi trồng trong khu vực Di sản Thế giới.
- Nông nghiệp và phát triển nông thôn: có trách nhiệm phối hợp với các ban ngành liên quan khác của địa phương trong quản lý nhà nước về các hoạt động nông nghiệp, đặc biệt là công tác quản lý các bãi triều, rừng ngập mặn, các chính sách khai hoang lấn biển có ảnh hưởng đến khu vực Di sản Thế giới.
- Xây dựng: có trách nhiệm phối hợp với các ban ngành chức năng liên quan trong việc quản lý nhà nước về các hoạt động xây dựng của địa phương, đặc biệt là các hoạt động xây dựng có ảnh hưởng đến Di sản Thế giới.
- Chính quyền các cấp: có nhiệm vụ hỗ trợ và phối hợp với các cơ quan, ban ngành chức năng trong việc bảo vệ, quản lý di sản, tuyên truyền, vận động, giáo dục việc bảo vệ và giữ gìn Di sản.
- Các cơ quan nghiên cứu khoa học: có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, ban ngành chức năng trong việc cung cấp các dịch vụ tư vấn và kỹ thuật trong quá trình

nghiên cứu, đào tạo (chính quy và phi chính quy) và ứng dụng quy hoạch, phát triển và quản lý vùng bờ cho địa phương.

- Các cộng đồng dân cư ven biển: có vai trò tích cực trong việc tham gia thực hiện các hoạt động bảo tồn, bảo vệ, quản lý và phát huy các giá trị Di sản, đặc biệt là việc tham gia trong quá trình quy hoạch và ra quyết định quản lý.
- Các tổ chức quần chúng: có vai trò to lớn trong việc lãnh đạo các hội viên và đưa ra phương hướng cho các hoạt động của hội viên, góp phần bảo vệ, bảo tồn, quản lý và phát huy giá trị của Di sản.
- Các tổ chức phi chính phủ: có vai trò là cầu nối, liên kết các thành phần tham gia với nhau, đồng thời cung cấp đầu vào về kỹ thuật, tư vấn và các dịch vụ liên quan cho hoạt động bảo tồn, bảo vệ và quản lý Di sản.

Tất cả các thành phần này sẽ phải chung sức để đạt được các mục tiêu của QLTHVB.

4. Các cam kết cho việc thực hiện đề xuất thể chế chính sách liên quan đến QLTHVB Vịnh Hạ Long

Việc thực thi QLTHVB sẽ đòi hỏi sự cam kết và quyết tâm ở cả cấp quốc gia và cấp tỉnh nhằm đảm bảo thành công cho hoạt động QLTHVB Vịnh Hạ Long. Nếu các cam kết này không được thực hiện thì QLTHVB Vịnh Hạ Long sẽ gặp nhiều khó khăn, và có thể sẽ không thành công. Các cam kết cụ thể bao gồm:

- Thiết lập và thi hành hệ thống thu phí cấp trung ương do Bộ TN&MT và Bộ Tài chính ban hành.
- Phê duyệt của các cơ quan trung ương về nội dung các chương trình liên quan đến QLTHVB được đề xuất và ngân sách nhà nước để thực thi các chương trình đó.
- Phê duyệt của Bộ KH&ĐT đối với các chương trình viện trợ phát triển chính thức (ODA) của các tổ chức tài trợ quốc tế.
- Hỗ trợ của Bộ TN&MT về thiết bị và đào tạo trong các hoạt động quan trắc môi trường trên phạm vi cả nước cũng như trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.
- Thành lập cơ quan QLTHVB theo chỉ thị/ hướng dẫn của UBND tỉnh Quảng Ninh.
- Thành lập và củng cố (cả về nhân sự và ngân sách) cho các cơ quan sẽ được thành lập nhằm hỗ trợ các hoạt động QLTHVB (như Trạm Quan trắc Môi trường, Trạm Kiểm soát ô nhiễm công nghiệp và Trạm Bảo vệ các bãi triều).
- Tăng cường năng lực cho Phòng Thanh tra của Sở TN&MT và các đơn vị thanh tra thuộc các Sở liên quan khác.
- Các quy định về sử dụng đất ở các bãi triều do UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành.
- Nâng cao ý thức môi trường trong các cộng đồng dân cư và tổ chức quần chúng.
- Thực thi các chương trình tài nguyên thiên nhiên của Tỉnh Quảng Ninh để bảo vệ các nguồn sinh thái ven bờ Vịnh Hạ Long.

5. Sự tham gia của các bên liên quan và tuyên truyền thông tin về môi trường

Các cơ quan chủ chốt cần tiến hành công tác nâng cao nhận thức môi trường của người dân để:

- Nâng cao nhận thức của Đảng và chính quyền các cấp ở Quảng Ninh về yêu cầu bảo vệ môi trường nói riêng và QLTHVB nói chung.
- Đưa nhận thức về QLTHVB vào các hoạt động kinh tế - xã hội và những hoạt động khác nhằm đặt nền móng cho phát triển bền vững trong quá trình công nghiệp hoá và đô thị hoá vùng ven bờ Vịnh Hạ Long
- Tuyên truyền thông tin về môi trường và bảo vệ môi trường ven biển cho cộng đồng để nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và đưa giáo dục môi trường vào trường học

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chương trình Nghị sự 21
2. Công ước Luật biển Quốc tế
3. Công ước về ĐDSH
4. Công ước Đất ngập nước
5. Công ước về ngăn chặn ô nhiễm từ dầu
6. Công ước MARPOL
7. Công ước về Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới
8. Các Luật/Bộ luật của nước CHXHCN Việt Nam
9. Báo cáo hiện trạng môi trường Việt Nam từ năm 1994 - 2003.
10. Báo cáo hiện trạng môi trường ngành thủy sản 2001, 2002
11. Viet Nam Environment Monitor 2002, 2003
12. Kế hoạch hành động ĐDSH quốc gia (1995)
13. Nghiên cứu sử dụng hợp lý các bãi triều lầy ven biển Bắc Việt Nam (48B-05-02, 1986 - 1990)
14. Nghiên cứu sử dụng hợp lý các hệ sinh thái tiêu biểu ven bờ Việt Nam (KT03-11, 1991 - 1995)
15. Nghiên cứu phương án QLTHVB biển Việt Nam nhằm bảo đảm an toàn sinh thái và phát triển bền vững (KHHCN06-07, 1996-2000)
16. Các báo cáo của hoạt động QT&PT môi trường ngành thủy sản từ 2000-2002.
17. Đánh giá tác động qua lại của môi trường đối với nghề nuôi thủy sản (1997-1998)
18. Đánh giá mức độ ô nhiễm vùng ven biển do sông thải ra (1992-1995)
19. Chiến lược bảo vệ đất ngập nước quốc gia (dự thảo 2003)
20. Nghị định bảo tồn và quản lý đất ngập nước (2003)
21. Chương trình quốc gia về nâng cao nhận thức ĐDSH giai đoạn 2001 - 2010
22. Đánh giá tác động môi trường của các dự án nuôi trồng thủy sản ven biển (Đề tài cấp ngành)
23. Bộ tài liệu Hướng dẫn lồng ghép môi trường trong quy hoạch vùng (sản phẩm của Dự án VIE 97-007) về lồng ghép môi trường vào đầu tư phát triển, 2001
24. Sách hướng dẫn về quản lý vùng ven biển (Clark J. 1995, trên 500 trang)
25. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế biển đến năm 2010
26. Environmental Guidelines for selected agricultural and natural resources development projects (ADB, 1991)
27. Environmental evaluation of coastal zone projects: Methods and Approaches (ADB, 1991)
28. Report of assistance on selection of site, design, construction and management of the Malaysia brackishwater aquaculture demonstration project (1980)
29. A Framework for planning for ICZM (B. Bower & others, 1994)
30. Sustainable Development in the United States: An Experimental Set of Indicators (1998)
31. Chiến lược Bảo vệ môi trường ngành thủy sản đến 2010 và kế hoạch đến 2005 (dự thảo)
32. Báo cáo tổng quan về thể chế và chính sách bảo vệ môi trường và nguồn lợi hải sản ở vùng biển và ven bờ Việt Nam; Viện Kinh tế & Quy hoạch Thủy sản, 8/2002

33. Quản lý tổng hợp đới bờ - kinh nghiệm thực tế ở Việt Nam - Báo cáo dự án; Cục Bảo vệ Môi trường, Bộ Tài nguyên & Môi trường, 2003
34. Khuôn khổ quy hoạch QLTHVB, Blair T. Bowers, Charles N. Ehler và Daniel J. Basta, 1994. NOS/NOAA, Maryland.
35. Coastal Management in Asia - Pacific Region: Issues and Approaches, K. Hotta và đồng nghiệp, 1995, Tokyo, Japan.
36. Coastal Zone Management Handbook, J. R. Clark, 1996, CRC Press, Boca Raton
37. Cơ sở phương pháp luận QLTHVB Việt Nam; Nguyễn Chu Hồi, 1996
38. Nghiên cứu xây dựng các phương án QLTHVB Việt Nam – Báo cáo đề tài KHCN 06 – 07; Nguyễn Chu Hồi và nhóm nghiên cứu, 2000
39. Tổng quan môi trường vùng bờ Cát Bà - Hạ Long. Báo cáo đề tài KHCN 06 – 07; Nguyễn Chu Hồi và nhóm nghiên cứu, 1999
40. Kết quả khảo sát phục vụ xây dựng kế hoạch quản lý môi trường vùng Vịnh Hạ Long và lân cận – Báo cáo đề tài hợp tác với JICA, Nguyễn Chu Hồi và nhóm nghiên cứu, 1998
41. Cẩm nang đào tạo về QLTHVB cho Việt Nam; Tài liệu tập huấn dự án với Trung tâm Nghệ cá Thế giới, 2003
42. Cơ sở Tài nguyên và Môi trường biển. NXB ĐHQG Hà Nội (giáo trình đang in)
43. Các báo cáo chuyên đề và kỹ yếu hội thảo; Dự án NOAA/IUCN/MoFi, 2003 – 2004
44. Các báo cáo giám sát môi trường do đánh phá mỏ phá đá cảng Cái Lân; Cục Môi trường, 2002
45. Conserving our Coastal Environment, Zafar Adeel and Caroline King, UN University, 2002
46. Các tư liệu quan trắc môi trường hàng năm ở vùng Cửa Lục, Phân viện Hải dương học Hải Phòng; 1995 – 2003
47. Xây dựng kế hoạch quản lý môi trường vùng Vịnh Hạ Long. Tập báo cáo kết quả khảo sát và nghiên cứu; UBND tỉnh Quảng Ninh/JICA, 1998
48. Các báo cáo và bản đồ quy hoạch phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Quảng Ninh và các ngành trong tỉnh đến năm 2010; UBND tỉnh Quảng Ninh, 2001
49. Các báo cáo chuyên đề của dự án và kỹ yếu hội thảo về Nhu cầu QLTHVB của Việt Nam; NOAA/IUCN/MoFi, 2002 – 2003
50. Các báo cáo của dự án vùng Hạ Long - Cát Bà; FFI, 2002 - 2003

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: BẢN ĐỒ VÙNG NGHIÊN CỨU



Phụ lục 1: Bản đồ vùng nghiên cứu

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI THAM GIA

1.	PGS.TS Nguyễn Chu Hồi Viện phó Viện Kinh tế và Quy hoạch Thủy sản - Bộ Thủy sản 10 Nguyễn Công Hoan, Hà Nội ĐT thoại: (84 - 4) 771 8451 Fax: (84 - 4) 771 6054, (84 - 4) 8345674 Mobile: 0903436841 Email: chuhoi.ifep@mofi.gov.vn , nchoi52@yahoo.com .	11	Nguyễn Thái Thu Nga Khoa Môi trường, ĐH KHTN Hà Nội 334 Nguyễn Trãi Tel: (84 - 4) 7569134 Fax: (84 - 4) 7569134 Mobile: 0913037043 Email: iet2@iet.ncst.ac.vn
2	PGS. TS. Nguyễn Đình Hoè Khoa Môi trường, ĐH KHTN Hà Nội 334 Nguyễn Trãi Tel: (84 - 4) 8584995 Fax: (84 - 4) 5582872 Mobile: 0913502602 Email: nguyendinhhoe2003@yahoo.com	12	Đinh Thị Thùy Dung Sở Tư Pháp Quảng Ninh Phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long Tel: (84 - 33) 834317 Fax: (84 - 33) 835226 Mobile: 0912182374
3.	Bùi Thị Thu Hiền Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên QTẾ (IUCN) 13 Trần Hưng Đạo, Hà Nội ĐT thoại: (84 - 4) 933 0012 Fax: (84 - 4) 8258794 Mobile: 0903217960 Email: hien@iucn.org.vn	13	Lê Hồng Giang Sở Kế hoạch và Đầu tư - Tỉnh Quảng Ninh Phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long Tel: (84 - 33) 835693 Fax: (84 - 33) 838071 Mobile: 0913262024 Email: giangdpi@hotmail.com
4.	Nguyễn Quý Dương Viện Kinh tế và Quy hoạch Thủy sản - Bộ Thủy sản 10 Nguyễn Công Hoan, Hà Nội ĐT thoại: (84 - 4) 771 5066 Fax: (84 - 4) 771 6054, (84 - 4) 8345674 Email: nguyenquyduong.ifep@mofi.gov.vn	14	Lê Lâm Tuấn Ban quản lý Vịnh Hạ Long 166 Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long Tel: (84 - 33) 625146 Fax: (84 - 33) 8210307 Mobile: 0912401510 Email: BTSThalong@hn.vnn.vn
5.	Trần Thị Quỳnh Anh Viện Kinh tế và Quy hoạch Thủy sản - Bộ Thủy sản 10 Nguyễn Công Hoan, Hà Nội ĐT thoại: (84 - 4) 771 9883 Fax: (84 - 4) 771 6054, (84 - 4) 8345674 Mobile: 0903232424 Email: tranquynhanh.ifep@mofi.gov.vn	15	Lê Doãn Dũng Viện Nghiên cứu Hải sản Hải Phòng 170 Lê Lai, Hải Phòng ĐT thoại: (84 - 31) 767277 Fax: (84 - 31) 826388 Mobile: 0912562131 Email: lqdung19762000@yahoo.com
6.	Đàm Thanh Xuân Vụ Pháp chế - Bộ Thủy sản 10 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội ĐT thoại: (84 - 4) 771 6714 Fax: (84 - 4) 771 6246 Email: damthanhxuan@MOFI.gov.vn	16	Bùi Thị Yến Sở NN&PNT Quảng Ninh Phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long Tel: (84 - 33) 835094 Fax: (84 - 33) 835074 Mobile: 0913268758
7.	Lê Thiết Bình Cục KThác & BVệ Nguồn lợi Thủy sản - Bộ Thủy sản ĐT thoại: (84 - 4) 771 8293 Fax: (84 - 4) Mobile: 0913096753 Email: binhkhoea@hn.vnn.vn	17	Nguyễn Thị Vân Sở Du lịch Quảng Ninh 166 Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long Tel: (84 - 33) 628862 Fax: (84 - 33) 845027 Email: pham_dieu_anh@yahoo.com
8.	Hồ Thu Minh Viện Kinh tế và Quy hoạch Thủy sản - Bộ Thủy sản 10 Nguyễn Công Hoan, Hà Nội ĐT thoại: (84 - 4) 771 9883 Fax: (84 - 4) 771 6054, (84 - 4) 8345674 Email: hothuminh@yahoo.com , hothuminh.ifep@mofi.gov.vn	18	Đỗ Mạnh Hùng Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Ninh Phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long Tel: (84 - 33) 835083 Fax: (84 - 33) 838071 Mobile: 0912401510
9	Lã Hồng Sơn Bộ Chỉ huy Biên phòng Quảng Ninh Phường Hà Tu - thành phố Hạ Long Mobile: 0913264485	19	Đoàn Hải Lý Sở KHCN Quảng Ninh Phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long Tel: (84 - 33) 835932
10	Nguyễn Xuân Trinh Viện Kinh tế và Quy hoạch Thủy sản - Bộ Thủy sản 10 Nguyễn Công Hoan, Hà Nội ĐT thoại: (84 - 4) 771 9883 Fax: (84 - 4) 771 6054, (84 - 4) 8345674 Mobile: 0913000994 Email: nguyensexuantrinh.ifep@mofi.gov.vn	20	Vũ Nam Phong Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ninh Phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long Tel: (84 - 33) 839758 Mobile: 0953392910

PHỤ LỤC 3: CHÍNH SÁCH VÀ VĂN BẢN PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN QLTHVB VỊNH HẠ LONG

TT	Cơ quan ban hành	Ngày tháng năm	Tên văn bản	Mô tả nội dung chính	Mức độ Thực hiện	Đối tượng	Tổ chức thực hiện	Hạn chế
1.	LHQ	1966	Công ước LL66	công ước quốc tế về mạn khô tàu biển (LL66)	Toàn cầu	Các quốc gia tham gia và ký kết	Các quốc gia tham gia và ký kết	
2.	LHQ	1971	Công ước RAMSAR	Công ước về Đất ngập nước (RAMSAR) <i>Nội dung của nó đề cập đến các vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế đặc biệt như là nơi cư trú của các loài chim nước. Nội dung của công ước đề cập đến những điểm chủ yếu liên quan đến công tác bảo tồn ĐDSH các vùng đất ngập nước trên thế giới</i>	Toàn cầu	Các quốc gia tham gia và ký kết	Các quốc gia tham gia và ký kết	
3.	LHQ	1972	Công ước COLREG	công ước quy tắc quốc tế về phòng ngừa và va chạm tàu thuyền trên biển (COLREG 72)...	Toàn cầu	Các quốc gia tham gia và ký kết	Các quốc gia tham gia và ký kết	
4.	LHQ	1972	Công ước về đồ thải	Công ước Luân Đôn về đồ thải (1972)	Toàn cầu	Các quốc gia tham gia và ký kết	Các quốc gia tham gia và ký kết	
5.	LHQ	1974	Công ước SOLAR	công ước quốc tế về an toàn sinh mạng cho con người trên biển (SOLAR 74).	Toàn cầu	Các quốc gia tham gia và ký kết	Các quốc gia tham gia và ký kết	
6.	LHQ	1977	Công ước Quốc tế về Di sản văn hóa	Công ước Quốc tế về Di sản văn hóa	Toàn cầu	Các quốc gia tham gia và ký kết	Các quốc gia tham gia và ký kết	
7.				Thỏa thuận về thiết lập Ủy ban Nghề cá Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương	Các quốc gia vùng Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương	Các hoạt động nghề cá tại khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương	Chính phủ các quốc gia vùng Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương Theo dõi thực thi: Bộ Thủy sản	
8.	LHQ	01/11/1974	IMO-SOLAS	Công ước về cứu hộ trên biển, Công ước Luân Đôn (IMO-SOLAS)	Toàn cầu		Theo dõi thực hiện: Cục Đăng kiểm Việt Nam thuộc Bộ GTVT	
9.	LHQ	1982	Công ước UNCLOS	Công ước LHQ về Luật biển (UNCLOS) <i>Nội dung Công ước gồm 17 phần, 320 điều và 9 phụ lục, 4 nghị quyết. Về cơ bản, Công ước dành quyền bảo đảm thi hành pháp luật về chống ô nhiễm, bảo vệ môi trường biển cho quốc gia ven biển, quốc gia có cảng và quốc gia mà tàu mang cờ. Nó công nhận các quốc gia ven biển có một loạt quyền bảo vệ</i>	Toàn cầu	Các quốc gia tham gia và ký kết	Các quốc gia tham gia và ký kết	

BÁO CÁO PHÂN TÍCH THỂ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN QLTHVB VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM

=====

TT	Cơ quan ban hành	Ngày tháng năm	Tên văn bản	Mô tả nội dung chính	Mức độ Thực hiện	Đối tượng	Tổ chức thực hiện	Hạn chế
				<i>vùng đặc quyền kinh tế, trong đó có một số quyền liên quan đến bảo vệ môi trường và QLTHVB</i>				
10.	LHQ	1983	Công ước MARPOL	Công ước về ngăn ngừa ô nhiễm biển từ dầu (MARPOL) <i>Nội dung Công ước (và các Nghị định thư, các phụ lục của Công ước) bao gồm các điều khoản quy định về nghĩa vụ của các quốc gia thành viên và các quy định pháp lý khác. Công ước dành cho các quốc gia thành viên những quyền lớn hơn việc kiểm soát các tàu nước ngoài. Nó cho phép các quốc gia có cảng được kiểm tra tàu nước ngoài mang cờ của các quốc gia thành viên khác trong trường hợp có cơ sở để nghi ngờ rằng tàu đó đã thải bất hợp pháp ngoài các vùng biển thuộc tài phán của các quốc gia khác.</i>	Toàn cầu	Các quốc gia tham gia và ký kết	Các quốc gia tham gia và ký kết	
11.		02/02/1989		Thỏa thuận về mạng lưới các trung tâm thủy sản lớn ở Châu Á - Thái Bình Dương.	Toàn cầu	Các quốc gia tham gia và ký kết	Bộ Thủy sản	
12.		10/11/1990	Công ước LOAD LINES	Công ước về mạn khô tàu thuyền (LOAD LINES) 1966	Toàn cầu	Các quốc gia tham gia và ký kết	Cục Đăng kiểm Việt Nam thuộc Bộ GTVT	
13.		10/11/1990	Công ước TONNAGE	Công ước về đo dung tích tàu biển (TONNAGE) 1969	Toàn cầu	Các quốc gia tham gia và ký kết	Cục Đăng kiểm Việt Nam thuộc Bộ GTVT	
14.		18/12/1990	Công ước MARPOL	Công ước về các quy tắc quốc tế phòng tránh đâm va trên biển COLREG 1972 (MARPOL 73/78)	Toàn cầu	Các quốc gia tham gia và ký kết	Cục Hàng hải Việt Nam thuộc Bộ GTVT, Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu hộ	
15.	LHQ	1992	Chương trình Nghị sự 21	Chương trình Nghị sự 21: <i>Nội dung: Chương 17 đề cập đến các vấn đề liên quan đến bảo vệ biển và đại dương, các vùng bờ, bảo vệ, sử dụng hợp lý và phát triển nguồn tài nguyên sinh vật biển, bao gồm các lĩnh vực:</i> - <i>QLTH và phát triển bền vững các vùng bờ biển, gồm cả các vùng đặc quyền kinh tế</i> - <i>Bảo vệ môi trường biển</i> - <i>Sử dụng lâu bền và bảo tồn các tài nguyên sinh vật biển ở các vùng biển khơi.</i>	Toàn cầu	Các quốc gia tham gia và ký kết	Các quốc gia tham gia và ký kết	

BÁO CÁO PHÂN TÍCH THỂ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN QLTHVB VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM

=====

TT	Cơ quan ban hành	Ngày tháng năm	Tên văn bản	Mô tả nội dung chính	Mức độ Thực hiện	Đối tượng	Tổ chức thực hiện	Hạn chế
				<p><i>Sử dụng lâu bền và bảo tồn các tài nguyên sinh vật biển thuộc quyền tài phán quốc gia</i></p> <p><i>Tăng cường hợp tác và điều phối quốc tế và khu vực</i></p> <p><i>Phát triển bền vững các đảo nhỏ</i></p>				
16.	LHQ	31/12/1993	Công ước CITES	Công ước về buôn bán quốc tế các giống loài động thực vật hoang dại có nguy cơ diệt chủng CITES 1973	Toàn cầu	Các quốc gia tham gia và ký kết	Bộ NN&PTNT, Viện Nghiên cứu Sinh thái và Sinh học thuộc Bộ TN&MT	
17.	LHQ	1995	Công ước BASEL	Công ước về kiểm soát, vận chuyển các chất thải độc hại xuyên biên giới (BASEL)	Toàn cầu	Các quốc gia tham gia và ký kết	Các quốc gia tham gia và ký kết	
18.	LHQ	1995	Công ước về ĐDSH	Công ước về ĐDSH Đưa ra định nghĩa tương đối hoàn chỉnh về ĐDSH, đồng thời cũng quy định một số nguyên tắc lớn về bảo vệ ĐDSH: Các quốc gia, theo Hiến chương LHQ và các nguyên tắc luật pháp quốc tế, có toàn quyền khai thác tài nguyên của họ theo các chính sách của mình và có trách nhiệm bảo đảm rằng các hoạt động trong phạm vi thẩm quyền hay kiểm soát của họ không làm phương hại đến môi trường của các quốc gia khác hoặc các khu vực không thuộc thẩm quyền quốc gia. Quy định nghĩa vụ của các thành viên Công ước về ĐDSH	Toàn cầu	Các quốc gia tham gia và ký kết	Các quốc gia tham gia và ký kết	
19.		08/4/1995		Hiệp định thành lập Trung tâm phát triển Nghề cá Đông Nam Á - Băng Cốc ngày 28/12/1967	Các quốc gia Đông Nam á	Các quốc gia tham gia và ký kết	Bộ Thủy sản	
20.		26/10/1998		Nghị định thư Tổ chức kiểm tra nhà nước tại cảng biển của các nước trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương Tokyo – MOU 1993	các nước trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương	Các quốc gia tham gia và ký kết	Bộ Giao thông vận tải	
21.	Chính phủ VN – Trung Quốc	25/12/2000	Hiệp định Phân định Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định Nghề cá Việt Nam - Trung Quốc	Hiệp định Phân định Vịnh Bắc Bộ là cơ sở pháp lý để Việt Nam và Trung Quốc giải quyết những tranh chấp trên Biển Đông, xác định rõ và tạo ra được một khuôn khổ pháp lý quốc tế rõ ràng, thuận lợi cho việc mỗi nước tiến hành bảo vệ, quản lý, sử dụng, khai thác,	Vùng Vịnh Bắc bộ, đặc biệt là biên giới trên biển giữa Việt Nam – Trung Quốc	Công tác quản lý, bảo vệ chủ quyền cũng như khai thác tiềm năng của biển.	Chính phủ VN – Trung Quốc	Tuy vậy việc thực hiện Hiệp định phân định Vịnh Bắc bộ và Hiệp định hợp tác nghề cá sẽ nảy sinh những vấn đề mới

BÁO CÁO PHÂN TÍCH THỂ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN QLTHVB VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM

=====

TT	Cơ quan ban hành	Ngày tháng năm	Tên văn bản	Mô tả nội dung chính	Mức độ Thực hiện	Đối tượng	Tổ chức thực hiện	Hạn chế
				phát triển kinh tế ở các vùng bờ và thêm lục địa của mình duy trì ổn định trong Vịnh tăng cường sự tin cậy trong quan hệ hợp tác giữa hai nước				đáng quan tâm
22.	Chính phủ	12/5/1977	Tuyên bố 1977	Tuyên bố của chính phủ Việt Nam về lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thêm lục địa của VN. <i>Quy định Lãnh hải 12 Hải lý; vùng tiếp giáp lãnh hải 24 hải lý; vùng ĐQKT rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở (đường để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam) và thêm lục địa.</i>	Toàn cầu	Các quốc gia tham gia và ký kết	Chính phủ Việt Nam	
23.	Chính phủ	12/11/1982	Tuyên bố 1982	Tuyên bố của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam về đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải VN. <i>Đường cơ sở gồm các đoạn thẳng nối liền các mũi đất nhô xa nhất, các đảo và các đảo xa nhất trong một cụm đảo tại điểm có thủy triều thấp nhất (0m hải đồ)</i>	Toàn cầu	Các quốc gia tham gia và ký kết	Chính phủ Việt Nam	
24.	Chính phủ	11/02/1986 HDBT	Quyết định số 13/HDBT	Về tăng cường bảo vệ chủ quyền và an ninh các vùng biển và thêm lục địa của Việt Nam. <i>Để bảo vệ và thực hiện chủ quyền, an ninh của Nhà nước CHXHCN Việt Nam, Chính phủ giao cho các lực lượng vũ trang tiến hành hoạt động tuần tra kiểm soát duy trì pháp luật bảo vệ lợi ích quốc gia trên biển.</i>	Phạm vi lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế.	Cá nhân, tổ chức hoạt động trên vùng biển của ta.	Các ngành Công an, Quân đội, GTVT, Thủy sản và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW có biển phải triển khai, phối hợp thực hiện quyết định.	Trang thiết bị của ta còn thiếu, cũ, lạc hậu, biển thì rộng rất khó khăn cho công tác kiểm tra, kiểm soát của các lực lượng.
25.	Quốc hội	1992, 2001	Hiến pháp		Toàn quốc			
26.	Quốc hội	2001	Luật Di sản VH	Luật quy định về các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản Văn hoá; xác định quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối di sản văn hoá của Việt Nam	Toàn quốc	Tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam	Chính phủ, Bộ VH, TT, Bộ, cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các cấp	Chưa điều chỉnh đến di sản thiên nhiên thế giới
27.	Quốc hội	27/12/1993	Luật Bảo vệ Môi trường	Quy định về việc bảo vệ Môi trường	Toàn quốc	Tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam phải có trách nhiệm BVMT	Chính phủ, Bộ KH, CN & MT, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các cấp, các Sở KH, CN & MT	Chỉ hạn chế trong việc BVMT. Các quy định chưa cụ thể và chưa rõ ràng, tính khả thi chưa cao
28.	Quốc hội	2000	Luật Hình sự	Chương các tội phạm về môi trường - Điều 183. Tội gây ô nhiễm nguồn nước.	Toàn quốc	Người có hành vi vi phạm pháp luật hình sự		Chưa có chế tài xử phạt đối những hành vi gây ô

BÁO CÁO PHÂN TÍCH THỂ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN QLTHVB VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM

=====

TT	Cơ quan ban hành	Ngày tháng năm	Tên văn bản	Mô tả nội dung chính	Mức độ Thực hiện	Đối tượng	Tổ chức thực hiện	Hạn chế
				<ul style="list-style-type: none"> Điều 188: Tội huỷ hoại nguồn lợi thủy sản; Điều 191: Tội vi phạm chế độ bảo vệ đặc biệt đối với khu bảo tồn thiên nhiên. 				nhằm môi trường
29.	Quốc hội	30/6/1990	Bộ Luật Hàng hải Việt Nam	Quy định đảm bảo đi biển an toàn và ngăn ngừa ô nhiễm biển; khi hoạt động tại vùng biển của Việt Nam, các tàu thuyền phải chấp hành đầy đủ các qui định về bảo vệ môi trường của Việt Nam và các điều ước Quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc công nhận	Toàn quốc	Cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài	Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành; Bộ GTVT phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW thực hiện quản Nhà nước về Hàng hải	
30.	Quốc hội	06/7/1993	Luật Dầu khí	Quy định chi tiết thi hành Luật Dầu khí được Quốc hội nước CHXHCN Việt nam khoá IX thông qua ngày 6/7/1993 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Dầu khí được Quốc hội nước CHXHCN Việt nam khoá X thông qua ngày 9/6/2000	Trong đất liền, hải đảo, nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thêm lục địa của nước CHXHCN Việt Nam.	Các hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ, khai thác dầu khí, kể cả xử lý, thu gom, tàng trữ, vận chuyển dầu khí trong khu vực khai thác cho tới điểm giao nhận và các hoạt động dịch vụ dầu khí	Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Các cơ quan quản lý Nhà nước trong phạm vi chức năng quyền hạn của mình có trách nhiệm thi hành.	
31.	Quốc hội	01/09/1996	Luật khoáng sản	Quy định về các hoạt động quản lý, bảo vệ, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và hoạt động khoáng sản, bao gồm: Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản ở thể rắn, khí, nước khoáng và nước nóng thiên nhiên.	Trong phạm vi đất liền, hải đảo, nội thủy, vùng đặc quyền kinh tế và thêm lục địa thuộc Nước CHXHCN VN.	Các tổ chức, cá nhân Việt nam và nước ngoài tham gia hoạt động khoáng sản.	Bộ Công nghiệp phối hợp cùng các Bộ, ngành và UBND các địa phương trong phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ tổ chức thực hiện quản lý Nhà nước về đầu tư nước ngoài.	
32.	Quốc hội	12/11/1996	Luật Đầu tư nước ngoài	Quy định về các hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt nam.	Toàn quốc	Các tổ chức kinh tế, cá nhân nước ngoài đầu tư vào Việt nam	Bộ KH&ĐT phối hợp cùng các Bộ, ngành và UBND các địa phương trong phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ tổ chức thực hiện quản lý Nhà nước về đầu tư nước ngoài.	
33.	Quốc hội	20/5/1998	Luật tài nguyên nước	Quy định việc quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước. Phòng, chống và khắc phục hậu quả, tác hại do nước gây ra.	Các nguồn nước mặt, nước mưa, nước dưới đất, nước biển thuộc lãnh thổ nước CHXHCN Việt Nam	Cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, chính trị, đơn vị vũ trang và mọi cá nhân	Bộ NN&PTNT chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành, UBND các địa phương, tổ chức thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về tài nguyên nước	

BÁO CÁO PHÂN TÍCH THỂ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN QLTHVB VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM

TT	Cơ quan ban hành	Ngày tháng năm	Tên văn bản	Mô tả nội dung chính	Mức độ Thực hiện	Đối tượng	Tổ chức thực hiện	Hạn chế
34.	Quốc hội	06/9/2000	Luật bổ sung Luật Dầu khí	Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật dầu khí năm 1993	Trong đất liền, hải đảo, nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của Nước CHXHCN Việt Nam.	Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động dầu khí trên lãnh thổ Việt Nam	Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Các cơ quan quản lý Nhà nước trong phạm vi chức năng quyền hạn của mình.	
35.	Quốc hội	09/6/2000	Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đầu tư nước ngoài	Bổ sung, sửa đổi một số quy định của Luật Đầu tư nước ngoài năm 1993	Toàn quốc	Các tổ chức kinh tế, cá nhân nước ngoài đầu tư vào Việt Nam.	Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Bộ KH&ĐT phối hợp cùng các Bộ, ngành và UBND các địa phương tổ chức thực hiện	
36.	Quốc hội	2001	Luật số 25/2001/QH10	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai : Quy định đối tượng sử dụng, mục đích sử dụng cho từng loại đất	Toàn quốc	Cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài	Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Bộ TN&MT phối hợp với UBND các địa phương và các Bộ, Ngành triển khai thực hiện	Không đề cập đến mặt biển
37.	Quốc hội	26/11/2003	Luật Thủy sản	Luật quy định về hoạt động thủy sản: bao gồm các hoạt động: Khai thác, nuôi trồng, vận chuyển thủy sản khai thác; bảo quản, chế biến, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu thủy sản....	Toàn quốc	Tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài trên đất liền, hải đảo, vùng nội thủy, lãnh hải, vùng EEZ và thềm lục địa của nước CHXHCN Việt Nam	Chính phủ; Bộ Thủy sản; Bộ TN&MT; Bộ NN&PTNT; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW	
38.	Quốc hội	17/6/2003	Luật Biên giới quốc gia	gồm 6 chương, 41 điều; Quy định về Biên giới Quốc gia; chế độ pháp lý về Biên giới quốc gia; xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới Quốc gia và khu vực Biên giới	Toàn quốc	Cơ quan, Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm chấp hành các quy định của Luật Biên giới quốc gia	Chính phủ, các Bộ Quốc phòng; Ngoại giao, Công an, Các cơ quan ngang Bộ, UBND các cấp có Biên giới quốc gia	Chưa có nghị định, thông tư hướng dẫn
39.	Quốc Hội	26/11/2003	Luật Đất đai	Quy định về quản lý và sử dụng đất đai; quyền hạn và trách nhiệm của Nhà nước đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai và thống nhất quản lý Nhà nước về đất đai, chế độ sử dụng và quản lý đất đai, quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất	Toàn quốc	Cơ quan Nhà nước thực hiện quyền hạn và trách nhiệm đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai, thực hiện nhiệm vụ thống nhất quản lý nhà nước về đất đai. Người sử dụng đất; Đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý và sử dụng đất	Chính phủ, Bộ Nội vụ, Bộ TN&MT, UBND các cấp	
40.	Quốc hội	04/4/1984	Pháp lệnh Bảo vệ và sử dụng di tích	Nhà nước thống nhất quản lý các di tích lịch sử văn hoá và danh lam thắng cảnh	Toàn quốc	Cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài	Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi	

BÁO CÁO PHÂN TÍCH THỂ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN QLTHVB VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM

=====

TT	Cơ quan ban hành	Ngày tháng năm	Tên văn bản	Mô tả nội dung chính	Mức độ Thực hiện	Đối tượng	Tổ chức thực hiện	Hạn chế
			lịch sử - văn hoá và danh lam thắng cảnh	để sử dụng vào việc giáo dục truyền thống của nhân dân Việt Nam, phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, nghệ thuật và tham quan du lịch			hành; Bộ VHHT và các cơ quan văn hoá giúp Chính phủ và UBND các địa phương bảo vệ và sử dụng các di tích lịch sử, văn hoá và danh lam, thắng cảnh	
41.	Quốc hội	28/3/1997	Pháp lệnh Bộ đội Biên phòng số 04/1998/ PL-UBTVQH10	Quy định tổ chức, trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng Bộ đội Biên phòng, quản lý Nhà nước và chế độ chính sách đối với Bộ đội Biên phòng.	Khu vực biên giới của nước CHXHCNVN trên đất liền, hải đảo, vùng biển và các cửa khẩu	Các cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng, ...	Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Bộ Thủy sản phối hợp cùng các Bộ, ngành và UBND các địa phương triển khai thực hiện	
42.	Quốc hội	25/3/1998	Pháp lệnh Lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam số 04/1998/ PL - UBTVQH10	Quy định tổ chức, trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng cảnh sát biển, quản lý Nhà nước và chế độ chính sách đối với Bộ đội Biên phòng.	Các vùng biển và thềm lục của nước CHXHCN Việt Nam	Các cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng, ...	Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Bộ Quốc phòng phối hợp cùng các Bộ, ngành và UBND các địa phương triển khai thực hiện	
43.	Quốc hội	08/02/1999	Pháp lệnh số 11/1999/PL-UBTVQH10 về Du lịch	Nhà nước thống nhất quản lý hoạt động du lịch, bảo đảm phát triển du lịch theo hướng du lịch văn hoá, du lịch sinh thái, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá, thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam	Toàn quốc	Mọi tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động du lịch tại nước CHXHCN Việt Nam	Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành; Tổng cục Du lịch phối hợp cùng các Bộ, ngành và UBND các địa phương tổ chức thực hiện	
44.	Chính phủ	29/1/1980	Nghị định 30CP	Điều 16,17: đưa ra các quy định chung về ngăn ngừa ô nhiễm từ tàu: - Tàu thuyền nước ngoài không được vứt rác, các chất thải và các chất độc hại gây ô nhiễm môi trường sống ở vùng biển và đất liền của Việt Nam. - Tàu thuyền nước ngoài phải áp dụng đầy đủ các biện pháp để chống và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường sống, gây hại trước mắt cho người và sinh vật. - Tàu thuyền nước ngoài gây ô nhiễm sẽ chịu trách nhiệm và phải đền bù mọi thiệt hại trước mắt và lâu dài do việc gây ô nhiễm gây ra theo pháp	Toàn quốc	Tàu thuyền đi lại và hoạt động trong vùng lãnh hải Việt Nam (kể cả các tàu mang cờ nước ngoài)	Chính phủ	

BÁO CÁO PHÂN TÍCH THỂ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN QLTHVB VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM

=====

TT	Cơ quan ban hành	Ngày tháng năm	Tên văn bản	Mô tả nội dung chính	Mức độ Thực hiện	Đối tượng	Tổ chức thực hiện	Hạn chế
				<i>Luật của nước CHXHCN Việt Nam.</i>				
45.	Chính phủ	18/10/1994	Nghị định 175/CP	Hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.	Toàn quốc	Mọi hoạt động của tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam	Bộ KHHCN&MT; Các bộ, cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW	Vai trò của cộng đồng địa phương trong việc bảo vệ môi trường biển còn hạn chế. Biện pháp để ngăn ngừa ô nhiễm biển còn hạn chế
46.	Chính phủ	19/3/1996	Nghị định 14/CP	Nhà nước thống nhất quản lý giống vật nuôi (chủ yếu là giống thủy sản và nông nghiệp). Nghiêm cấm sản xuất giống kém chất lượng, cấm xuất khẩu giống có giá trị khoa học, giá trị kinh tế. Cấm nhập khẩu giống có nguy cơ gây mất cân bằng sinh thái, lây lan dịch bệnh	Toàn quốc	Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi	Bộ NN&PTNT, Bộ Thủy sản hướng dẫn thực hiện	Hiệu quả kém vì chưa xử lý nghiêm
47.	Chính phủ	26/4/1996	Nghị định 26/1996/ND-CP	Quy định xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường; Cụ thể hoá Điều 40 của Luật Bảo vệ Môi trường phù hợp với Điều 38 Nghị định 175/CP về việc xử phạt hành chính về bảo vệ môi trường	Toàn quốc	Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường. Tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường. trừ trường hợp áp dụng điều ước quốc tế.	Thanh tra chuyên ngành KHHCN&MT, Thanh tra Sở KHHCN&MT, Chánh thanh tra chuyên ngành về KHHCN&MT, Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn. Chủ tịch UBND huyện và cấp tương đương	Chưa đề cập đến nhiều vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, mức độ vi phạm chưa đầy đủ, thiếu cụ thể, nhiều nội dung chưa được triển khai, mức độ phạt còn thấp, hiệu lực và hiệu quả thực thi chưa cao Cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002. Mức xử phạt còn thấp. Chưa có các chế tài cho các hành vi vi phạm pháp

BÁO CÁO PHÂN TÍCH THỂ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN QLTHVB VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM

=====

TT	Cơ quan ban hành	Ngày tháng năm	Tên văn bản	Mô tả nội dung chính	Mức độ Thực hiện	Đối tượng	Tổ chức thực hiện	Hạn chế
								luật về bảo vệ môi trường biển
48.	Chính phủ	05/7/1996	Nghị định số 40/CP	Đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa	Toàn quốc	Tổ chức, cá nhân	Bộ GTVT phối hợp cùng các Bộ, ngành, UBND các địa phương thực hiện	Chưa có điều kiện đánh giá
49.	Chính phủ	16/6/ 1996	Nghị định. 42/CP	Ban hành quy định xây dựng và quản lý đầu tư	Toàn quốc	Tổ chức, cá nhân liên quan đến các hoạt động đầu tư	UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
50.	Chính phủ	12/8/1996	Nghị định 48-CP/1996	Quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản	Toàn quốc	Tổ chức, cá nhân	Bộ Thủy sản phối hợp cùng các Bộ, ngành và địa phương triển khai thực hiện	Chưa có điều kiện đánh giá
51.	Chính phủ	15/8/1996	Nghị định 49/CP	V/v xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự. Quy định những hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực an ninh, trật tự chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì sẽ bị xử lý hành chính theo các nguyên tắc, trình tự, thủ tục, thẩm quyền xử phạt, mức phạt và các biện pháp khắc phục hậu quả (Hình thức xử phạt chính: Phạt cảnh cáo, phạt tiền ngoài hai hình phạt chính ra còn áp dụng hình phạt bổ sung).	Phạm vi lãnh thổ, vùng đặc quyền kinh tế, thêm lục địa của nước CHXHCNVN.	Cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài.	Bộ Công an hướng dẫn chi tiết và tổ chức thi hành	Trình độ nhận thức về pháp luật còn hạn chế nhất là ở các vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người.
52.	Chính phủ	18/2/ 1997	Nghị định. 12/CP	Chi tiết về việc thi hành luật đầu tư nước ngoài vào Việt Nam	Toàn quốc	Tổ chức, cá nhân liên quan đến các hoạt động đầu tư	UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
53.	Chính phủ	06/01/1998	Nghị định 02/1998/NĐ-CP	Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Bộ đội Biên phòng	Toàn quốc	Bộ đội biên phòng	Bộ Quốc phòng phối hợp cùng các Bộ, ngành và địa phương triển khai thực hiện	
54.	Chính phủ	21/7/1998	Nghị định 51/1998/NĐ-CP	Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Cảnh sát biển về tổ chức, trang bị và hoạt động của lực lượng cảnh sát Biển.	Các vùng biển và thêm lục địa của nước CHXHCN Việt Nam	Lực lượng cảnh sát biển	Bộ Quốc phòng phối hợp cùng các Bộ, ngành hữu quan và địa phương triển khai thực hiện	
55.	Chính phủ	13/7/1998	Nghị định 49/1998/NĐ-CP	Về quản lý và hoạt động nghề cá của người và phương tiện nghề cá nước ngoài trong các vùng biển của Việt Nam	Toàn quốc	Người và phương tiện nước ngoài, kể cả người và phương tiện thuộc doanh nghiệp thủy sản có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động theo Luật Đầu Tư nước ngoài	Bộ Thủy sản, Các Bộ ngành có liên quan, UBND các tỉnh, tp trực thuộc trung ương	Một số quy định chưa phù hợp Luật Thủy sản. Cần sửa đổi, bổ sung
56.	Chính phủ	15/9/1998	Nghị định 72/1998/NĐ-CP	Về đảm bảo an toàn cho người và phương tiện nghề cá hoạt động trên biển	Các Tỉnh thành ven biển	Người và phương tiện nghề cá Việt Nam hoạt động trong vùng biển Việt Nam	Bộ Thủy sản, Bộ GTVT; Bộ TC, Bộ Quốc phòng, Bộ VHTT, TC Bưu điện; TC Khí tượng Thủy văn,	Một số quy định chưa phù hợp Luật Thủy sản. Cần sửa đổi, bổ sung

BÁO CÁO PHÂN TÍCH THỂ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN QLTHVB VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM

=====

TT	Cơ quan ban hành	Ngày tháng năm	Tên văn bản	Mô tả nội dung chính	Mức độ Thực hiện	Đối tượng	Tổ chức thực hiện	Hạn chế
							Đài tiếng nói Việt Nam.; UBND các cấp	
57.	Chính phủ	9/6/1999	Nghị định 36/1999/NĐ-CP	Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước cộng hòa XHCNVN	Các vùng Lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của VN	Tổ chức cá nhân Việt Nam có hành vi vi phạm hành chính trong vùng Lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa	Cảnh sát biển, Chỉ huy trưởng vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục CSB	
58.	Chính phủ	30/12/1999	Nghị định 179/1999/N-CP	Quy định việc thi hành Luật tài nguyên nước: quản lý bảo vệ khai thác sử dụng tài nguyên nước, các hoạt động liên quan đến tài nguyên nước, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước.	Các nguồn nước mặt, nước mưa, nước dưới đất, nước biển thuộc lãnh thổ nước CHXHCN VN.	Các cơ quan, tổ chức, đơn vị vũ trang và mọi cá nhân	Bộ NN&PTNT chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành, UBND các địa phương trong phạm vi chức năng quyền hạn, tổ chức thực hiện.	
59.	Chính phủ	12/9/2000	Nghị định 48/2000/NĐ-CP	Quy định chi tiết việc thi hành Luật Dầu khí sửa đổi năm 2000	Trong đất liền, hải đảo, nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của Nước CHXHCN VN.	Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động dầu khí trên lãnh thổ Việt Nam	Bộ KH&CN phối hợp với Bộ TN&MT tổ chức thực hiện	
60.	Chính phủ	15/12/2000	Nghị định số 7/2000/NĐ-CP	Quy định về việc quản lý, bảo vệ, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và hoạt động khoáng sản.	Trong phạm vi đất liền, hải đảo, nội thủy, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa thuộc Nước CHXHCN VN.	Các tổ chức, cá nhân Việt nam và nước ngoài tham gia hoạt động khoáng sản.	Bộ Công nghiệp phối hợp cùng các Bộ, ngành và UBND các địa phương trong phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ tổ chức thực hiện quản lý Nhà nước về đầu tư nước ngoài.	
61.	Chính phủ	2001	Nghị định số 23/2001/NĐ-CP	Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đăng ký tàu biển và thuyền viên: Mọi phương tiện hoạt động trên biển phải đăng ký số lượng thuyền viên để đảm bảo cho người và phương tiện hoạt động an toàn	Toàn quốc	Chủ tàu và thủy thủ	Bộ GTVT, Bộ Thủy sản hướng dẫn thực hiện	Nhiều ngành quản lý, người dân không tự giác đăng ký
62.	Chính phủ	2001	Nghị định số 24/2001/NĐ-CP	Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế quản lý hoạt động hàng hải tại cảng biển và các khu vực hàng hải ở Việt Nam ban hành theo Nghị định 13/CP ngày 25/4/1994: Quy định khu vực cấm đỗ, tránh trú bão, nơi đậu, giao dịch khi vào cảng và hoạt động xả thải ra môi	Toàn quốc	Các tổ chức cá nhân có phương tiện vận tải sông biển	Bộ GTVT, Tổng cục Du lịch, Bộ Thủy sản, Bộ Thương mại hướng dẫn thực hiện	Thiếu kinh phí thực hiện

BÁO CÁO PHÂN TÍCH THỂ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN QLTHVB VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM

=====

TT	Cơ quan ban hành	Ngày tháng năm	Tên văn bản	Mô tả nội dung chính	Mức độ Thực hiện	Đối tượng	Tổ chức thực hiện	Hạn chế
				trường				
63.	Chính phủ	16/11/2001	Nghị định 86/2001/NĐ-CP	Về Điều kiện kinh doanh các ngành nghề thủy sản.	Toàn quốc	Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh các ngành nghề thủy sản	Bộ Thủy sản, Các Bộ ngành có liên quan, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW	Một số quy định chưa phù hợp Luật Thủy sản. Cần sửa đổi, bổ sung
64.	Chính phủ	11/11/2002	Nghị định 92/2002/NĐ-CP của Chính phủ	Quy định về các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá; xác định quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với di sản văn hoá ở nước CHXHCN Việt Nam.	Trong lòng đất thuộc đất liền, hải đảo, ở vùng nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt nam.	Tổ chức cá nhân Việt nam và nước ngoài, người Việt nam đang định cư ở nước ngoài đang hoạt động tại Việt nam.	Bộ VHHT là đầu mối, chủ trì phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ và UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW quản lý Nhà nước về di sản văn hoá.	
65.	Chính phủ	2003	Nghị định số 109/2003/NĐ-CP của Chính phủ	Về bảo tồn và phát triển bền vững các vùng đất ngập nước: Chia ra khu bảo tồn ven biển, khu bảo tồn đất ngập nước nội địa và quy định trách nhiệm của mọi người trong việc bảo tồn và phát triển bền vững các vùng đất ngập nước	Các khu bảo tồn ven biển, khu bảo tồn đất ngập nước trên toàn quốc	Khu bảo tồn, người dân sống ở các khu vực cần bảo tồn	Bộ NN&PTNT, Bộ TN&MT hướng dẫn thực hiện	Chưa đủ nguồn vốn; Người dân chưa chấp hành nghiêm chỉnh
66.	Chính phủ	17/6/2003	Nghị định 70/2003/NĐ-CP	Về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản. Quy định các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản, hình thức xử phạt, mức phạt, thẩm quyền xử phạt, thủ tục xử phạt và các biện pháp khắc phục hậu quả	Toàn quốc	Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các hoạt động thủy sản	UBND các cấp, Thanh tra chuyên ngành thủy sản, Công an, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển, Hải quan, cơ quan thuế, Quản lý thị trường, Giám đốc Cảng vụ hàng hải, Giám đốc cảng vụ Thủy nội địa	Một số hành vi vi phạm đã quy định trong Luật Thủy sản chưa được bổ sung ở Nghị định này.
67.	Chính phủ	23/9/2003	Nghị định 109/2003/NĐ-CP	Về bảo tồn và khai thác bền vững các vùng Đất ngập nước. Bao gồm những vùng đất ngập nước có hệ sinh thái đặc thù, đa dạng sinh học cao, có chức năng duy trì nguồn nước và cân bằng sinh thái, có tầm quan trọng quốc tế, quốc gia	Các vùng đất ngập nước trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam	Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có hoạt động trên các vùng đất ngập nước.	Chính phủ, Bộ TN&MT, NN&PTNT, Các bộ ngành có liên quan, Sở TN&MT	
68.	Chính phủ	18/12/2003	Nghị định 160/2003/NĐ-CP	Quản lý và hoạt động hàng hải tại cảng biển và khu vực hàng hải của Việt Nam. Không bao gồm cảng quân sự phục vụ cho mục đích Quốc phòng, an ninh và cảng cá chỉ phục vụ cho hoạt động nghề cá nằm ngoài vùng nước cảng biển.	Các tỉnh có cảng biển, khu vực hàng hải	Mọi tổ chức, cá nhân, tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài, các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành hoạt động tại cảng biển và khu vực hàng hải của Việt Nam	Bộ GTVT, các Bộ, ngành có liên quan, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW	
69.	Hội đồng Bộ trưởng	2/6/ 1990	Nghị định. 195/HĐBT	Hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ và phát triển nguồn tài nguyên biển	Toàn quốc	Các cá nhân, tổ chức, các thành phần kinh tế trong cả	Chính phủ, UBNDKTNN, các Bộ,	

BÁO CÁO PHÂN TÍCH THỂ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN QLTHVB VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM

=====

TT	Cơ quan ban hành	Ngày tháng năm	Tên văn bản	Mô tả nội dung chính	Mức độ Thực hiện	Đối tượng	Tổ chức thực hiện	Hạn chế
						nước	ban, ngành liên quan	
70.	Chính phủ	17/6/2003	Nghị định số 70/2003/NĐ	Quy định các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản, hình thức xử phạt, mức phạt, thẩm quyền xử phạt, thủ tục và các biện pháp khắc phục hậu quả	Toàn quốc	Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài	Bộ Thủy sản có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Nghị định này	
71.	Chính phủ	18/12/2003	Nghị định 161/2003/NĐ-CP	Quy chế khu vực Biên giới biển Nhằm quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia trên biển; duy trì an ninh, trật tự an toàn xã hội trong khu vực biên giới biển. (Tổng cộng có 28 tỉnh, thành phố, 124 huyện, quận, thị xã, 612 xã, phường, thị trấn ven biển)	28 tỉnh thành phố ven biển	Quy định hoạt động của người, tàu thuyền Việt Nam, nước ngoài trong khu vực biên giới biển	Chính phủ, Các Bộ: Quốc phòng, Ngoại giao, Công an, các Bộ ngành có liên quan, UBND các cấp	
72.	Bộ Văn hoá	28/4/1962	Quyết định số 313-VH/VP	V/v xếp hạng khu thắng cảnh Vịnh Hạ Long: Chính thức công nhận giá trị danh lam thắng cảnh đặc sắc của Vịnh Hạ Long	Vịnh Hạ Long	Các cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng, ...	Bộ VH/TT, UBND tỉnh Quảng Ninh cùng các cơ quan chức năng có liên quan thực thi	
73.	Thủ tướng Chính phủ	05/8/1993	Quyết định số 398/TTg	Thành lập Ban Chỉ đạo Nhà nước về Biển Đông và hải đảo, một cơ quan liên bộ mới giúp Chính phủ hoạch định Chiến lược quốc gia trên biển, đẩy mạnh phát triển kinh tế đi đôi với tăng cường bảo vệ chủ quyền, tài nguyên và môi trường sinh thái biển và đảo Nhiệm vụ là: soạn thảo chiến lược và chính sách về biển, xây dựng quy hoạch phát triển KT-XH-an ninh trên biển; chỉ đạo xử lý và kiểm tra các vấn đề liên ngành nhằm phát triển kinh tế, bảo vệ tài nguyên môi trường sinh thái		Ban Chỉ đạo trực thuộc Bộ Ngoại giao	Chính phủ hướng dẫn và tổ chức thực hiện Các bộ, ngành liên quan UBND các tỉnh ven biển	Mô hình là một cơ chế tạm thời, còn ở hình thức kiêm nhiệm, thiếu chuyên môn hoá, công việc chồng chéo, nguồn nhân lực hạn chế trong khi khu vực quản lý rộng, công việc quá phức tạp
74.	Chủ tịch nước	19/1/1994	Quyết định số. 29-L/CTN	Ban hành Luật bảo vệ môi trường	Toàn quốc	Toàn quốc	Chính phủ, Các Bộ: Quốc phòng, Ngoại giao, Công an, các Bộ ngành có liên quan, UBND các cấp	
75.	Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn	08/8/1994	Quyết định số 863	Quy định nhiệm vụ cụ thể và quan hệ công tác giữa Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn với cơ quan kiểm lâm địa phương	Toàn quốc	Sở Nông nghiệp và Cơ quan Kiểm lâm các địa phương	Sở NN&PTNT, cơ quan Kiểm lâm địa phương	
76.	Thủ tướng Chính phủ	22/12/1995	Quyết định số 845/TTg	Ban hành Kế hoạch hành động vì sự đa dạng sinh học của Việt Nam Xác định những hệ sinh thái tiêu biểu,	Toàn quốc	Các cá nhân, tổ chức, các thành phần kinh tế trong cả nước	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND tỉnh QN, và	Do Ngân sách không đáp ứng kịp thời nên chậm

BÁO CÁO PHÂN TÍCH THỂ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN QLTHVB VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM

TT	Cơ quan ban hành	Ngày tháng năm	Tên văn bản	Mô tả nội dung chính	Mức độ Thực hiện	Đối tượng	Tổ chức thực hiện	Hạn chế
				trong đó có đất ngập nước ven biển, cửa sông, rừng ngập mặn. Nếu sự phong phú giống loài, sự tiềm ẩn mất cân bằng sinh thái. Đề ra 180 hành động ưu tiên để bảo vệ đa dạng sinh học			các tỉnh, TP Trực thuộc Trung ương	thực hiện các dự án ưu tiên. Sự phối hợp các cấp, các ngành chưa tốt
77.	Thủ tướng Chính phủ	30/12/1996	Quyết định 988/TTg	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2000 – 2010.	UBND tỉnh Quảng Ninh. Các Bộ, ngành ở trung ương	Cá nhân, tổ chức, các thành phần kinh tế tại tỉnh Quảng Ninh.	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND tỉnh QN, và các tỉnh, TP Trực thuộc Trung ương	Việc lập và phê duyệt các quy hoạch chi tiết còn chậm. Chưa phát triển được nhiều các sản phẩm du lịch tại các trung tâm du lịch.
78.	Thủ tướng Chính phủ	3/4/ 1997	Quyết định số 199/TTg	Các biện pháp quản lý chất thải rắn ở thị trấn và các khu công nghiệp	Toàn quốc	Các cá nhân, tổ chức, các thành phần kinh tế trong cả nước	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND tỉnh QN, và các tỉnh, TP Trực thuộc Trung ương	
79.	Thủ tướng Chính phủ	9/7/1997	Quyết định 393/TTg	Ban hành quy chế quản lý và sử dụng vốn tín dụng đầu tư theo kế hoạch nhà nước cho các dự án đóng mới, cải hoán tàu đánh bắt và dịch vụ đánh bắt hải sản xa bờ	Toàn quốc	Các dự án đóng mới, cải hoán tàu đánh bắt và sử dụng vốn tín dụng đầu tư theo kế hoạch Nhà nước cho các dự án đóng mới, cải hoán tàu đánh bắt và dịch vụ đánh bắt hải sản xa bờ bằng vốn tín dụng đầu tư theo kế hoạch năm 1997	Bộ Thủy sản, Bộ KHĐT, Bộ Tài chính, Bộ GTVT, Bộ NNPTNT, NHNN Việt Nam, Các Bộ, ngành và UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương	Vốn vay đầu tư chưa đúng mục đích. Việc thu hồi nợ khó khăn, rất nhiều khoản nợ không thể trả
80.	Thủ tướng Chính phủ	29/5/1997	Quyết định 358/TTg	V/v tính thuế ưu đãi cho hoạt động khai thác hải sản ở những vùng biển xa bờ.	Hoạt động khai thác hải sản xa bờ	Tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc mọi thành phần kinh tế (Kể cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài,) có tàu, thuyền thực tế hoạt động khai thác hải sản xa bờ	Bộ Thủy sản, Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW	Khó khăn trong việc thu hồi vốn
81.	Thủ tướng Chính phủ	2/1/1998	Quyết định 1/1998/QĐ-TTg	Về việc cấm sử dụng chất nổ, xung điện trong khai thác thủy sản	Toàn quốc	Cá nhân, tổ chức sản xuất, buôn bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép và sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản ở tất cả các vùng nước	Các Bộ: Quốc phòng, Nội vụ, Công nghiệp, VHHT, Thủy sản; UBND các tỉnh thành phố Trực thuộc TW; UBND các huyện quận, xã phường.	
82.	Bộ trưởng Bộ KHCN&MT	10/4/1998	Quyết định số 395/QĐ-KHCNMT	Ban hành Quy chế bảo vệ môi trường trong việc tìm kiếm, thăm dò, phát triển mỏ, khai thác, tàng trữ, vận chuyển, chế biến dầu khí và các hoạt động liên quan	Toàn quốc	Các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực dầu khí	Bộ TN&MT hướng dẫn, giám sát, kiểm tra	

BÁO CÁO PHÂN TÍCH THỂ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN QLTHVB VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM

=====

TT	Cơ quan ban hành	Ngày tháng năm	Tên văn bản	Mô tả nội dung chính	Mức độ Thực hiện	Đối tượng	Tổ chức thực hiện	Hạn chế
				cụ thể hoá các quy định của Luật Dầu khí. <i>Quy định tổ chức, cá nhân tiến hành các hoạt động dầu khí khi gây ra suy thoái môi trường, ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường ngoài việc chịu phạt, phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật VN.</i>				
83.	Thủ tướng Chính phủ	25/12/1998	Quyết định 251/1998/QĐ-TTg	Phê chuẩn chương trình xuất khẩu thủy sản cho đến năm 2005.	Toàn quốc	Cá nhân, tổ chức, thành phần kinh tế tham gia vào hoạt động xuất khẩu thủy sản	Bộ Thủy sản, các Bộ KH&CN, KHĐT, TC, Thương mại, LDBTXH, Ngoại giao, Ngân hàng NN, UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương	Chưa đặt ra vấn đề khai thác bền vững
84.	Thủ tướng Chính phủ	08/03/1999	Quyết định số 41/1999/QĐ-TTg	Ban hành Quy chế quản lý an toàn trong các hoạt động dầu khí: <i>Nghĩa vụ của nhà điều hành và người lao động, các yêu cầu về thiết kế – xây dựng, các yêu cầu về vận hành công trình, quản lý hồ sơ và chế độ báo cáo, công tác quản lý Nhà nước và thanh tra an toàn, chế độ khen thưởng và xử lý vi phạm.</i>	Trong đất liền, hải đảo, nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của Nước CHXHCN Việt nam.	Các hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ, khai thác dầu khí, kể cả xử lý, thu gom, tàng trữ, vận chuyển dầu khí trong khu vực khai thác cho tới điểm giao nhận và các hoạt động dịch vụ dầu khí	Tổng Công ty Dầu khí hướng dẫn thi hành. Cơ quan quản lý Nhà nước về dầu khí phối hợp với các cơ quan hữu quan có thẩm quyền và các Bộ, cơ quan Nhà nước khác thực hiện chức năng quản lý Nhà nước và thanh tra an toàn đối với các hoạt động dầu khí.	
85.	Thủ tướng Chính phủ	10/7/1999	Quyết định số 152/1999/QĐ-TTg	Phê duyệt Chiến lược Quản lý chất thải rắn tại các đô thị và khu công nghiệp đến 2020	Toàn quốc	Các cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng, ...	Bộ TN&MT phối hợp cùng các Bộ, Ngành, địa phương tổ chức thực hiện	
86.	Thủ tướng Chính phủ	16/7/1999	Quyết định số 155/1999/QĐ-TTg	Ban hành Quy chế quản lý chất thải rắn nguy hại	Toàn quốc	Các cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng, ...	Bộ TN&MT phối hợp cùng các Bộ, Ngành, địa phương tổ chức thực hiện	
87.	Bộ trưởng Bộ Xây dựng	22/10/1999	Quyết định số 29/1999/QĐ-BXD	Ban hành Quy chế Bảo vệ môi trường trong ngành xây dựng <i>Quy định công tác quản lý bảo vệ môi trường ngay từ khâu: lập và xét duyệt dự án quy hoạch, chuẩn bị dự án đầu tư xây dựng, tổ chức thi công, nghiệm thu và đưa vào khai thác sử dụng; trong quản lý đô thị và các cơ sở sản xuất-kinh doanh vật liệu xây dựng.</i>	Toàn quốc	Các cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có liên quan đến công tác tư vấn, đầu tư xây dựng, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, cơ khí trên lãnh thổ Việt Nam	Bộ Xây dựng chỉ đạo công tác quản lý bảo vệ môi trường trong ngành xây dựng, phối hợp với Bộ TN&MT và các bộ, ngành, địa phương chỉ đạo thực hiện.	

BÁO CÁO PHÂN TÍCH THỂ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN QLTHVB VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM

=====

TT	Cơ quan ban hành	Ngày tháng năm	Tên văn bản	Mô tả nội dung chính	Mức độ Thực hiện	Đối tượng	Tổ chức thực hiện	Hạn chế
				<i>Quy định về đánh giá tác động môi trường bao gồm cả tổ chức kiểm tra, kiểm soát, thanh tra, giám sát môi trường trong các khâu liên quan</i>				
88.	Thủ tướng Chính phủ	08/12/1999	Quyết định 224/1999/QĐ-TTg	Phê duyệt chương trình phát triển NTTS thời kỳ 1999 – 2010	Toàn quốc	Các tổ chức, cá nhân hoạt động NTTS trên phạm vi cả nước. Các cơ quan quản lý NN về Thủy sản	Bộ Thủy sản; Các Bộ: KHĐT, TC, NN&PTNT, KHCN, NHNN, BTCCBCP, TCDia chính; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW	áp dụng chưa triệt để ở các địa phương. Công tác Quy hoạch NTTS chưa quan tâm đến yếu tố bền vững (Chỉ quan tâm đến hình thức thâm canh và loài nuôi chỉ quan tâm đến con tôm).
89.	Thủ tướng Chính phủ	26/6/2002	Quyết định 82/2002/QĐ-TTg	Về việc thành lập, tổ chức và hoạt động Quỹ môi trường	Toàn quốc	Các tổ chức, cá nhân hoạt động trong các ngành nghề	Chính phủ hướng dẫn thi hành; Bộ TN&MT, Bộ KH&CN tổ chức t/hiện	Chưa có quỹ dành cho bảo vệ môi trường biển
90.	Bộ trưởng Bộ Thủy sản	2002	Quyết định số 19/2002/QĐ-BTS	Ban hành Quy chế Quản lý môi trường cơ sở chế biến thủy sản	Toàn quốc	Các cơ sở chế biến thủy sản	Bộ Thủy sản hướng dẫn thực hiện	
91.	Bộ trưởng Bộ KHCN&MT	25/6/2002	Quyết định số 35/2002/QĐ-KHCNMT	Công bố danh mục Tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường bắt buộc áp dụng, trong đó có Tiêu chuẩn chất lượng nước ven bờ (TCVN 5943 - 1995)	Toàn quốc	Các cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng, ...	Bộ TN&MT và Bộ KH&CN phối hợp cùng các Bộ, ngành và địa phương tổ chức áp dụng, giám sát việc thực hiện	Chưa đầy đủ, thống nhất và đồng bộ về các chỉ tiêu, quy cách kỹ thuật và thiết kế
92.	Thủ tướng Chính phủ	21/10/2002	Quyết định số 142/2002/QĐ-TTg	về việc Phê duyệt Quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị Di sản Vịnh Hạ Long đến năm 2020.	Toàn tỉnh	Khu di sản thế giới trên Vịnh Hạ Long	UBND Tỉnh Quảng Ninh, các Sở, ban ngành liên quan	
93.	Bộ Thủy sản	24/1/2002	Quyết định 04/2002/QĐ-BTS	Quy chế quản lý môi trường vùng nuôi tôm tập trung	vùng nuôi tôm tập trung	Tổ chức, cá nhân	Bộ Thủy sản, UBND Cấp tỉnh	Chưa ĐTM trong các vùng nuôi.
94.	Thủ tướng Chính phủ	17/9/2003	Quyết định 192/2003/QĐ-TTg	Về việc phê duyệt chiến lược quản lý hệ thống khu bảo tồn thiên nhiên Việt Nam đến năm 2010. <i>Thực hiện nguyên tắc phát triển bền vững. Nâng cao nhận thức chung của người dân về tầm quan trọng, giá trị của nguồn tài nguyên và ĐDSH. Đổi mới thể chế chính sách quản lý khu BITN, tăng cường chức năng quản lý Nhà nước với khu BITN.</i>	Toàn quốc	Các khu bảo tồn thiên nhiên trên cạn, khu bảo tồn thiên nhiên vùng đất ngập nước và khu bảo tồn thiên nhiên trên biển	Các Bộ: KHĐT, KHCN, Thủy sản, NN&PTNT, TN&MT, GTVT, VHIT. UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW	
95.	Thủ tướng	02/12/2003	Quyết định	Về việc phê duyệt chiến lược bảo vệ	Toàn quốc	Bảo vệ môi trường là nhiệm	Bộ TNMT , Bộ KHĐT,	

BÁO CÁO PHÂN TÍCH THỂ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN QLTHVB VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM

=====

TT	Cơ quan ban hành	Ngày tháng năm	Tên văn bản	Mô tả nội dung chính	Mức độ Thực hiện	Đối tượng	Tổ chức thực hiện	Hạn chế
	Chính phủ		256/2003/QĐ-TTg	môi trường quốc gia đến năm 2010 định hướng đến năm 2020. Phân các nhiệm vụ và giải pháp quy định rõ: <i>Bảo vệ và khai thác bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên; Bảo vệ và cải thiện môi trường các khu vực trọng điểm (trong đó có khu Biển, ven biển và hải đảo; lưu vực sông và vùng đất ngập nước, di sản tự nhiên và di sản văn hoá.)</i>		vụ của toàn xã hội, của các cấp, các ngành, các tổ chức, cộng đồng và mọi người dân, của toàn xã hội. Bảo vệ môi trường mang tính quốc gia, khu vực và toàn cầu.	Các Bộ, ngành; địa phương xây dựng chiến lược theo chức năng của Bộ, ngành	
96.	Bộ trưởng Bộ TN&MT	29/7/2003	Quyết định số 02/2003	Ban hành Quy chế bảo vệ Môi trường Btrong lĩnh vực du lịch <i>Điều chỉnh các hoạt động liên quan trực tiếp đến môi trường du lịch nhằm bảo vệ môi trường du lịch, ngăn ngừa và giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường trong quá trình tiến hành các hoạt động du lịch, đảm bảo phát triển du lịch bền vững, góp phần bảo vệ môi trường của đất nước. Quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước, tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ môi trường trong lĩnh vực du lịch</i>	Toàn quốc	Các tổ chức, cá nhân hoạt động tại các khu, điểm, tuyến du lịch	UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng cục Du lịch, các đơn vị thuộc Bộ TN&MT, Các Sở TN&MT, Du lịch, Thương mại, các tổ chức, cá nhân có liên quan	Quy chế mới ban hành, các văn bản hướng dẫn thực hiện chưa được xây dựng nên chưa được triển khai thực hiện
97.	Bộ Chính trị	6/5/1993	Nghị quyết 03/NQ/TW	Một số nhiệm vụ phát triển kinh tế biển: Nhấn mạnh: <i>"Mọi hoạt động kinh tế của các Bộ, ngành và địa phương phải hết sức chú trọng đến việc bảo vệ môi trường sinh thái biển, đảm bảo cho sự phát triển lâu bền"</i>	Toàn quốc			
98.	Bộ KHCN	25/3/1995	Quyết định 35/2002/QĐ-KHCN	Công bố danh mục TCVN về môi trường bắt buộc áp dụng trong đó có TC về chất lượng nước ven bờ (TCVN 5943 -1995)	Toàn quốc	Chính phủ, Bộ KHCN&MT, các bộ, ban, ngành liên quan		
99.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	03/4/1995	Thông tư số 715/MTg	Hướng dẫn việc thành lập các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài	Toàn quốc	Các cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng, ...	Bộ KH&ĐT phối hợp cùng các Bộ, Ngành, địa phương hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực thi	
100.	Bộ KHCN&MT	12/11/1995	Thông tư số 2592/MTg	Về kiểm soát ô nhiễm biển do tàu thuyền và phương tiện vận tải đường sông; cảng vụ chịu trách nhiệm thu	Toàn quốc	Các tổ chức, cá nhân sở hữu phương tiện vận tải đường sông, tham gia hoạt động vận	Bộ TN&MT và Bộ GTVT phối hợp với UBND các địa phương triển khai	

BÁO CÁO PHÂN TÍCH THỂ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN QLTHVB VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM

=====

TT	Cơ quan ban hành	Ngày tháng năm	Tên văn bản	Mô tả nội dung chính	Mức độ Thực hiện	Đối tượng	Tổ chức thực hiện	Hạn chế
				gom rác từ các phương tiện giao thông thủy, nghiêm cấm xả thải ra các vùng nước thuộc cảng, tổ chức thu gom theo yêu cầu của Luật Bảo vệ môi trường và Công ước MARPOL, chủ động áp dụng Nghị định 26/CP về việc xử phạt hành chính đối với đối tượng vi phạm Luật Bảo vệ môi trường		tài đường sông	thực hiện	
101.	Bộ KHCN&MT	22/12/1995	Thông tư số 3370/MTg	Hướng dẫn tạm thời về khắc phục những sự cố môi trường do cháy và nổ dầu	Toàn quốc	Các cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng, ...	Bộ KHCN&MT phối hợp cùng các Bộ, Ngành, UBND các địa phương hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực thi	
102.	Bộ KHCN&MT	29/12/1995	Thông tư số 2262/MTg	Hướng dẫn khắc phục sự cố tràn dầu: <ul style="list-style-type: none"> - <i>Hướng dẫn cơ chế phối hợp giữa các tổ chức, đơn vị để ứng phó với sự cố tràn dầu.</i> - <i>Hướng dẫn các bước, các biện pháp ứng phó với sự cố hoặc ô nhiễm môi trường đã xảy ra</i> - <i>Quy định bước đầu về thẩm quyền huy động lực lượng ứng cứu các cấp.</i> - <i>Bước đầu hướng dẫn các thủ tục pháp lý đòi bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường biển</i> 	Các vùng biển và thềm lục địa của Việt Nam	Các cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng, ...	UBND tỉnh đối phó và khắc phục hậu quả sự cố tràn dầu trên địa bàn địa phương với sự hỗ trợ của Sở KHCN&MT. Các sự cố vượt quá khả năng của tỉnh thì Bộ KHCN&MT phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức ứng phó hoặc đề nghị các tổ chức nước ngoài hỗ trợ với sự cho phép của Chính phủ	đây chỉ là hướng dẫn sơ bộ, chưa rõ ràng về mức độ, quy mô và phạm vi sự cố tràn dầu, không phân định rõ phạm vi trách nhiệm ứng phó và xử lý của cấp nào
103.	Bộ KHCN&MT	03/10/1996	Thông tư số 2433/TT-KCM	Hướng dẫn thi hành Nghị định số 26/CP ngày 26/4/1996 về Quy định xử phạt hành chính những vi phạm Luật Bảo vệ Môi trường	Toàn quốc	Các cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng, ...	Bộ TN&MT hướng dẫn cụ thể để các Bộ, ngành và địa phương thực hiện	
104.	Bộ KHCN&MT	12/12/1996	Thông tư 2781/TT-KCM	Hướng dẫn các thủ tục cấp giấy chứng nhận môi trường và thời gian có hiệu lực đối với các ngành công nghiệp	Toàn quốc	Tổ chức, cá nhân	Bộ KHCN&MT, các Bộ, ban ngành liên quan	
105.	Bộ KHCN&MT	19/12/1996	Thông tư số 2891/TT-KCM	Hướng dẫn bảo vệ môi trường Vịnh Hạ Long: <i>Nghiêm cấm các hành vi khai thác tài nguyên khoáng sản, huỷ hoại hệ động thực vật trên các đảo, làm thay đổi cảnh quan tự nhiên, xả chất thải rắn và nước thải từ các tàu du lịch, yêu cầu các tổ chức cá nhân có trách nhiệm bảo</i>	Vịnh Hạ Long	Tổ chức, cá nhân	Bộ KHCN&MT, các Bộ, ban ngành liên quan	

BÁO CÁO PHÂN TÍCH THỂ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN QLTHVB VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM

TT	Cơ quan ban hành	Ngày tháng năm	Tên văn bản	Mô tả nội dung chính	Mức độ Thực hiện	Đối tượng	Tổ chức thực hiện	Hạn chế
				<i>vệ tuyệt đối các hang động, giữ gìn vệ sinh môi trường, thu gom rác mang vào bờ xử lý</i>				
106.	Bộ KHCN&MT	4/1997	Thông tư số 1076/TT-MTg	Hướng dẫn về lập báo cáo môi trường hàng năm của các Bộ, các cơ quan ngang Bộ và các tổ chức hành chính thuộc quyền quản lý trực tiếp của UBND các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương	Toàn quốc	Các cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng, ...	Bộ TN&MT hướng dẫn cụ thể để các Bộ, ngành và địa phương thực hiện	
107.	Bộ KHCN&MT	20/8/ 1997	Thông tư số. 1100/TT-MTg	Hướng dẫn về việc thành lập và xem xét báo cáo ĐTM cho các dự án đầu tư	Toàn quốc	Tổ chức, cá nhân	Bộ KHCN&MT, các Bộ, ban ngành liên quan	
108.	Bộ KHCN&MT và Bộ Xây dựng	17/10/1997	Thông tư liên tịch số 1590/TT-MTg	Hướng dẫn thực hiện Chỉ thị 199/TTg của Thủ tướng Chính phủ về các biện pháp cấp bách trong quản lý chất thải rắn ở các đô thị và khu công nghiệp: Cụ thể hoá nhiệm vụ của Bộ Xây dựng, Bộ KHCN&MT (nay là Bộ TN&MT), và UBND các tỉnh thành phố thuộc TW	Toàn quốc	Các cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng, ...	Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND tỉnh, thành phố thuộc TW theo chức năng, quyền hạn nhiệm thực hiện quản lý chất thải.	
109.	Bộ KHCN&MT	29/4/ 1998	Thông tư số 490/1998/TT	Hướng dẫn về việc thành lập và thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường cho các dự án đầu tư	Toàn quốc	Tổ chức, cá nhân	Bộ KHCN&MT, các Bộ, ban ngành liên quan	
110.	Bộ Thủy sản	6/12/2003	Thông tư 02/2002/TT-BTS	Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 86/2001/NĐ-CP ngày 16 /11/2001.	Toàn quốc	Tổ chức, cá nhân	Bộ Thủy sản; Sở thủy sản	Nhiều viện dẫn các văn bản khác.
111.	Thủ tướng Chính phủ	3/4/ 1997	Chỉ thị 199/TTg	Các biện pháp cấp bách để quản lý chất thải rắn ở trung tâm đô thị và các khu công nghiệp	Toàn quốc	Tổ chức, cá nhân	Chính phủ, Bộ KHCN&MT, các Bộ, ban ngành liên quan	
112.	Thủ tướng Chính phủ	02/01/1998	Chỉ thị 01/1998 CT-TTg	V/v nghiêm cấm sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản <i>Nghiêm cấm mọi tổ chức cá nhân sản xuất, vận chuyển buôn bán, tàng trữ sử dụng trái phép chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác đánh bắt thủy sản ở tất cả các vùng nước</i>	Toàn quốc	Cá nhân và các tổ chức	Các Bộ ngành, Quốc phòng, Công an, Công nghiệp, VHHT, Bộ Thủy sản và UBND các tỉnh, thành phố	Phương tiện khai thác lạc hậu, nhận thức của ngư dân còn thấp.
113.	Bộ trưởng Bộ KHCN&MT	-	Chỉ thị số. 1076/TT-MTg	Hướng dẫn về lập báo cáo môi trường hàng năm của các Bộ, ngành, các tổ chức hành chính thuộc quyền quản lý trực tiếp của UBND tỉnh/thị trấn trực thuộc trung ương.	Toàn quốc	các Bộ, cơ quan ngang Bộ, tổ chức hành chính thuộc quyền quản lý trực tiếp của UBND các tỉnh, thị trấn trực thuộc TW	Bộ KHCN&MT, các Bộ, ban ngành liên quan	
114.	BCHTW Đảng	25/06/1998	Chỉ thị 36/CT/TW	Tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.	Toàn quốc	Bảo vệ môi trường là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta.		

BÁO CÁO PHÂN TÍCH THỂ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN QLTHVB VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM

TT	Cơ quan ban hành	Ngày tháng năm	Tên văn bản	Mô tả nội dung chính	Mức độ Thực hiện	Đối tượng	Tổ chức thực hiện	Hạn chế
115.	Bộ Thủy sản và Bộ tư lệnh Bộ đội Biên phòng	23/01/2003	Bản thỏa thuận phối hợp	Về quản lý, bảo vệ chủ quyền, giữ gìn an ninh trật tự, bảo vệ nguồn lợi thủy sản và các hoạt động nghề cá trên vùng biển Việt Nam. <i>Nội dung: Trao đổi, thông báo tình hình. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân. Phối hợp tuần tra, kiểm soát trên biển. Xử lý các vụ việc xảy ra trên biển. Quản lý hoạt động nghề cá. Bảo đảm cấp cứu trên biển. Hỗ trợ nâng cao nghiệp vụ.</i>	các đơn vị thuộc ngành Thủy sản và lực lượng BDBP từ TW tới địa phương	Cán bộ, chiến sỹ, nhân viên Bộ Thủy sản và Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng	Cục BVNLTS (Bộ Thủy sản) và Bộ Tham mưu thuộc Bộ Tư lệnh Biên phòng	Địa bàn rộng lớn trang bị phương tiện, thông tin, liên lạc còn hạn chế
116.	UBND tỉnh QN	04/6/1992	Quyết định số 486/QĐ	Phân cấp Quản lý Bảo vệ rừng	Ưu tiên cao trong toàn tỉnh	Rừng ngập mặn	Chính quyền địa phương	Địa phương chưa thực sự quan tâm
117.	UBND tỉnh QN	11/2/1995	Quyết định 228 QĐ/UB	V/v "Ban hành quy định tạm thời về quản lý thuốc bảo vệ thực vật"	Toàn tỉnh	Các cá nhân, tổ chức tham gia các hoạt động liên quan đến quản lý thuốc bảo vệ thực vật	UBND tỉnh, Sở KH&CN&MT, các Sở, ban, ngành liên quan	
118.	UBND tỉnh QN	17/3/1995	Quyết định 505 QĐ/UB	V/v "Ban hành quy định sản xuất bia, nước giải khát".	Toàn tỉnh	Các cá nhân, tổ chức tham gia các hoạt động liên quan	UBND tỉnh, Sở KH&CN&MT, Sở Y tế, các Sở, ban, ngành liên quan	
119.	UBND tỉnh QN	15/8/1995	Quyết định 1796 QĐ/UB	V/v "Ban hành quy định kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y thực phẩm có nguồn gốc động vật".	Toàn tỉnh	Các cá nhân, tổ chức tham gia các hoạt động liên quan	UBND tỉnh, các Sở KH&CN&MT, Y tế, các ban, ngành liên quan	
120.	UBND tỉnh QN	4/11/1995	Quyết định số 2522 QĐ/UB	V/v "Ban hành quy chế tạm thời quản lý Vịnh Hạ Long". <i>Đề ra yêu cầu thành lập 1 cơ quan quản lý Vịnh có chức năng, nhiệm vụ cụ thể để tổ chức triển khai hoạt động quản lý Nhà nước đối với Vịnh Hạ Long.</i> <i>Quy định phạm vi bảo vệ Di sản Vịnh Hạ Long và quy định cụ thể các hành động bị nghiêm cấm</i> <i>Quy định về cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong việc bảo tồn, tuyên truyền và khai thác, sử dụng Di sản Vịnh Hạ Long</i>	Toàn tỉnh	Các cá nhân, tổ chức tham gia các hoạt động liên quan	UBND tỉnh, UBND tpố Hạ Long, các Sở KH&CN&MT, KH&ĐT, các ban, ngành liên quan	Nhiều quy định còn bất cập, thiếu nhiều quy định chi tiết, cụ thể về trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, và cách thức phối hợp cụ thể giữa các cơ quan đó trong việc quản lý và khai thác Vịnh Phân cấp quản lý chồng chéo Trang thiết bị cho công tác quản lý môi trường thiếu

BÁO CÁO PHÂN TÍCH THỂ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN QLTHVB VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM

TT	Cơ quan ban hành	Ngày tháng năm	Tên văn bản	Mô tả nội dung chính	Mức độ Thực hiện	Đối tượng	Tổ chức thực hiện	Hạn chế
	UBND tỉnh QN	09/12/1995	Quyết định 2796 QĐ/UB	V/v thành lập BQL Vịnh Hạ Long: BQL Vịnh Hạ Long là cơ quan trực thuộc UBND tỉnh Quảng Ninh, chịu sự quản lý, chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Văn hoá Thông tin và Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam, có trách nhiệm phối hợp với: - UBND Tp. Hạ Long, TX. Cẩm Phả, H. Vân Đồn đồng phối hợp quản lý theo lãnh thổ - Sở Du lịch để quản lý và thúc đẩy hoạt động du lịch - Sở VHHT: nghiên cứu, tuyên truyền, phát huy giá trị Di sản - Sở TN&MT: giám sát kiểm soát môi trường Vịnh, đánh giá giá trị tự nhiên của Di sản	Toàn tỉnh	Các cấp ủy Đảng, chính quyền, mặt trận tổ quốc và địa bàn trong tỉnh.	Các Sở, ban, ngành có liên quan của tỉnh Quảng Ninh, các tổ chức, cá nhân, cộng đồng hoạt động và sinh sống trên địa bàn tỉnh	Nhức của cộng đồng còn thấp - Sự phối hợp giữa các ngành, các cấp chưa thường xuyên, hiệu quả thấp. - Công tác tuyên truyền, giáo dục bảo vệ môi trường còn hạn chế. - BQL Vịnh Hạ Long không có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính cũng là một hạn chế lớn đối với hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ Di sản Vịnh Hạ Long
121.	UBND tỉnh QN	1/10/1996	Quyết định số 2532 QĐ/UB	V/v "Ban hành quy chế quản lý khu vực bãi tắm Bãi Cháy - Thành phố Hạ Long". (thay QĐ số 2829 QĐ/UB ngày 13/12/1995)	Toàn tỉnh	Các cá nhân, tổ chức tham gia các hoạt động liên quan	UBND tỉnh, UBND t.phố Hạ Long, các Sở KH&CN&MT, KH&ĐT, các ban, ngành liên quan	
122.	UBND tỉnh QN	31/7/1997	Quyết định số 2495 QĐ/UB	V/v "Ban hành quy chế quản lý rừng thông nhựa đặc dụng tại thôn Khe Cát, xã Minh Thành, huyện Yên Hưng".	Hoạt động khai thác thông nhựa tạ thôn Khe Cát	Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khai thác thông nhựa tại thôn Khe Cát, xã Minh Thành, huyện Yên Hưng	UBND tỉnh QN, UBND huyện Yên Hưng, UBND xã Minh Thành, Sở NN&PTNT, Phòng NN&PTNT huyện Yên Hưng	
123.	UBND tỉnh QN	3/12/1997	Quyết định số 4311 QĐ/UB	V/v "Ban hành quy định về kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật".	Toàn tỉnh	Các cá nhân, tổ chức tham gia các hoạt động liên quan	UBND tỉnh, UBND t.phố Hạ Long, các Sở KH&CN&MT, Y Tế, các ban, ngành liên quan	
124.	UBND tỉnh QN	1998	Quyết định**	Chương trình Phát triển du lịch biển đảo Quảng Ninh giai đoạn 1998 – 2010 gồm: - Đánh giá hoạt động du lịch biển đảo thời gian qua. - Tiềm năng và tài nguyên phát triển du lịch biển đảo.	Toàn Tỉnh.	- Sở Du lịch - Ban QL VHL - Sở Giao thông - Sở KH&CN&MT. - Sở KH&ĐT. - UBND huyện Vân Đồn	Sở Du lịch, các sở ban ngành có liên quan	Tiến độ thực hiện còn chậm. Chưa thu hút được nhiều nhà đầu tư

BÁO CÁO PHÂN TÍCH THỂ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN QLTHVB VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM

=====

TT	Cơ quan ban hành	Ngày tháng năm	Tên văn bản	Mô tả nội dung chính	Mức độ Thực hiện	Đối tượng	Tổ chức thực hiện	Hạn chế
				<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình phát triển du lịch biển đảo Quảng Ninh. - Những giải pháp và chính sách cần thực hiện. 				
125.	UBND tỉnh QN	12/2/1998	Quyết định số 375/QĐ/UB	V/v "Ban hành quy định bảo vệ, quản lý, khai thác sản xuất cung cấp và sử dụng nguồn nước máy trong tỉnh Quảng Ninh	Toàn tỉnh	Các cá nhân, tổ chức tham gia các hoạt động liên quan	UBND tỉnh, UBND thành phố Hạ Long, các Sở KH&CN&MT, Y Tế, KH&ĐT, Cty Kinh doanh Nước sạch, các ban, ngành liên quan	
126.	UBND tỉnh QN	23/2/1998	Quyết định số 747/QĐ/UB	V/v "Ban hành quy định về quản lý thuốc thú y".	Toàn tỉnh	Các cá nhân, tổ chức tham gia các hoạt động liên quan	UBND tỉnh, UBND tpố Hạ Long, các Sở KH&CN&MT, Y Tế, KH&ĐT, các ban, ngành liên quan	
127.	UBND tỉnh QN	6/8/1998	Quyết định của số 2055/QĐ/UB	V/v "Phân công trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải trên Vịnh Hạ Long".	Toàn tỉnh	Các cá nhân, tổ chức tham gia các hoạt động liên quan	UBND tỉnh, UBND tHạ Long, các Sở KH&CN&MT, Y Tế, KH&ĐT, Cty VSinh MTrưởng, các ban, ngành liên quan	
128.	UBND tỉnh QN	31/8/1998	Quyết định số 2287/QĐ/UB	V/v "Ban hành quy định phối hợp các lực lượng giải quyết sự cố tràn xăng dầu và PCCC tại Cảng dầu B12".	Toàn tỉnh	Các cá nhân, tổ chức tham gia các hoạt động liên quan	UBND tỉnh, UBND tpố Hạ Long, Giám đốc Cảng B12, Cảnh sát PCCC, các Sở, ban, ngành liên quan	
129.	UBND tỉnh QN	10/11/1998	Quyết định số 2894/QĐ/UB	V/v "Ban hành quy chế về quản lý thuốc thú y".	Toàn tỉnh	Các cá nhân, tổ chức tham gia các hoạt động liên quan	UBND tỉnh, UBND tpố Hạ Long, các Sở KH&CN&MT, Y Tế, KH&ĐT, các ban, ngành liên quan	
	UBND tỉnh QN	02/3/1999	Quyết định số 419/QĐ-UB	<p>Quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của BQL Vịnh Hạ Long:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan trực thuộc tỉnh, giúp UBND tỉnh quản lý Nhà nước Di sản thế giới Vịnh Hạ Long, chịu sự quản lý, chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ VH&TT và Ủy ban UNESCO Việt Nam. - Xây dựng kế hoạch phát triển, bảo tồn và tôn tạo Di sản. - Phối hợp với các ngành chức năng bảo vệ môi trường, cảnh quan, trật tự trị an trên Vịnh - Nghiên cứu, lập hồ sơ khoa học phổ 	Trong phạm vi Vịnh Hạ Long, cách bờ 500m	Ban Quản lý Vịnh Hạ Long và các cơ quan, tổ chức có liên quan	UBND Tỉnh, Ban Tổ chức Chính quyền tỉnh, Sở TChính – Vật giá, Sở KH&ĐT, Sở LĐ-TB&XH, UBND các huyện thị xã, tpố thuộc tỉnh, các ngành có liên quan và BQL Vịnh Hạ Long	

BÁO CÁO PHÂN TÍCH THỂ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN QLTHVB VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM

TT	Cơ quan ban hành	Ngày tháng năm	Tên văn bản	Mô tả nội dung chính	Mức độ Thực hiện	Đối tượng	Tổ chức thực hiện	Hạn chế
				<i>biên về giá trị Di sản, hợp tác Q tế Tổ chức dịch vụ du lịch</i>				
130.	UBND tỉnh QN	23/3/1999	Quyết định số 629/QĐ/UB	V/v "Ban hành quy định về công tác phòng cháy, chữa cháy rừng".	Toàn tỉnh	Các cá nhân, tổ chức tham gia các hoạt động liên quan	UBND tỉnh, UBND tpố Hạ Long, Sở NN&PTNT, Sở KH&ĐT, Cảnh sát PCCC, các Sở, ban, ngành liên quan	
131.	UBND tỉnh QN	23/3/1999	Quyết định số 631/1999/QĐ-UB	Ban hành Quy định về đăng ký tàu cá và thuyền viên, quy định đăng ký các loại phương tiện: tàu, thuyền, canô, xà lan, các phương tiện nổi khác có động cơ hoặc không có động cơ dùng vào mục đích khai thác, chế biến, nuôi trồng, vận chuyển, điều tra thăm dò nguồn lợi thủy sản,... hoạt động trong các vùng biển, sông, hồ	Các vùng hồ, sông, biển của tỉnh Quảng Ninh	Mọi tổ chức cá nhân có phương tiện nổi tham gia khai thác, chế biến, nuôi trồng, vận chuyển, điều tra thăm dò nguồn lợi thủy sản,... trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Sở Thủy sản, Chi cục BVNLTS tỉnh Quảng Ninh hướng dẫn thực hiện. Trạm BVNLTS, Cơ quan quản lý thủy sản cấp huyện kiểm tra và cấp giấy phép.	
132.	UBND tỉnh QN	15/6/1999	Quyết định số 1340/QĐ/UB	V/v "Ban hành quy định tạm thời tiêu chuẩn tàu chở khách tham quan Vịnh Hạ Long" (đóng mới, hoán cải, phát triển và sử dụng) nhằm đảm bảo an toàn, thẩm mỹ, văn minh du lịch và bảo vệ môi trường, giữ gìn cảnh quan di sản	Toàn tỉnh	Các cá nhân, tổ chức tham gia các hoạt động liên quan	UBND tỉnh, UBND tpố Hạ Long, BQL Vịnh Hạ Long, các Sở GTVT, Du lịch, các ban, ngành liên quan	
133.	UBND tỉnh QN	30/5/2001	Quyết định số 1445/2001/QĐ-UB	V/v "Ban hành điều lệ Khu công nghiệp Cái Lân"	Toàn tỉnh	Các cá nhân, tổ chức tham gia các hoạt động liên quan	UBND tỉnh, UBND tpố Hạ Long, BQL Vịnh Hạ Long, Sở Công nghiệp, Sở GTVT, Sở Du lịch, các ban, ngành liên quan	
134.	UBND tỉnh QN	25/10/2001	Quyết định số 3981/QĐ-UB	về phê duyệt địa điểm nuôi trồng hải sản bằng lồng bè trên Vịnh Hạ Long. Quy hoạch địa điểm nuôi hải sản bằng lồng bè trên vùng biển thuộc Vịnh Hạ Long và Bái Tử Long.	Trên vùng biển thuộc Vịnh Hạ Long và Bái Tử Long.	Các cơ quan, doanh nghiệp, hộ dân nuôi trồng thủy sản trên Vịnh Hạ Long	Sở Thủy sản chủ trì phối hợp với Sở LĐ-TB&XH, UBND Tpố Hạ Long, UBND Txá Cẩm Phả hướng dẫn các hộ dân thực hiện; Sở Xây dựng chủ trì phối hợp cùng các ngành liên quan đề xuất hình thức cấp giấy phép...	Các hộ dân không tuân thủ quy hoạch nuôi hải sản bằng lồng bè đã được duyệt và ban hành nên đã gây ra sự bùng phát các nhà bè trên Vịnh, gây nguy cơ ô nhiễm môi trường, mất mỹ quan
135.	UBND tỉnh QN	1/11/2001	Quyết định của số 1672/QĐ/UB	V/v "Triển khai thực hiện kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố tràn dầu".	Toàn tỉnh	Các cá nhân, tổ chức tham gia các hoạt động liên quan	UBND tỉnh, UBND tpố Hạ Long, BQL Vịnh Hạ Long, các Sở Công	

BÁO CÁO PHÂN TÍCH THỂ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN QLTHVB VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM

TT	Cơ quan ban hành	Ngày tháng năm	Tên văn bản	Mô tả nội dung chính	Mức độ Thực hiện	Đối tượng	Tổ chức thực hiện	Hạn chế
							ng nghiệp, KH&ĐT, GTVT, Du lịch, các ban, ngành liên quan	
136.	UBND tỉnh QN	31/10/2001	Quyết định số 1672/QĐ/UB	V/v "Phê duyệt dự án bảo tồn, tôn tạo cảnh quan môi trường, xây dựng các công trình phục vụ nội vi khu di tích Yên Tử".	Toàn tỉnh	Các cá nhân, tổ chức tham gia các hoạt động liên quan	UBND tỉnh, UBND tpố Hạ Long, BQL Vịnh Hạ Long, Sở GTVT, Sở Du lịch, các ban, ngành liên quan	
137.	UBND tỉnh QN	22/5/2002	Quyết định số 1672/QĐ/UB	V/v "Phê duyệt dự án xây dựng khu bảo tồn thiên nhiên Đồng Sơn – Kỳ Thượng, huyện Hoành Bồ".	Toàn tỉnh	Các cá nhân, tổ chức tham gia các hoạt động liên quan	UBND tỉnh, UBND huyện Hoành Bồ, BQL Vịnh Hạ Long, các Sở GTVT, Du lịch, KH&ĐT, Sở KH&CN&MT, các ban, ngành liên quan	
138.	UBND tỉnh QN	18/12/2002	Quyết định số 1892/QĐ - UB	Về việc bảo vệ rừng ngập mặn, hạn chế chuyển mục đích sử dụng sang nuôi trồng thủy sản	Ưu tiên cao trong toàn tỉnh	Rừng ngập mặn	Sở NN&PTNT, Kiểm lâm, thủy sản, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thủy sản, san lấp mặt bằng	Thực hiện còn chậm
139.	UBND tỉnh QN	22/10/2003	Quyết định **	"V/v ban hành Quy chế tạm thời về quản lý, khai thác, sử dụng bãi tắm du lịch trên địa bàn tỉnh	Toàn tỉnh	UBND phường, xã nơi có bãi tắm du lịch. UBND huyện, thị xã, thành phố và các Sở, ban ngành có liên quan	Các tổ chức; Sở Du lịch	
140.	UBND tỉnh QN	2001, 2002, 2003	Quyết định	Phê duyệt kế hoạch xây dựng cơ bản các năm các công trình BVMT nguồn vốn Quỹ môi trường của ngành than.	Toàn tỉnh	Các Sở, ban, ngành liên quan	UBND Tỉnh QN	
141.	UBND tỉnh QN	21/3/1995	Chỉ thị 522 CT/UB	V/v " Tăng cường quản lý, bảo vệ khu di tích danh thắng Vịnh Hạ Long".	Toàn tỉnh	Các cá nhân, tổ chức tham gia các hoạt động liên quan	UBND tỉnh, UBND tpố Hạ Long, các Sở KH&CN&MT, Du lịch, KH&ĐT, các ban ngành liên quan	
142.	UBND tỉnh QN	4/8/1995	Chỉ thị số 1683 CT/UB	V/v " Đánh giá tác động của dự án kinh tế - kỹ thuật đối với môi trường".	Toàn tỉnh	Các cá nhân, tổ chức tham gia các hoạt động liên quan	UBND tỉnh, UBND thành phố Hạ Long, Sở KH&CN&MT, Sở KH&ĐT, các ban, ngành liên quan	
143.	UBND tỉnh QN	1/10/1996	Chỉ thị số 2523 CT/UB	V/v " Tăng cường quản lý, bảo đảm trật tự ngăn chặn khai thác, kinh doanh than trái phép tái diễn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh".	Toàn tỉnh	Các cá nhân, tổ chức tham gia các hoạt động liên quan	UBND tỉnh, UBND tpố Hạ Long, các Sở KH&CN&MT, Công nghiệp, KH&ĐT, các ban, ngành liên quan	
144.	UBND tỉnh QN	31/7/1995	Chỉ thị 1633 CT/UB	Tăng cường bảo vệ, quản lý vịnh Hạ Long	Toàn tỉnh	Các cấp, ngành, doanh nghiệp, cộng đồng...	Sở KH&CN&MT, BQL Vịnh Hạ Long...	
145.	UBND	04/8/1995	Chỉ thị số 1683	Đánh giá tác động của dự án kinh tế -	Toàn tỉnh	Các cấp, ngành, doanh	Sở TN&MT phối hợp với	

BÁO CÁO PHÂN TÍCH THỂ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN QLTHVB VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM

=====

TT	Cơ quan ban hành	Ngày tháng năm	Tên văn bản	Mô tả nội dung chính	Mức độ Thực hiện	Đối tượng	Tổ chức thực hiện	Hạn chế
	tỉnh QN		CT/UB	kỹ thuật đối với môi trường		ng nghiệp, cộng đồng...	Sở KH&ĐT và các Sở, ban, ngành liên quan trong tỉnh thực hiện	
146.	HDND tỉnh QN		Nghị quyết khóa X, kỳ họp thứ 8	Quản lý môi trường vịnh Hạ Long	Toàn tỉnh	Các cấp, ngành, doanh nghiệp, cộng đồng...	Các sở ban ngành trong tỉnh	
147.	Tỉnh ủy QN	18/9/1998	Thông tri 24-TTr/TU	V/v "Chỉ đạo thực hiện chỉ thị 36 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác bảo vệ môi trường".	Toàn tỉnh	Các cá nhân, tổ chức có hoạt động ảnh hưởng đến môi trường	Tỉnh ủy QN, UBND tỉnh QN, Các Sở, ban, ngành liên quan	
148.	Sở Giao thông - Vận tải	20/9/1998	Quy định tạm thời 942/1998 GT/KH	V/v "Tổ chức quản lý các xe vận chuyển than trên đường giao thông công cộng"	Toàn tỉnh	Các cá nhân, tổ chức có hoạt động khai thác, vận chuyển, mua bán than	Sở GTVT	
149.	UBND tỉnh QN	17/10/1998	Chỉ thị số 40/1998 CT-UB	V/v " Nghiêm cấm sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản"	Toàn tỉnh	Các cá nhân, tổ chức có hoạt động khai thác thủy hải sản	UBND Tỉnh QN, Sở Thủy sản	
150.	UBND tỉnh QN	10/11/1998	Chỉ thị số 43 CT-UB	V/v " Tăng cường quản lý về sử dụng thuốc BVTV"	Toàn tỉnh	Các cá nhân, tổ chức tham gia các hoạt động liên quan	UBND tỉnh, UBND thành phố Hạ Long, các Sở KH&CN&MT, Công nghiệp, KH&ĐT, các ban, ngành liên quan	
151.	UBND tỉnh QN	Hàng năm	Các Chỉ thị	V/v hưởng ứng Tháng hành động vì môi trường và nước sạch, Ngày Môi trường Thế giới và Chiến dịch làm sạch Thế giới hàng năm	Toàn tỉnh	Các cá nhân, tổ chức tham gia các hoạt động liên quan	UBND tỉnh, UBND tpố Hạ Long, các Sở KH&CN&MT, Công nghiệp, KH&ĐT, các ban, ngành liên quan	
152.	UBND tỉnh QN	Năm 2000	Chỉ thị số 28/2002/CT-UB	V/v đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục cộng đồng tham gia bảo vệ Di sản Vịnh Hạ Long. <i>Yên cầu, nhiệm vụ và các biện pháp lôi cuốn sự tham gia của cộng đồng vào công tác bảo tồn di sản thiên thế giới Vịnh Hạ Long</i>	Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể trong tỉnh	Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, nhân dân tỉnh Quảng Ninh	BQL Vịnh Hạ Long, các Sở ban ngành: VHHT, Giáo dục, ...	
153.	UBND tỉnh QN	Năm 2002	Chỉ thị số 16/2002/CT-UB	Về tăng cường quản lý các hoạt động sản xuất - kinh doanh và dịch vụ trên Vịnh Hạ Long	Toàn tỉnh	Các ngành: Du lịch, Thương mại, GTVT, KH&ĐT, Tài chính - Vật giá, Thủy sản, KH&CN, TN&MT, Y tế, LĐ-TB&XH, Công An Tỉnh, BQL Vịnh Hạ Long, Cảng vụ Quảng Ninh, Cục thuế Tỉnh, Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ninh và khu vực tpố Hạ Long, xã Cẩm Phả, huyện Vân Đồn, Yên Hưng, Hoàn	Phối hợp kiểm tra liên ngành thường kỳ, thường xuyên	

BÁO CÁO PHÂN TÍCH THỂ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN QLTHVB VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM

=====

TT	Cơ quan ban hành	Ngày tháng năm	Tên văn bản	Mô tả nội dung chính	Mức độ Thực hiện	Đối tượng	Tổ chức thực hiện	Hạn chế
						Bổ.		
154.	UBND tỉnh QN	3/11/1999	Chỉ đạo tại văn bản số 1435/UB	V/v “Thực hiện quyết định ban hành Quy chế BVMT ngành xây dựng”.	Toàn tỉnh	Các cá nhân, tổ chức tham gia các hoạt động liên quan	UBND tỉnh, UBND thành phố Hạ Long, các Sở KHCN&MT, Công nghiệp, KH&ĐT, các ban, ngành liên quan	
155.	UBND tỉnh QN	9/9/2002	Chỉ đạo tại văn bản số 166/TB-UB	V/v “Khai thác than tại mỏ Khe Chuối (Đông Triều), Quảng La, Tân Dân (Hoành Bồ), Kế Bào (Vân Đồn), và một số dự án	Toàn tỉnh	Các cá nhân, tổ chức tham gia các hoạt động liên quan	UBND tỉnh, UBND tpố Hạ Long, các Sở KHCN&MT, Công nghiệp, KH&ĐT, các ban, ngành liên quan	
156.	UBND tỉnh QN	9/9/2002	Chỉ đạo tại văn bản số 166/TB-UB	V/v cải tạo môi trường, phát triển hạ tầng tại Quảng Ninh của Tổng Công ty Than Việt Nam	Toàn tỉnh	Các cá nhân, tổ chức tham gia các hoạt động khai thác, vận chuyển và mua bán than tại Quảng Ninh	UBND tỉnh, các Sở KHCN&MT, Công nghiệp, KH&ĐT, các ban, ngành liên quan	
157.	UBND tỉnh QN	25/10/2002	Chỉ đạo tại văn bản số 198/TB-UB	V/v “Các biện pháp ngăn chặn tình trạng khai thác, kinh doanh than trái phép trên địa bàn; khai thác và xây dựng hạ tầng khai thác than tại thị xã Uông Bí, các huyện: Hoành Bồ, Vân Đồn”.	Toàn tỉnh	Các cá nhân, tổ chức tham gia các hoạt động khai thác, vận chuyển và mua bán than tại Quảng Ninh	UBND tỉnh, UBND tpố Hạ Long, UBND huyện Hoành Bồ và Vân Đồn, các Sở KHCN&MT, Công nghiệp, KH&ĐT, các ban, ngành liên quan	
158.	UBND tỉnh QN	6/2/2003	Chỉ đạo tại văn bản số 241/UB	V/v “Lắp đặt và ứng dụng thiết bị tách lọc dầu cho tàu thuyền”	Toàn tỉnh	Các cá nhân, tổ chức có sử dụng tàu thuyền trong phạm vi tỉnh Quảng Ninh	UBND tỉnh, các Sở Thủy sản, KHCN&MT, GTVT, Công nghiệp, KH&ĐT, các ban, ngành liên quan	
159.	UBND tỉnh QN			Kế hoạch BVMT của tỉnh đến 2005 và nhiều văn bản khác	Toàn tỉnh	Các cá nhân, tổ chức	UBND tỉnh, các Sở KHCN&MT, Công nghiệp, KH&ĐT, các ban, ngành liên quan	
	UBND tỉnh QN	01/12/2003	Kế hoạch số 2018/KH-UB	Kế hoạch bảo vệ Môi trường Quảng Ninh đến năm 2010: <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm soát nguồn gây ô nhiễm - Tập trung xử lý ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, hoàn nguyên môi trường - Phòng chống và ứng cứu sự cố môi trường - Bảo vệ, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên (đất, nước, khoáng sản, rừng, rừng ngập mặn) và ĐDSH - Nâng cao năng lực quản lý môi trường, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng, lồng ghép vấn đề môi trường vào quy hoạch phát triển, huy 	Toàn tỉnh	Các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, đoàn thể xã hội, cộng đồng... trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Sở TN&MT hướng dẫn, theo dõi và tổng hợp đánh giá kết quả để kịp thời điều chỉnh, bổ sung phù hợp với điều kiện thực tế. Tổ chức thực hiện được yêu cầu chi tiết đối với từng ngành chức năng.	Tiêu chí cụ thể của kế hoạch rất cao, trong khi nguồn nhân lực, tài chính và năng lực quản lý môi trường còn rất hạn chế. Công tác tổ chức thực hiện đòi hỏi sự phối hợp nhuần nhuyễn, đồng thuận giữa các bên liên quan

BÁO CÁO PHÂN TÍCH THỂ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN QLTHVB VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM

=====

TT	Cơ quan ban hành	Ngày tháng năm	Tên văn bản	Mô tả nội dung chính	Mức độ Thực hiện	Đối tượng	Tổ chức thực hiện	Hạn chế
				<i>động nguồn tài chính cho hoạt động bảo vệ môi trường</i>				
160.	Ban thường vụ Tỉnh ủy QN	Năm 2001	Nghị quyết số 08 - NQ/TU	về đổi mới và phát triển du lịch Quảng Ninh giai đoạn 2001-2010 <i>Đánh giá tình hình hoạt động du lịch Quảng Ninh những năm qua; Quan điểm, mục tiêu và các giải pháp phát triển du lịch Quảng Ninh đến năm 2010; và Tổ chức thực hiện.</i>	Toàn Tỉnh	Các cấp ủy Đảng, chính quyền, mặt trận tổ quốc và các đoàn thể, và các địa phương, đơn vị	Trong từng thời kỳ và định kỳ kiểm tra đánh giá thực hiện Nghị quyết	
161.	Ban thường vụ Tỉnh ủy QN	Năm 2001	Nghị quyết số 09 – NQ/TU	về công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị Vịnh Hạ Long đến năm 2005. <i>Tổng kết những kết quả bước đầu từ khi Vịnh Hạ Long được công nhận là Di sản thế giới; Quan điểm nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu về quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị Vịnh Hạ Long đến năm 2005; và Tổ chức thực hiện.</i>	Toàn tỉnh.	Các cấp ủy Đảng, chính quyền, mặt trận tổ quốc và các đoàn thể và các địa phương, đơn vị.	Tổ chức thực hiện định kỳ	
	HĐND Tỉnh QN, khoá X - kỳ họp thứ 8	29/7/2003	Nghị Quyết số 117/NQ-HĐ	Một số chủ trương, giải pháp tăng cường công tác quản lý bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ninh đến 2010: <i>Tập trung nguồn lực đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường, không để chất lượng môi trường bị suy giảm Ưu tiên cao cho công tác quy hoạch, sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ sức khoẻ cộng đồng Lôi kéo sự tham gia của tất cả các ngành kinh tế, cơ quan chức năng, UBND các cấp, tổ chức, cộng đồng và cá nhân</i>	Toàn tỉnh	Các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, đoàn thể xã hội, cộng đồng... trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Các Sở, Ban, Ngành trên địa bàn tỉnh	Cơ chế phối hợp giữa các bên liên quan chưa cụ thể, rõ ràng Nhận thức về yêu cầu quản lý tài nguyên và môi trường chưa được quán triệt tới các cấp hành chính và ngành chức năng Khả năng khuyến khích sự tham gia của các bên liên quan còn chưa cao
162.	Ban QL VHL	Năm 2001	Quy chế phối hợp giữa đội Thanh tra giao thông lưu động và đội Kiểm tra – BQL Vịnh Hạ	V/v đảm bảo trật tự an toàn giao thông và bảo vệ giá trị Di sản Vịnh Hạ Long : <i>Phối hợp kiểm tra, ngăn ngừa và xử lý các phương tiện hoạt động chở khách vi phạm về trật tự an toàn giao thông và</i>	Đảm bảo trật tự án toàn giao thông đường thuỷ và nội địa và bảo vệ các giá	Công ty quản lý bến tàu - bến xe Quảng Ninh và Ban quản lý Vịnh Hạ Long	Tổ chức thực hiện hàng tháng và họp định kỳ hàng quý và cuối năm.	

BÁO CÁO PHÂN TÍCH THỂ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN QLTHVB VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM

=====

TT	Cơ quan ban hành	Ngày tháng năm	Tên văn bản	Mô tả nội dung chính	Mức độ Thực hiện	Đối tượng	Tổ chức thực hiện	Hạn chế
			Long	<i>những dấu hiệu vi phạm gây mất trật tự an toàn giao thông, hành vi xâm phạm đến giá trị di sản.</i>	trị Di sản VHL			
163.	BQL VHL, Công an Tỉnh, Sở GTVT, Sở Du lịch, Sở Thủy sản, Sở KHCN&MT và Chi cục Kiểm lâm	17/10/2002	Quy chế phối hợp liên ngành số 01/QC/PH	Quy chế phối hợp liên ngành giữa BQL VHL, Công an Tỉnh, Sở GTVT, Sở Du lịch, Sở Thủy sản, Sở KHCN&MT và Chi cục Kiểm lâm về bảo vệ Di sản thế giới Vịnh Hạ Long <i>Tuỳ theo đặc điểm tính chất, mục đích yêu cầu chức năng nhiệm vụ của từng ngành để có biện pháp, hình thức và nội dung thích hợp để phối hợp thực hiện quy chế.</i>	Toàn tỉnh	Các ban ngành có liên quan (được nêu trong Quy chế)	BQL Vịnh Hạ Long chủ trì trong việc so, tổng kết quy chế phối hợp (Định kỳ 1 năm 1 lần).	
164.	UBND TP Hạ Long, BQL VHL	Năm 2002	Chương trình phối hợp số 01/ CTPH giữa BQL VHL và UBND tpố Hạ Long trong việc giữ gìn, bảo tồn và phát huy giá trị của Di sản Vịnh Hạ Long	Tăng cường phối hợp giữa BQL Vịnh Hạ Long và UBND tpố trong việc giữ gìn bảo tồn và phát huy giá trị Di sản Vịnh Hạ Long trong việc: tuyên truyền giáo dục cộng đồng, kiểm tra, xử lý những hành vi xâm hại Di sản, quản lí môi trường và phối hợp để phòng chống thiên tai, tai nạn và giải quyết hậu quả sự cố do thiên tai, tai nạn bất ngờ xảy ra trên Vịnh Hạ Long.	Trong phạm vi Thành phố Hạ Long và Khu di sản thiên nhiên Vịnh Hạ Long	UBND TP Hạ Long và BQL Vịnh Hạ Long	BQL Vịnh Hạ Long và UBND TPố Hạ Long thành lập 4 tổ công tác: Tuyên truyền, Kiểm tra, Quản lý Môi trường, Phòng chống thiên tai và sự cố	

Bảng 1: PHỤ LỤC 4: MỘT SỐ PHIẾU PHÂN TÍCH

Bước 1: ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CHÍNH SÁCH

Tên chính sách: *Quyết định số 988/TTg ngày 30/12/1996 về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 1996 - 2010*

	Xác định	Phạm vi	Thời lượng	Mức độ
Tài chính	Ngân sách Trung ương Ngân sách địa phương		Từ 1996 đến năm 2010	
Hành chính	UBND tỉnh Quảng Ninh	Phạm vi rộng		Tần suất hoạt động hành chính liên tục
Lợi ích	Tổ chức và cá nhân; các thành phần kinh tế của tỉnh Quảng Ninh	Toàn bộ nhân dân tỉnh Quảng Ninh	Trong thời gian dài	Phát triển nhanh, ổn định, ổn định kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng
Thiệt hại				
Gián tiếp				
Địa lý	Tỉnh Quảng Ninh	Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc và toàn vùng Bắc Bộ		Kết nối sự phát triển của Tỉnh với sự phát triển của vùng kinh tế trọng điểm
Tượng trưng			Kéo dài trong thời gian từ 1996- 2010	

Bước 2 : PHÂN TÍCH VỊ THẾ CỦA ĐỐI TÁC CHÍNH

Tên chính sách: *Quyết định số 988/TTg ngày 30/12/1996 về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 1996 - 2010*

Thái độ Tên Tổ chức	Ủng hộ			Trung gian	Phản đối		
	Cao	TBình	Thấp		Cao	TBình	Thấp
Tổ chức Q tế	X						
UBND tỉnh,	X						
HĐND các cấp	X						
Doanh nghiệp,		x					
Hội phụ nữ, đoàn thanh niên,....		x					

Bước 3: PHÂN TÍCH CÁC NHÓM ĐỐI TÁC

Tên chính sách: *Quyết định số 988/TTg ngày 30/12/1996 về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 1996 - 2010*

Tên tổ chức/cá nhân	Các mục tiêu	Mức độ ưu tiên		
		Cao	Trung bình	Thấp
1/ UBND tỉnh Quảng Ninh	Để quản lý triển khai thực hiện chính sách	X		
2/ Các Bộ, ngành ở TW	Phối hợp và giúp đỡ		X	
3/Tổ chức, Nhân dân địa phương	Tuân thủ chính sách		X	
4. Tổ chức khác	Tuân thủ chính sách		X	

Bước 5: ĐÁNH GIÁ CHUYỂN DỊCH

Các chuyển dịch	Các cơ hội ảnh hưởng	Viễn cảnh của ảnh hưởng		
		Rất tốt	Trung bình	ú
Tổ chức/ cơ quan thực hiện				
Môi trường tổ chức				
Môi trường Chính trị				

Bước 6: ĐỀ XUẤT CHIẾN LƯỢC CHO SỰ THAY ĐỔI

Tên chính sách: **Quyết định số 988/TTg ngày 30/12/1996 về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 1996 - 2010**

	Hành động	Mục tiêu	Vấn đề	Phúc lợi
Chiến lược tương trung				
UBND tỉnh Quảng Ninh	Có kế hoạch và biện pháp triển khai ngay việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện	Giám sát, kịp thời điều chỉnh Quy hoạch phù hợp phát triển chung của Vùng và cả nước		Cơ sở hạ tầng
Dư luận xã hội, nhân dân	Ủng hộ Chiến lược, làm theo Quy hoạch	Làm theo Quy hoạch phát triển kinh tế của tỉnh		
Chiến lược tích cực				
	Tạo ra cơ chế hoạt động phối hợp giữa các ngành ở địa phương	Phát triển bền vững	Khai thác tổng hợp tài nguyên	
Chiến lược tiêu cực				

Bảng 2: Phụ lục 5: Phiếu phân tích thể chế - chính sách liên quan đến QLVB Vịnh Hạ Long

TT	Tên văn bản	Nội dung	Điều khoản viện dẫn	Các yếu tố chịu tác động		
				Giá trị tài nguyên	ĐDSH	Chức năng các hệ sinh thái
1	Chỉ thị 36-CT/TW về Tăng cường công tác BVMT trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Mục tiêu	Mục A	x	x	x
		Các quan điểm cơ bản	Mục B	x	x	x
		Giải pháp thực hiện	Mục C	x	x	x
2	Luật BVMT	Phòng chống suy thoái môi trường, ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường	Điều 9	x	x	x
			Điều 12	x	x	x
			Điều 13	x	x	x
			Điều 14	x	x	x
			Điều 16	x	x	x
			Điều 17	x	x	x
			Điều 18	x	x	x
			Điều 19	x	x	x
			Điều 20	x	x	x
			Điều 21	x	x	x
			Điều 22	x	x	x
			Điều 24	x	x	x
			Điều 26	x	x	x
		Điều 29 (khản 3, 7)	x	x	x	
		Khắc phục suy thoái môi trường, ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường	Điều 30	x	x	x
			Điều 31	x	x	x
			Điều 32	x	x	x
			Điều 34	x	x	x
			Điều 35	x	x	x
		Quản lý nhà nước về BVMT	Điều 37		x	x
			Điều 38	x	x	x
Điều 40	x		x	x		
Điều 41				x		
Khen thưởng và xử lý vi phạm	Điều 49			x		
	Điều 50			x		
	Điều 51			x		

BÁO CÁO PHÂN TÍCH THỂ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN QLTHVB VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM

=====

			Điều 52			x
		Điều khoản thi hành	Điều 53	x		
3	Luật Tài nguyên nước	Các quy định chung	Điều 4	x	x	x
			Điều 5 (khoản 2, 4)	x	x	x
			Điều 6	x		
			Điều 9	x		
			Điều 10	x	x	x
		Bảo vệ Tài nguyên nước	Điều 13	x	x	x
			Điều 15	x	x	x
			Điều 16		x	x
			Điều 18	x	x	x
			Điều 19	x	x	x
			Điều 21		x	
		Khai thác, sử dụng tài nguyên nước	Điều 23 (khoản 1, điểm d)	x	x	x
			Điều 27			x
			Điều 28	x		x
			Điều 30 (khoản 4)	x		x
			Điều 31	x		x
		Quan hệ quốc tế về tài nguyên nước	Điều 53	x	x	x
Điều 54			x	x		
Điều 55	x					
Điều 56	x					
Quản lý Quốc tế về Tài nguyên nước	Điều 57	x		x		
4	Quyết định 415-TTg v/v Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thanh tra BVNLTS	Nhiệm vụ, quyền hạn của thanh tra BVNLTS	Điều 5	x	x	x
			Điều 6	x	x	x
5	Quyết định 163/1998/QĐ-TTg v/v Ban hành Quy chế khai thác tài nguyên dầu khí	Kế hoạch phát triển mỏ và các hoạt động khai thác mỏ	Điều 5	x	x	x
			Điều 6	x	x	x
			Điều 7	x	x	x
			Điều 9	x	x	x
		Vận hành giếng phát triển	Điều 22	x	x	x
			Điều 24	x	x	x
		Yêu cầu về bảo vệ tài nguyên	Điều 26	x		
Điều 27	x					

BÁO CÁO PHÂN TÍCH THỂ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN QLTHVB VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM

=====

			Điều 29	x				
			Điều 30	x				
			Điều 31	x	x	x		
		Yêu cầu về xây dựng công trình khai thác	Điều 47	x	x	x		
			Điều 48	x	x	x		
			Điều 49	x	x	x		
			Điều 53	x	x	x		
			Điều 54	x	x	x		
			Điều 55	x	x	x		
			Các vấn đề về môi trường	Điều 56	x	x	x	
		Điều 57		x	x	x		
		Điều 58		x	x	x		
		Điều 59		x	x	x		
		Điều 60		x	x	x		
		Điều 61		x	x	x		
		Điều 62		x	x	x		
		Các hoạt động sản xuất khác	Điều 63	x	x	x		
			Điều 64, khoản 2	x	x	x		
			Điều 65	x	x	x		
			Điều 66	x	x	x		
			Điều 70	x	x	x		
			Điều 72	x	x	x		
		Ghi chép báo cáo	Điều 73	x	x	x		
			Điều 79	x	x	x		
			Điều 80	x	x	x		
			Điều 82	x	x	x		
			Điều 86	x	x	x		
		Điều khoản thi hành	Điều 92	x	x	x		
			Điều 96	x	x	x		
		6	Quyết định 41/1999/QĐ-TTg v/v Ban hành Quy chế an toàn trong các hoạt động dầu khí	Các yêu cầu về vận hành công trình	Điều 25	x	x	x
					Điều 26	x	x	x
Điều 27	x				x	x		
Điều 28	x				x	x		
Điều 29	x				x	x		
Điều 30	x				x	x		
Điều 31	x				x	x		
Điều 35	x				x	x		

BÁO CÁO PHÂN TÍCH THỂ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN QLTHVB VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM

=====

			Điều 36	x	x	x
			Điều 37	x	x	x
			Điều 38	x	x	x
			Điều 39	x	x	x
		Quản lý nhà nước và thanh tra an toàn	Điều 47	x	x	x
			Điều 48	x	x	x
			Điều 49	x	x	x
		Khen thưởng và xử lý vi phạm	Điều 52			x
			Điều 54			x
7	Quyết định 224/1999/QĐ-TTg v/v Phê duyệt Chương trình phát triển thủy sản thời kỳ 1999 - 2010	Nguyên tắc chỉ đạo	Điều 1, khoản 2	x	x	x
		Tăng cường hợp tác về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực: sinh sản nhân tạo, di truyền, chọn giống, phòng ngừa dịch bệnh, xử lý môi trường	Điều 1, khoản 4, điểm 10	x	x	x
8	Quyết định 129/2001/QĐ-TTg v/v Phê duyệt kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố tràn dầu giai đoạn 2001 - 2010	Nội dung kế hoạch	Điều 1	x	x	x
		Tổ chức thực hiện kế hoạch	Điều 2	x	x	x
9	Nghị định 175-CP v/v Thi hành Luật Bảo vệ Môi trường	Phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; trách nhiệm của tổ chức và cá nhân đối với công tác bảo vệ môi trường	Điều 4			
			Điều 5			
			Điều 6			
			Điều 7			
			Điều 8			
		ĐTM	Điều 9	x	x	x
			Điều 12	x	x	x
			Điều 17	x	x	x
			Điều 20	x	x	x
		Phòng, chống, khắc phục suy thoái môi trường, ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường	Điều 21	x	x	x
			Điều 22	x	x	x
			Điều 23	x	x	x
			Điều 24	x	x	x
			Điều 25	x	x	x
			Điều 26, khoản 1, 2	x	x	x
			Điều 31	x	x	x
		Nguồn tài chính cho nhiệm vụ bảo vệ môi trường	Điều 33	x	x	x
			Điều 34	x	x	x
			Điều 35	x	x	x

BÁO CÁO PHÂN TÍCH THỂ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN QLTHVB VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM

=====

			Điều 36	x	x	x
		Thanh tra bảo vệ môi trường	Điều 37	x	x	x
10	Nghị định 36/1999/NĐ-CP v/v Quy định về Xử phạt vi phạm hành chính trong vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước CHXHCN Việt Nam	Những quy định chung	Điều 2	x	x	x
			Điều 3	x	x	x
			Điều 7	x		
			Điều 8	x		
		Vi phạm về an ninh, trật tự an toàn trên biển	Điều 9	x		
			Điều 10	x		
			Điều 17	x		
			Điều 18	x		
		Vi phạm về bảo vệ môi trường biển	Điều 22	x	x	x
			Điều 23	x	x	x
			Điều 25	x	x	x
			Điều 26	x	x	x
		Vi phạm về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản	Điều 27	x	x	x
			Điều 28	x	x	x
Điều 29	x					
Vi phạm trong các lĩnh vực khác	Điều 33	x	x	x		
11	Nghị định 179/1999/NĐ-CP v/v Quy định việc thi hành Luật Tài nguyên nước	Khai thác, sử dụng tài nguyên nước	Điều 8	x		
			Điều 9	x		x
			Điều 12	x		x
		Quản lý nhà nước về tài nguyên nước	Điều 13	x		x
			Điều 15	x		x
			Điều 16	x		x
12	Nghị định 48/2000/NĐ-CP v/v Quy định chi tiết việc thi hành Luật dầu khí	Các tiêu chuẩn được áp dụng	Điều 6	x	x	x
		Các tài liệu về môi trường an toàn	Điều 7	x		x
		Các yêu cầu về bảo vệ môi trường và an toàn	Điều 8	x	x	x
		Trách nhiệm khi xảy ra sự cố	Điều 9	x		
		Các yêu cầu bảo tồn tài nguyên	Điều 10	x		
		Các quy định trong khi khoan	Điều 12, khoản 4	x		
		Quy định về khai thác dầu khí	Điều 13	x		x
		Bảo hiểm dầu khí	Điều 16	x		
Trách nhiệm báo cáo của Tổng công ty Dầu khí	Điều 17, khoản 4, 5	x		x		
	Nghị định 26-CP v/v Quy định xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường	Vi phạm về phòng ngừa ô nhiễm và suy thoái môi trường	Điều 6	x	x	x
		Vi phạm về bảo vệ đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên	Điều 7	x	x	x

BÁO CÁO PHÂN TÍCH THỂ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN QLTVB VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM

		Vi phạm về khai thác động thực vật quý hiếm thuộc danh mục do Bộ Thủy sản công bố	Điều 8	x	x	x
		Vi phạm về phòng tránh sự cố môi trường trong tìm kiếm, thăm dò, khai thác vận chuyển dầu khí	Điều 12	x	x	x
		Vi phạm về vận chuyển và xử lý nước thải, rác thải	Điều 15	x	x	x
		Vi phạm trong việc khắc phục hậu quả sự cố môi trường	Điều 19	x	x	x
	Nghị định 78-CP v/v Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật	Nguyên tắc xử phạt	Điều 3	x	x	x
		Xử phạt các hành vi vi phạm các quy định về kiểm dịch thực vật	Điều 7	x	x	x
		Xử phạt các hành vi vi phạm các quy định về khử trùng	Điều 8	x	x	x
		Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về thuốc bảo vệ thực vật	Điều 9	x	x	x
		Xử phạt các hành vi vi phạm các quy định về quản lý hành chính về bảo vệ và kiểm dịch thực vật	Điều 10	x	x	x
	Nghị định 68-CP v/v Quy định chi tiết việc thi hành Luật Khoáng sản	Nghĩa vụ của các tổ chức khai thác khoáng sản	Điều 12	x	x	x
		Quản lý nhà nước về khai thác khoáng sản	Điều 13	x		
		Các hoạt động khai thác khoáng sản	Điều 17	x		
			Điều 48	x	x	x
13	Nghị định 76/2000/NĐ-CP v/v Quy định chi tiết việc thi hành Luật Khoáng sản (Sửa đổi)	Một số quy định về tài chính và quyền tài sản	Điều 29	x		
			Điều 30	x		
			Điều 31	x		
			Điều 33	x		
			Điều 37	x		
			Điều 38	x		
		Thẩm định, phê duyệt đề án, báo cáo trong hoạt động khoáng sản	Điều 42, khoản 1	x		
			Điều 43, khoản 3	x		
			Điều 46	x		
			Điều 47	x		
		Nguyên tắc, thủ tục cấp giấy phép hoạt động khoáng sản	Điều 48, khoản 3	x	x	x
			Điều 50	x	x	x
			Điều 58	x	x	x
Điều 59	x		x	x		
Điều 60	x		x	x		
14	Nghị định 41/2001/NĐ-CP v/v Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện	Quy định chung	Điều 4, khoản 3, 4, 5	x	x	x

BÁO CÁO PHÂN TÍCH THỂ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN QLTHVB VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM

	quản lý nhà nước về hoạt động của lực lượng cảnh sát biển và việc phối hợp hoạt động giữa các lực lượng trên các vùng biển và thềm lục địa của nước CHXHCN Việt Nam	Phối hợp thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động của lực lượng cảnh sát biển	Điều 14, khoản 3, 4, 5 và 6	x	x	x
			Điều 15	x	x	x
			Điều 16	x	x	x
			Điều 18, khoản 1	x	x	x
			Điều 20, khoản 1	x	x	x
		Phối hợp hoạt động giữa các lực lượng	Điều 23, khoản 1	x	x	x
			Điều 24	x	x	x
			Điều 26	x	x	x
15	Chỉ thị 01/1998/TTg v/v Nghiêm cấm sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản	Nghiêm cấm sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản	T toàn bộ văn bản	x	x	x
16	Chỉ thị 07/CT-TTg v/v Tăng cường giữ gìn trật tự, trị an và vệ sinh môi trường tại các địa điểm tham quan, du lịch	Tăng cường giữ gìn trật tự, trị an và vệ sinh môi trường tại các địa điểm tham quan, du lịch	Mục 3	x		x
			Mục 4	x		x
			Mục 6	x		x
17	Quyết định 395/1998/QĐ-BKHCNMT v/v Ban hành Quy chế bảo vệ môi trường trong việc tìm kiếm, thăm dò, phát triển mỏ, khai thác, tăng trữ, vận chuyển, chế biến dầu khí và các dịch vụ liên quan	Những quy định chung	Điều 4	x	x	x
			Điều 5	x	x	x
			Điều 7	x	x	x
			Điều 8	x	x	x
		Tìm kiếm, thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu khí	Điều 9	x	x	x
			Điều 10	x	x	x
			Điều 11	x	x	x
			Điều 15	x	x	x
			Điều 16	x	x	x
		Việc thiết kế, thi công đường ống	Điều 21	x	x	x
			Điều 22	x	x	x
		Việc xúc rửa các bể chứa, đường ống dẫn dầu, khí và xử lý các chất thải sinh ra từ quá trình xúc rửa	Điều 24	x	x	x
		Chế biến dầu khí	Điều 25	x	x	x
			Điều 26	x	x	x
Điều 27	x		x	x		
Điều 28	x		x	x		
Điều 30	x		x	x		
Các hoạt động dịch vụ	Điều 31	x	x	x		
	Điều 32	x	x	x		
	Điều 35	x	x	x		

BÁO CÁO PHÂN TÍCH THỂ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN QLTHVB VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM

=====

		Khắc phục ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường, sự cố môi trường	Điều 36	x	x	x		
			Điều 37	x	x	x		
			Điều 38	x	x	x		
			Điều 39	x	x	x		
		Thanh tra, khen thưởng, xử lý vi phạm	Điều 40	x	x	x		
			Điều 42	x				
			Điều 43	x				
19	Quyết định 2242/QĐ/KHK-T-PC v/v Ban hành Quy chế bảo vệ môi trường trong ngành giao thông vận tải	Bảo vệ môi trường trong xây dựng, bảo dưỡng, sửa chữa công trình giao thông	Điều 4	x	x	x		
			Điều 5	x	x	x		
			Điều 8	x	x	x		
		Phòng chống ô nhiễm môi trường đối với phương tiện giao thông, cơ giới	Điều 9 khoản 1	x	x	x		
			Điều 10, khoản 2, 3	x	x	x		
			Điều 11	x	x	x		
			Điều 14	x	x	x		
		Bảo vệ môi trường trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ giao thông vận tải	Điều 15	x		x		
			Điều 17	x				
			Điều 19	x	x	x		
		Thanh tra, khen thưởng, xử lý vi phạm	Điều 20	x		x		
			Điều 21	x				
			Điều 23	x				
		20	Thông tư liên bộ 155-TTLB v/v Quy định tạm thời về kế hoạch hóa công tác môi trường	Mục tiêu kế hoạch hóa	Mục 1	x		x
				Nội dung kế hoạch hóa	Mục 2, Phần a	x	x	x
Xây dựng kế hoạch	Mục 3, Phần b			x	x	x		
Tổng hợp và giao kế hoạch	Mục 3, Phần b			x				
Triển khai và kiểm tra thực hiện kế hoạch	Mục 3, Phần d			x				
21	Thông tư liên tịch 126/TTLB-BTC-BCN-BKH-CNMT v/v Hướng dẫn việc ký quỹ để phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản	Đối tượng và mục đích của việc ký quỹ	Mục I	x				
		Căn cứ và phương pháp xác định mức tiền ký quỹ	Mục II Phần 1, 2	x				
		Quản lý, sử dụng tiền ký quỹ	Mục IV	x				
		Tổ chức thực hiện	Mục V	x				
	Quyết định 415-TTG v/v Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thanh tra bảo vệ nguồn lợi thủy sản	Nhiệm vụ của thanh tra bảo vệ nguồn lợi thủy sản	Điều 5	x	x	x		
		Quyền hạn của thanh tra bảo vệ nguồn lợi thủy sản	Điều 6	x	x	x		
		Khen thưởng, xử phạt	Điều 20	x				
			Điều 21	x				

BÁO CÁO PHÂN TÍCH THỂ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN QLTHVB VINH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM

Quyết định 1211 v/v ban hành Quy chế hoạt động của Trạm quan trắc và phân tích môi trường tại trường ĐH Bách khoa tp Hồ Chí Minh và Trường ĐH Xây dựng Hà Nội (kèm theo quy chế)	Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Trạm	Mục II	x	x	x
Quyết định 845-TTg v/v Phê duyệt kế hoạch hành động đa dạng sinh học của Việt Nam (kèm theo kế hoạch)	Mục tiêu của Kế hoạch hành động	Phần II	x	x	x
	Các nội dung của kế hoạch		x	x	x
			x	x	x
			x	x	x
			x	x	x
			x	x	x
	Những việc cần thực hiện trong kế hoạch 5 năm 1996 - 2000		x	x	x
Chỉ thị 359-TTg v/v những biện pháp cấp bách để bảo vệ và phát triển các loài động vật hoang dã		T toàn bộ	x	x	x
		T toàn bộ	x	x	x
		T toàn bộ	x	x	x
		T toàn bộ	x	x	x
		T toàn bộ	x	x	x
Chỉ thị 487-TTg v/v Tăng cường quản lý đối với tài nguyên nước		T toàn bộ	x	x	x
		T toàn bộ	x	x	x
Thông tư liên bộ số 155-TTLB v/v quy định tạm thời về kế hoạch hóa công tác môi trường		T toàn bộ	x	x	x
		T toàn bộ	x	x	x
Thông tư 1485-MTg hướng dẫn tổ chức, quyền hạn và phạm vi hoạt động của thanh tra bảo vệ môi trường	Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức thanh tra Nhà nước về bảo vệ môi trường	T toàn bộ			
	Đối tượng, nội dung và phạm vi thanh tra	T toàn bộ			
Thông tư 3370-TT/MTg hướng dẫn tạm thời về khắc phục sự cố môi trường do cháy nổ xăng dầu		T toàn bộ	x	x	x
		T toàn bộ	x	x	x
Thông tư 2262-TT/MTg hướng dẫn về khắc phục sự cố môi trường do cháy nổ xăng dầu	Các quy định chung:	T toàn bộ	x	x	x
	Công tác thông báo	T toàn bộ	x	x	x
	Tổ chức thực hiện	T toàn bộ	x	x	x
	Biện pháp phòng ngừa	T toàn bộ	x	x	x
	Bồi thường thiệt hại	T toàn bộ	x	x	x

BÁO CÁO PHÂN TÍCH THỂ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN QLTHVB VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM

=====

Thông tư 2433-TT/KCM hướng dẫn thi hành Nghị định 26-CP v/v quy định việc xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường	Những quy định chung	Tòan bộ	x	x	x
	Các hình thức cụ thể	Tòan bộ	x	x	x
Thông tư 2891-v/v hướng dẫn bảo vệ môi trường Vịnh Hạ Long	Những quy định chung	Tòan bộ	x	x	x
		Tòan bộ	x	x	x
	Những quy định cụ thể	Tòan bộ	x		x
		Tòan bộ	x		x
Thanh tra, khen thưởng, xử lý vi phạm và đóng góp tài chính	Tòan bộ	x	x	x	
Công văn 389-MTg v/v hướng dẫn tạm thời về việc xử lý sự cố tràn dầu	Các quy định chung	Tòan bộ	x	x	x
	Hồ sơ pháp lý, truy cứu trách nhiệm, đòi bồi thường thiệt hại về môi trường	Tòan bộ	x	x	x
Công văn 2592-MTg v/v kiểm soát ô nhiễm biển từ các phương tiện giao thông thủy	Các quy định chung	Tòan bộ	x	x	x
Quyết định 130/CT v/v thành lập Cục Bảo vệ Nguồn lợi Thủy sản		Tòan bộ			x
Quyết định *** của Bộ trưởng Bộ thủy sản v/v quy định về tổ chức bảo vệ nguồn lợi thủy sản		Tòan bộ	x	x	x
Pháp lệnh Thuế Tài nguyên (sửa đổi)		Điều 2, Mục 6	x		
		Điều 1, Mục 1		x	
		Còn lại			x
Quyết định 358/TTg ngày 29/5/1997 của Thủ tướng Chính phủ v/v ưu đãi thuế với hoạt động khai thác hải sản xa bờ		Điều 1, Mục 1	x		
		Điều 2	x		
Thông tư 30/TC -TCT của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý thu thuế đối với khai thác thủy sản		Phần I, Khoản 2		x	
		Còn lại			x
Thông tư liên tịch 07/1998/TTLT-BTC-BTS v/v hướng dẫn thi hành Quyết định 358/TTg		Phần I, khoản 1, 4	x		
		Phần II, khoản 2		x	
		Còn lại			x

BÁO CÁO PHÂN TÍCH THỂ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN QLTHVB VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM

=====

	Quyết định 40/BTS/QĐ của Bộ trưởng Bộ Thủy sản v/v Quy định về đăng ký và cấp các loại giấy phép liên quan đến hoạt động nghề cá					X
	Nghị định 14/CP của Chính phủ v/v Quản lý giống vật nuôi		Điều 1, Mục 1, 2, 3, 4	X		
			Điều 1, Mục 2, 7, 7, 11		X	
			Điều 9, Mục 1, 2	X		
			Điều 10	X		
			Điều 4		X	
			Điều 6		X	
			Điều 7		X	
			Điều 16		X	
	Thông tư 05/TT-NC của Bộ Thủy sản hướng dẫn thi hành Nghị định 14/CP		Phần B, khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6	X		
			Còn lại			X
	Nghị định 15/CP ngày 19/3/1996 của Chính phủ v/v quản lý thức ăn chăn nuôi		T toàn bộ			X
	Thông tư số 2/98/TT-BTS của Bộ Thủy sản v/v hướng dẫn thi hành Nghị định 15/CP		T toàn bộ			X
	Quyết định 14/QĐ-KHCN của Bộ Thủy sản v/v Ban hành quy chế đăng ký chất lượng hàng hóa chuyên ngành thủy sản		T toàn bộ			X
	Quyết định 1184-QĐ-KHCN v/v Ban hành quy chế kiểm tra và chứng nhận nhà nước về chất lượng hàng hóa thủy sản		T toàn bộ			X
	Thông tư 03/TT-TCLĐ-CB của Bộ trưởng Bộ Thủy sản v/v hướng dẫn phân công việc thực hiện quản lý nhà nước về chất lượng hàng hóa thủy sản		T toàn bộ			X

BÁO CÁO PHÂN TÍCH THỂ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN QLTHVB VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM

=====

	Quyết định 370/1998/QĐ-BTS v/v quy định cụ thể mã số của các cơ quan quản lý nhà nước thuộc hệ thống bảo vệ nguồn lợi thủy sản		Toàn bộ			x
	Công văn 394/NN của Hội đồng Bộ trưởng v/v quy định vùng biển thềm dò, khai thác hải sản		Toàn bộ			x
	Chỉ thị 338/CT của Chủ tịch HĐBT v/v tăng cường quản lý các hoạt động về thăm dò, khai thác hải sản của tàu thuyền và phương tiện nước ngoài tại vùng biển nước CHXHCN Việt Nam		Khoản 2, 3		x	
	Nghị định 49/1998/NĐ-CP của Chính phủ v/v quản lý hoạt động nghề cá của người và phương tiện nước ngoài tại vùng biển Việt Nam		Điều 2	x	x	
			Còn lại			x
	Thông tư 03/1998/TT/BTS v/v hướng dẫn thực hiện Nghị định 49/NĐ-CP		Điều 2, Mục 1, 2, 3, 4	x		
			Còn lại			x
	Quyết định 682/TS-QĐ của Bộ trưởng Bộ Thủy sản v/v Ban hành quy chế khai thác và quản lý nguồn lợi hải sản trên các ngư trường trọng điểm		Điều 1	x		
			Điều 2		x	
			Điều 3, Mục (a)		x	
			Điều 3, Mục (b)	x		
	Công văn số 147/BVNL của Cục BVNLTS hướng dẫn thi hành Quyết định 682/TS-QĐ		Phần 1 khoản 1		x	
			Phần 1, khoản 2	x		
	Quyết định 393/TTg của Thủ tướng Chính phủ v/v Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng đầu tư theo kế hoạch nhà nước cho các dự án đóng mới, cải hoán tàu đánh bắt và tàu dịch vụ đánh bắt hải sản xa bờ		Toàn bộ			x
	Quyết định 274/TTg của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập ban chỉ đạo nhà nước về chương trình đánh bắt hải sản xa bờ		Toàn bộ			x

BÁO CÁO PHÂN TÍCH THỂ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN QLTHVB VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM

=====

Quyết định 415/TTg ngày 10/8/1994 của Thủ tướng Chính phủ v/v Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của thanh tra BVNLTS		Toàn bộ			X
Quyết định 850/TS-QĐ của Bộ trưởng Bộ Thủy sản v/v ban hành các quy định hướng dẫn Quyết định 415-TTg		Toàn bộ			X
Quyết định 748/TS-QĐ của Bộ trưởng Bộ Thủy sản v/v ban hành quy định về cờ hiệu và trang phục của thanh tra BVNLTS		Toàn bộ			X
Quyết định 913/1997/QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ v/v thực hiện chế độ bồi dưỡng đi biển đối với thanh tra viên, kiểm soát viên BVNLTS		Toàn bộ			X
Công văn 807/CV-BVNLTS v/v hướng dẫn thực hiện chế độ đối với thanh tra viên BVNLTS		Toàn bộ			X
Quyết định 20/2000/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ban hành biểu thu phí, lệ phí về công tác BVNLTS		Toàn bộ			X
Nghị định 48/CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản		Điều 4		X	
		Điều 5	X		
		Điều 6	X		
		Điều 8	X		
		Điều 9	X		
		Còn lại			X
Thông tư 04/TT-BVNL của Bộ Thủy sản hướng dẫn thi hành Nghị định 48/CP		Điều 3, Mục 3.1		X	
		Điều 3, Mục 3.2	X		
		Điều 3, Mục 3.3	X		
		Còn lại			X
Thông tư 02/TS-TT ngày		Phần I, khoản 1		X	

BÁO CÁO PHÂN TÍCH THỂ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN QLTHVB VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM

=====

	25/6/1994 của Bộ Thủy sản v/v hướng dẫn thi hành Nghị định 93/CP ngày 27/11/1993 của Chính phủ về Công tác thú y đối với động vật và sản phẩm động vật thủy sản		Phần II, khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7	x		
	Chỉ thị 01/1998/Ct/TTg của Thủ tướng Chính phủ v/v nghiêm cấm sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản		Phần 1	x		
			Còn lại		x	
	Quyết định 224/2000/QĐ-BTS của Bộ trưởng Bộ Thủy sản v/v quản lý xuất nhập khẩu hàng thủy sản chuyên ngành năm 2000		Điều 1, phụ lục 01, phụ lục 02		x	
			Điều 3	x		
			Điều 4 khoản 4.1, 4.2	x		
	Quyết định 1572/2001/BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT v/v ban hành tiêu chuẩn đăng kiểm thuyền viên tàu cá		Toàn bộ			x
	Quyết định 425/2001/QĐ-BTS v/v quy định tạm thời về công bố tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa chuyên ngành thủy sản		Điều 3	x		
			Còn lại			x
	Quyết định 494/2001/QĐ-BTS v/v ban hành quy chế đăng kiểm tàu cá, đăng ký tàu cá và thuyền viên		Điều 2 mục 7	x		
			Còn lại			x
	Quyết định 744/2001/QĐ-BTS của Bộ trưởng Bộ Thủy sản v/v ban hành biểu mẫu biên bản kiểm tra điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm tàu cá, tiêu chuẩn xếp loại điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm tàu cá		Điều 20			x
	Quyết định 747/2001/QĐ-BTS của Bộ Thủy sản v/v ban hành quy chế hoạt động và quản lý tàu kiểm ngư		Điều 8, mục 1, 2	x		
			Điều 8, mục 3		x	
			Điều 10, mục 1, 2			x
	Nghị định 86/2001/NĐ-CP ngày 16/11/2001 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh các ngành nghề		Điều 1, khoản a		x	
			Điều 1, khoản b, c, d	x		

BÁO CÁO PHÂN TÍCH THỂ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN QLTHVB VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM

=====

	thủy sản		Còn lại			x
Quyết định 03/2002/QĐ-BTS ngày 23/1/2002 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản v/v ban hành quy chế quản lý thuốc thú y thủy sản			Điều 3 mục 1		x	
			Điều 3, mục 2, 3	x		
			Còn lại			x
Quyết định 14/2002/QĐ-BTS v/v điều chỉnh Quyết định 344/2002/QĐ-BTS			Điều 1, mục 1	x		
			Điều 1, mục 2		x	
			Còn lại			x
Quyết định 17/2002/QĐ-BTS của Bộ trưởng Bộ Thủy sản v/v ban hành danh mục thuốc thú y thủy sản được phép sử dụng trong nuôi trồng thủy sản			Điều 1	x		
			Còn lại			x
Quyết định 18/2002/QĐ-BTS v/v ban hành quy chế khảo nghiệm giống, thức ăn, hóa chất và chế phẩm sinh học dùng trong nuôi trồng thủy sản			Toàn bộ			x
Thông tư 01/2000/TT-BTS v/v sửa đổi, bổ sung một số điểm trong Thông tư 04/BTS/TT ngày 30/8/1990			Toàn bộ	x	x	